

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, Cục ĐBĐVN.

de *14/2* *12/9/13*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VẤN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH CAO BẰNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 25 /2013/TT-BTNMT
ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Cao Bằng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Cao Bằng và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
TỈNH CAO BẰNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Cao Bằng	3
2	Huyện Bảo Lạc	11
3	Huyện Bảo Lâm	31
4	Huyện Hạ Lang	42
5	Huyện Hà Quảng	55
6	Huyện Hòa An	69
7	Huyện Nguyên Bình	87
8	Huyện Phục Hòa	101
9	Huyện Quảng Uyên	110
10	Huyện Thạch An	124
11	Huyện Thông Nông	140
12	Huyện Trà Lĩnh	151
13	Huyện Trùng Khánh	161

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00° , phút, giây)	Kinh độ (00° , phút, giây)	Vĩ độ (00° , phút, giây)	Kinh độ (00° , phút, giây)	Vĩ độ (00° , phút, giây)	Kinh độ (00° , phút, giây)	
tổ 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 39"	106° 13' 22"					F-48-33-C
tổ 3	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng			22° 40' 53"	106° 13' 49"	22° 40' 46"	106° 12' 07"	F-48-33-C
tổ 4	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Bản Lãng 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 29"	106° 12' 35"					F-48-33-C
xóm Bản Lãng 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Bản Lầy	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 17"	106° 12' 40"					F-48-33-C
xóm Bản Mới	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 36"	106° 13' 08"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng			22° 41' 23"	106° 13' 55"	22° 41' 42"	106° 12' 06"	F-48-33-C
Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 52"	106° 13' 29"					F-48-33-C
nhà máy gang thép	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 28"	106° 12' 54"					F-48-33-C
xóm Giáy	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Cút	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Hân 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Hân 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
Khau Mị	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 24"	106° 12' 16"					F-48-33-C
miếu Khau Rọc	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Rọc	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Xá	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 44"	106° 12' 16"					F-48-33-C
Khuổi Kép	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 39' 12"	106° 12' 25"					F-48-33-C
khu di tích Lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giỏi	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 38"	106° 12' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Quốc	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 14"	106° 12' 26"					F-48-33-C
xóm Nà Tanh	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 57"	106° 12' 13"					F-48-33-C
xóm Nà Toàn 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 25"	106° 12' 52"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Toàn 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Sóng Măng	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 34"	106° 12' 13"					F-48-33-C
xóm Thâm Hoàng 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 02"	106° 13' 14"					F-48-33-C
xóm Thâm Hoàng 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Vô Dặm	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 05"	106° 12' 41"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng			22° 40' 26"	106° 15' 04"	22° 38' 41"	106° 15' 31"	F-48-33-D
tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng	22° 40' 00"	106° 15' 24"					F-48-33-D
sông Hiến	TV	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng			22° 40' 25"	106° 15' 04"	22° 39' 38"	106° 15' 23"	F-48-33-D
chùa Phố Cũ	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
sân vận động Thị xã	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng	22° 40' 16"	106° 15' 19"					F-48-33-D
nền nhà Tỉnh ủy Cao Bằng	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng							
quốc lộ 3	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 28"	106° 14' 50"	22° 40' 28"	106° 14' 50"	F-48-32-C
đường tỉnh 203	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 34"	106° 14' 07"	22° 41' 31"	106° 14' 07"	F-48-32-C
xóm Bản Vuộn	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 26"	106° 14' 34"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 19"	106° 15' 26"	22° 38' 48"	106° 16' 57"	F-48-33-C
Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 40"	106° 15' 04"					F-48-32-C
xóm Gia Bình	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Gia Cung	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
cầu Gia Cung	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 28"	108° 14' 50"					F-48-32-C
xóm Giã Ngâm	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 01"	106° 14' 16"					F-48-33-C
xóm Khau Thủa 1	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Thủa 2	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Thủa 3	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khuổi Đưa	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Nà Bám	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 31"	106° 14' 09"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Kéo	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 53"	106° 15' 28"					F-48-33-D
xóm Nà Pế	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 59"	106° 15' 04"					F-48-33-D
xóm Nà Sang	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 1	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 2	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 3	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Xương Gỗ	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 1	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 2	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 3	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 4	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 5	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 6	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 7	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 8	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 9	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 10	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 12	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 13	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 14	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 15	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 16	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 17	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 18	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 19	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
tổ 20	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 21	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 22	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 23	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 24	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
đền Bà Hoàng	KX	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng			22° 40' 19"	106° 15' 26"	22° 38' 48"	106° 16' 57"	F-48-33-D
đường Lê Lợi - Pắc Pô	KX	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng			22° 40' 59"	106° 16' 33"	22° 40' 21"	106° 15' 30"	F-48-33-D
đồi Nà Phầy	SV	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng	22° 39' 33"	106° 16' 44"					F-48-33-D
tổ 1	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 2	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 3	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 40' 28"	106° 14' 50"	22° 40' 53"	106° 13' 49"	F-48-32-C
tổ 4	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 5	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 6	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 7	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 8	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 9	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 10	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 11	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng	22° 40' 40"	106° 14' 27"					F-48-33-C
tổ 12	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 13	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 14	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 15	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
tổ 16	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 17	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 18	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 19	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 20	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 21	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 22	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 23	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 24	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 25	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 26	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 27	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 28	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 29	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 30	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 31	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 32	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 40' 25"	106° 15' 03"	22° 41' 04"	106° 13' 54"	F-48-33-C
sông Hiến	TV	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 39' 26"	106° 15' 12"	22° 40' 25"	106° 15' 03"	F-48-33-C
tổ 4	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 5	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 6	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 7	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 8	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 9	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 10	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 11	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 12	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 13	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 14	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 15	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 16	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 17	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 18	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 19	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 20	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 21	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 22	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng	22° 35' 14"	106° 16' 05"					F-48-33-D
núi Địa Chất	SV	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng	22° 38' 39"	106° 15' 36"					F-48-33-D
pháo đài Quân sự tỉnh	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng			22° 35' 02"	106° 18' 38"	22° 37' 34"	106° 17' 34"	F-48-33-D
xóm Bản Nùng	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 56"	106° 19' 29"					F-48-33-D
xóm Bò Giời	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 57"	106° 20' 20"					F-48-33-D
xóm Cốc Găng	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 45"	106° 17' 55"					F-48-33-D
cầu Cốc Găng	KX	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 38' 38"	106° 18' 04"					F-48-33-D
núi Đồng Đan	SV	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 49"	106° 18' 26"					F-48-33-D
núi Khau Tân	SV	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 41"	106° 17' 01"					F-48-33-D
xóm Khuổi Sảo	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 12"	105° 17' 46"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Lũng Nà	DC	xã Chu Trính	TP. Cao Bằng	22° 35' 28"	106° 20' 18"					F-48-33-D
xóm Nà Chang	DC	xã Chu Trính	TP. Cao Bằng	22° 37' 04"	106° 18' 53"					F-48-33-D
xóm Nà Dila	DC	xã Chu Trính	TP. Cao Bằng	22° 34' 45"	106° 19' 48"					F-48-33-D
xóm Nà Sảo	DC	xã Chu Trính	TP. Cao Bằng	22° 35' 23"	106° 18' 31"					F-48-33-D
xóm Nà Tầu - Boong Quang	DC	xã Chu Trính	TP. Cao Bằng	22° 36' 15"	106° 17' 40"					F-48-33-D
xóm 1	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 43"	106° 16' 56"					F-48-33-D
xóm 2	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 23"	106° 16' 53"					F-48-33-D
xóm 3	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 14"	106° 16' 46"					F-48-33-D
xóm 4	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 06"	106° 17' 11"					F-48-33-D
quốc lộ 4A	KK	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng			22° 37' 34"	106° 17' 34"	22° 38' 45"	106° 16' 33"	F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng			22° 36' 29"	106° 17' 31"	22° 38' 44"	106° 16' 41"	F-48-33-D
núi Bùng Bại	SV	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 36' 27"	106° 17' 34"					F-48-33-D
xóm Nà Đuống	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 27"	106° 16' 38"					F-48-33-D
xóm Nà Lũng	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 21"	106° 16' 42"					F-48-33-D
mỏ sắt Nà Lũng	KK	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nà Thỏ	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 03"	106° 17' 06"					F-48-33-D
xóm Nà Thơm	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 40"	106° 17' 28"					F-48-33-D
Trại giam	KK	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 40"	106° 17' 13"					F-48-33-D
Nhà máy Xi măng	KK	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 48"	106° 17' 39"					F-48-33-D
xóm 4A1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm 4A2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm 4B1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm 4B2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
sông Hiến	TV	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng			22° 38' 48"	106° 14' 38"	22° 39' 26"	106° 15' 12"	F-48-33-D
xóm Nà Chương 1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Nhà Chường 2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nhà Gà	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 20"	106° 14' 46"					F-48-33-C
xóm Nhà Hoàng	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 38"	106° 14' 28"					F-48-33-C
xóm Nhà Lắc	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 45"	106° 15' 04"					F-48-33-D
xóm Nhà Rựa	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 36"	106° 15' 01"					F-48-33-D
nhà máy Nước	KX	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 41' 14"	106° 14' 01"					F-48-33-D
xóm Pắc Cây	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 56"	106° 15' 03"					F-48-33-D
xóm Tân An 1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 3	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 4	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
núi Thiên Phần	SV	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 23"	106° 14' 38"					F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 40' 46"	106° 12' 07"	22° 39' 55"	106° 11' 42"	F-48-33-C
quốc lộ 34	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 40' 40"	106° 11' 51"	22° 39' 59"	106° 10' 49"	F-48-33-C
xóm 2 Nam Phong	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 55"	106° 11' 42"					F-48-33-C
xóm 3 Nam Phong	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 34"	106° 11' 52"					F-48-33-C
xóm 3 Ngọc Quyển	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 47"	106° 11' 30"					F-48-33-C
xóm 4 Ngọc Quyển	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 13"	106° 11' 21"					F-48-33-C
xóm 5 Hồng Quang	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 42' 00"	106° 11' 00"					F-48-33-C
xóm Bân Lãng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 49"	106° 11' 03"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 42' 23"	106° 10' 52"	22° 41' 42"	106° 12' 06"	F-48-33-C
Cốc Mười	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							
xóm Đà Quận	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 10"	106° 11' 00"					F-48-33-C
chùa Đà Quận	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 54"	106° 10' 58"					F-48-33-C
xóm Đồng Chúp	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 44"	106° 11' 52"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Đồng Lân	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 10"	106° 06' 48"					F-48-33-C
xóm Hồng Quang	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 25"	106° 10' 52"					F-48-33-C
xóm Khau Đồn	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 31"	106° 11' 13"					F-48-33-C
xóm Khau Tổng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 12"	106° 11' 10"					F-48-33-C
xóm Pác Phiêng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							
đền Quan Triều	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
đường tỉnh 203	KX	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng			22° 41' 31"	106° 14' 07"	22° 42' 02"	106° 11' 33"	F-48-33-C
xóm Bản Ngàn	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 57"	106° 03' 53"					F-48-33-C
xóm Bản Tại	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 04"	106° 12' 14"					F-48-33-C
xóm Bản Thín	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 11"	106° 12' 07"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng			22° 41' 42"	108° 12' 06"	22° 41' 23"	108° 13' 55"	F-48-33-C
xóm Đồng Cống	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 48"	106° 13' 51"					F-48-33-D
xóm Đức Chính 1	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 04"	106° 04' 47"					F-48-33-C
xóm Đức Chính 2	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Đức Chính 3	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
đền Kỳ Sầm	KX	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 40"	106° 14' 00"					F-48-33-C
xóm Lô Ngọa	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 04"	106° 03' 17"					F-48-33-C
xóm Nà Chiêm	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 02"	106° 12' 57"					F-48-33-D
núi Nà Lín	SV	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 15"	106° 12' 48"					F-48-33-C
xóm Nà Luông	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 57"	106° 12' 04"					F-48-33-C
xóm Nà Mạ	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 43"	106° 03' 12"					F-48-33-C
xóm Vô Đuẩn	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 03"	106° 11' 42"					F-48-33-C
xóm Vô Tấu	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 31"	106° 12' 25"					F-48-33-C
lô dân phố 1	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 42"	105° 40' 24"					F-48-32-A
lô dân phố 2	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 45"	105° 40' 27"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
tổ dân phố 3	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 55' 49"	105° 40' 30"					F-48-32-A
tổ dân phố 4	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 55' 47"	105° 40' 51"					F-48-32-A
tổ dân phố 5	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 55' 43"	105° 40' 58"					F-48-32-A
tổ dân phố 6	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 05"	105° 40' 34"					F-48-32-A
tổ dân phố 7	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 53"	105° 40' 21"					F-48-32-A
tổ dân phố 8	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 39"	105° 40' 13"					F-48-32-A
tổ dân phố 9	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
tổ dân phố 10	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 34"	105° 40' 22"					F-48-32-A
tổ dân phố 11	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 07"	105° 40' 45"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 56' 28"	105° 40' 18"	22° 57' 35"	105° 40' 10"	F-48-32-A
cầu Bảo Lạc 1	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
cầu Bảo Lạc 2	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
núi Khuổi Tầu	SV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 08"	105° 39' 33"					F-48-32-A
xóm Nà Chùa	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 37"	105° 40' 13"					F-48-32-A
xóm Nà Dương	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
sông Nà Dương	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 55' 56"	105° 41' 15"	22° 56' 57"	105° 40' 32"	F-48-32-A
xóm Nà Pẩn	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 53"	105° 40' 31"					F-48-32-A
xóm Nà Phạ	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 40' 03"					F-48-32-A
xóm Nà Sài	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
sông Neo	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 55' 40"	105° 39' 59"	22° 57' 18"	105° 40' 49"	F-48-32-A
sông Pác Pét	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 56' 16"	105° 54' 27"	22° 56' 48"	105° 42' 12"	F-48-32-A
chùa Văn An	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
quốc lộ 34	KX	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc			22° 58' 12"	105° 38' 44"	22° 56' 11"	105° 35' 03"	
xóm Bản Lũng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 49"	105° 34' 32"					F-48-32-A
xóm Bản Rừng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 13"	105° 38' 06"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Căng Lú	SV	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 54"	105° 34' 27"					F-48-32-A
xóm Cốc Chom	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 57' 35"	105° 34' 09"					F-48-32-A
xóm Cốc Lũng	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 30"	105° 35' 32"					F-48-32-A
sông Gâm	TV	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc			22° 58' 19"	105° 38' 47"	22° 56' 11"	105° 33' 58"	F-48-32-A
xóm Khuổi Bốc	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 52"	105° 36' 46"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pết	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 57' 56"	105° 34' 33"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rập	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 55' 47"	105° 35' 27"					F-48-32-A
xóm Nà Rò	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 48"	105° 35' 44"					F-48-32-A
xóm Nà Siêm	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 37"	105° 38' 11"					F-48-32-A
xóm Pò Pán	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 59' 53"	105° 35' 31"					F-48-32-A
Đồn Biên phòng Cò Ba	KX	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 36"	105° 45' 21"					F-48-32-B+20-D
Cốc Nạc	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 25"	105° 46' 03"					F-48-32-B+20-D
bản Diều	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 04"	105° 44' 07"					F-48-20-C
núi Đông Pu	SV	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 42' 21"					F-48-32-A
sông Gâm	TV	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc			23° 00' 37"	105° 47' 13"	22° 56' 48"	105° 41' 26"	F-48-32-A; F-48-32-B+20-D
sông Giường	TV	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc			23° 02' 04"	105° 44' 54"	23° 01' 09"	105° 45' 29"	F-48-32-A
xóm Khuổi Giào	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 58"	105° 44' 22"					F-48-32-A
thung lũng Láo Lú	SV	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 51"	106° 45' 10"					F-48-32-B+20-D
Lên Tri	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 10"	105° 45' 42"					F-48-32-B+20-D
Lũng Cưỡng	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 02"	105° 44' 45"					F-48-20-C
Lũng Giàng	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 33"	105° 44' 13"					F-48-20-C
Lũng Nà	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 31"	105° 43' 21"					F-48-20-C
Lũng Rào	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 07"	105° 46' 28"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tạc	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 20"	105° 44' 23"					F-48-20-C
xóm Lũng Vây	DC	xã Cò Ba	H. Bảo Lạc							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lược Xá	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 15"	105° 45' 30"					F-48-32-B+20-D
Lý Lũng	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 45"	105° 43' 08"					F-48-20-C
núi Mo Thiên Linh	SV	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 57"	105° 46' 05"					F-48-32-B+20-D
Nà Báng	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 48"	105° 46' 03"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Bốp	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 31"	105° 44' 21"					F-48-32-A
Nà Bùn	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 25"	105° 44' 24"					F-48-32-A
Nà Cắm	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 51"	105° 44' 04"					F-48-32-A
Nà Đin	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 04"	105° 44' 44"					F-48-32-A
xóm Nà Đôm	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 20"	105° 42' 54"					F-48-32-A
Nà Đông	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 01"	105° 44' 47"					F-48-32-B+20-D
Nà Hùn	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 43"	105° 44' 32"					F-48-32-A
Nà Lai	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 39"	105° 42' 16"					F-48-32-A
Nà Lăng	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 46"	105° 43' 36"					F-48-32-A
Nà Lóng	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 19"	105° 43' 27"					F-48-20-C
xóm Nà Lũng	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 44' 33"					F-48-32-A
Nà Mỏ	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 51"	105° 42' 31"					F-48-32-A
Nà Phất	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 10"	105° 45' 07"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rào	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 59"	105° 45' 51"					F-48-32-B+20-D
Nà Riền	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 13"	105° 44' 27"					F-48-32-A
xóm Nà Tào	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc							
xóm Ngâm Lồm	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc							
núi Ngâm Lồm	SV	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 50"	105° 45' 59"					F-48-32-B+20-D
sườn Nôm	TV	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc			22° 59' 43"	105° 44' 14"	22° 58' 37"	105° 44' 19"	F-48-32-B+20-D
Pác Đin	DC	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 56' 55"	105° 42' 00"					F-48-32-A
núi Pác Đin	SV	xã Cỏ Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 36"	105° 41' 46"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)		
đôi Pác Kéo	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 02' 00"	105° 43' 57"						F-48-20-C
Phía Đàng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 51"	105° 43' 49"						F-48-20-C
Phường Lú	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 07"	105° 45' 01"						F-48-32-B+20-D
xóm Phường Mòn	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 04"	105° 45' 31"						F-48-32-B+20-D
xóm Phường Sáng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 41"	105° 44' 42"						F-48-32-A
Phường Tàng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 55"	105° 42' 56"						F-48-32-A
Phường Vàng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 44"	105° 45' 31"						F-48-32-B+20-D
số 1 Sáp Hồ Sấy	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc			23° 00' 58"	105° 45' 06"	23° 01' 09"	105° 45' 30"		F-48-32-A
bản Tam	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 44' 33"						F-48-32-A
Tên Nà	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 40"	105° 45' 32"						F-48-32-B+20-D
sườn Thiêng Qua	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 34"	105° 46' 39"						F-48-32-B+20-D
làng Vây	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 02' 26"	105° 43' 29"						F-48-20-C
đường tỉnh 217	KX	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			22° 59' 46"	105° 38' 46"	23° 03' 15"	105° 34' 55"		F-48-20-C; F-48-32-A
Chè Lếch	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 58"	105° 39' 20"						F-48-20-C
số 1 Cốc Cầu	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 00' 21"	105° 36' 21"	23° 00' 13"	105° 38' 12"		F-48-20-C
xóm Cốc Mòn	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 34"	105° 37' 53"						F-48-20-C
số 1 Cốc Mòn	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 10"	105° 37' 58"	23° 00' 22"	105° 37' 58"		F-48-20-C
xóm Cốc Muối	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 58"	105° 39' 44"						F-48-20-C
xóm Cốc Pàng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 14"	105° 34' 54"						F-48-20-C
xóm Cốc Sầu	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 36"	105° 34' 48"						F-48-20-C
số 1 Cốc Sầu	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 00' 22"	105° 37' 25"	22° 59' 46"	105° 38' 42"		F-48-20-C; F-48-32-A
Cốc Sỷ	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 19"	105° 40' 14"						F-48-20-C
xóm Khuổi Đăm	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 52"	105° 38' 47"						F-48-20-C
Khuổi Khau	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc								
Khuổi Lả	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 19"	105° 34' 27"						F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	
xóm Khuổi Sà	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 22"	105° 36' 11"					F-48-20-C
xóm Khuổi Tằng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 29"	105° 36' 52"					F-48-20-C
suối Lè	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 01' 15"	105° 36' 53"	23° 00' 23"	105° 37' 52"	F-48-20-C
Lũng Cò	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	2° 30' 02"	105° 38' 23"					F-48-20-C
khuổi Nà	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 13"	105° 34' 47"	23° 03' 03"	105° 33' 49"	F-48-20-C
xóm Nà Nộc	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 29"	105° 37' 59"					F-48-20-C
xóm Nà Cam	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 36"	105° 39' 26"					F-48-20-C
Nà Lá	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 04' 23"	105° 38' 11"					F-48-20-C
suối Nà Linh	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 01' 43"	105° 39' 49"	23° 00' 13"	105° 38' 12"	F-48-20-C
xóm Nà Luông	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 29"	105° 37' 15"					F-48-20-C
suối Nà Luông	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 04' 42"	105° 38' 07"	23° 02' 10"	105° 37' 58"	F-48-20-C
xóm Nà Mía	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 01"	105° 39' 14"					F-48-20-C
xóm Nà Nhúng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 43"	105° 39' 14"					F-48-20-C
Nà Pù	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 34"	10° 53' 66"					F-48-20-C
xóm Nà Rại	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 39"	105° 38' 37"					F-48-20-C
Nà Tá	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 16"	105° 38' 29"					F-48-20-C
Pác Cáp	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 20"	105° 38' 00"					F-48-20-C
suối Pàng	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 03' 11"	105° 39' 14"	23° 02' 10"	105° 37' 58"	F-48-20-C
xóm Vằng Cò	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 14"	105° 37' 24"					F-48-20-C
suối Xà	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 50"	105° 35' 50"	23° 03' 22"	105° 35' 01"	F-48-20-C
quốc lộ 34	KX	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 45' 11"	105° 49' 39"	22° 48' 15"	105° 46' 58"	F-48-32-B+20-D
xóm Bàn Buông	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 03"	105° 44' 34"					F-48-32-A
xóm Bàn Chối	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 47"	105° 47' 40"					F-48-32-B+20-D
suối Bàn Chối	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 47' 34"	22° 45' 58"	105° 47' 06"	F-48-32-B+20-D
xóm Bàn Miếng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 35"	105° 46' 24"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Bần Ô	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 00"	105° 47' 20"					F-48-32-D
Bét	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 12"	105° 44' 31"					F-48-32-A
Bồ Pu	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 46' 11"					F-48-32-B+20-D
Cấp Ké	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 54"	105° 45' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Thốc	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 22"	105° 49' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Đá Pành	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 28"	105° 48' 57"					F-48-32-B+20-D
Hàng Miêu (Hàng Miếu)	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 57"	105° 47' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Kéo Van	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 04"	105° 48' 53"					F-48-32-B+20-D
xóm Khưa Lóm	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc							
Khuổi Pét	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 08"	105° 46' 45"					F-48-32-B+20-D
Lũng Muối	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quảng	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 46"	105° 47' 15"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vải	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 20"	105° 48' 18"					F-48-32-B+20-D
sườn Miêu (Miếng)	TV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc			22° 44' 37"	105° 46' 22"	22° 46' 20"	105° 45' 57"	F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Làng	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 42"	105° 49' 50"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Lin	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 52"	105° 48' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Pát	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 38"	105° 48' 49"					F-48-32-B+20-D
sông Neo	TV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc			22° 44' 25"	105° 47' 44"	22° 45' 58"	105° 47' 06"	F-48-32-B+20-D
núi Nhặt Bà	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 48"	105° 43' 59"					F-48-32-C
Pác Cáp	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 30"	105° 46' 16"					F-48-32-D
xóm Phia Khao	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 33"	105° 47' 43"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Sáng	SV	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 42"	105° 46' 27"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiang Châu 1	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 57"	105° 45' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiang Châu 2	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 19"	105° 46' 29"					F-48-32-B+20-D
xóm Puối Chang	DC	xã Đinh Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 40"	105° 47' 16"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sinh Dạng	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 21"	105° 46' 42"					F-48-32-B+20-D
núi Sủ Phụng Đỏ	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 14"	105° 48' 18"					F-48-32-B+20-D
sườn Tắt Pà	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 46' 16"	105° 49' 34"	22° 45' 29"	105° 48' 58"	F-48-32-B+20-D
núi Từ Cung Bó	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 15"	105° 49' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Vườn Chũ Chong	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 52"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Ca Dầm	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 21"	105° 49' 10"					F-48-32-B+20-D
núi Hồ Phi Lũng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 44"	105° 50' 37"					F-48-32-B+20-D
xóm Hai Ngựa	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 51"	105° 49' 36"					F-48-32-B+20-D
núi Hai Ngựa	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 57"	105° 50' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Sầu	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 48"	105° 50' 29"					F-48-32-B+20-D
xóm Mỹ Lũng	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 00"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
núi Pắc Káo	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 24"	105° 50' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Khau	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 52' 04"	105° 50' 30"					F-48-32-B+20-D
núi Sàng Lũng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 13"	105° 52' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Tả Chung	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 36"	105° 51' 41"					F-48-32-B+20-D
núi Trống Pêng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 06"	105° 49' 31"					F-48-32-B+20-D
núi Vải Thái	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 02"	105° 51' 44"					F-48-32-B+20-D
núi Ao Li	SV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 38' 34"					F-48-32-A
xóm Bản Khuông	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
xóm Bản Pây (Bản Pây)	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 27"	105° 40' 19"					F-48-32-A
xóm Cốc Xã Dưới	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 19"	105° 38' 00"					F-48-32-A
xóm Cốc Xã Trên	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 36"	105° 37' 58"					F-48-32-A
Trường Dân tộc nội trú huyện	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 02"	105° 40' 15"					F-48-32-A
xóm Khau Cà	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 37"	105° 39' 20"					F-48-32-A
xóm Khau Pầu	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Lũng Tiến	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 55' 25"	105° 37' 09"					F-48-32-A
xóm Nà Cao	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 56"	105° 39' 37"					F-48-32-A
Nà Cốt	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 03"	105° 40' 17"					F-48-32-A
xóm Nà Đuôn	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 52' 56"	105° 42' 13"					F-48-32-A
xóm Nà Nôm	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 48"	105° 37' 15"					F-48-32-A
xóm Nà Tền	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 58' 03"	105° 39' 07"					F-48-32-A
xóm Nà Van	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 54"	105° 38' 02"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc			22° 51' 53"	105° 40' 19"	22° 56' 30"	105° 40' 15"	F-48-32-A
núi Phia Đì	SV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 20"	105° 42' 00"					F-48-32-A
xóm Thang Bướng	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 55' 04"	105° 39' 54"					F-48-32-A
chùa Văn An	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
quốc lộ 34	KK	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 51' 55"	105° 40' 21"	22° 50' 05"	105° 44' 31"	F-48-32-A
sông Bản Riễn	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 50' 55"	105° 43' 11"	22° 51' 01"	105° 42' 31"	F-48-32-A
Cảng Luông	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 49' 48"	105° 42' 23"					F-48-32-A
xóm Cốc Ngòi	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 41"	105° 42' 41"					F-48-32-A
xóm Khau Pa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 49' 12"	105° 42' 52"					F-48-32-A
xóm Khuổi Tặc	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
khuổi Lầm	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 52' 02"	105° 42' 05"	22° 51' 14"	105° 41' 43"	F-48-32-A
xóm Nà Chảo	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 06"	105° 42' 20"					F-48-32-A
Nà Khuổi	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 46' 32"	105° 42' 53"					F-48-32-A
xóm Nà Tổng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 47' 54"	105° 44' 23"					F-48-32-A
xóm Nậm Đung	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 46' 29"	105° 42' 35"					F-48-32-A
xóm Nậm Xú	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 48' 53"	105° 42' 16"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 43' 24"	22° 48' 03"	105° 42' 02"	F-48-32-A
xóm Ngâm Vàng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 50' 31"	105° 43' 01"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
núi Ngâm Vàng	SV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 19"	105° 42' 55"					F-48-32-A
xóm Phình Nà	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 50' 18"	105° 43' 32"					F-48-32-A
Pù Mía	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 38"	105° 41' 39"					F-48-32-A
khuổi Rào	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 49' 17"	105° 41' 50"	22° 51' 00"	105° 42' 10"	F-48-32-A
núi Rào Mũng	SV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 52' 10"	105° 42' 22"					F-48-32-A
nậm Siu	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 48' 21"	105° 42' 50"	22° 48' 55"	105° 42' 06"	F-48-32-A
xóm Bản Cuồn	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 21"	105° 40' 32"					F-48-32-A
Bản Dường	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 09"	105° 37' 36"					F-48-32-A
sườn Chàng	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc			22° 48' 41"	105° 37' 59"	22° 51' 18"	105° 40' 31"	F-48-32-A
xóm Chàng Hạ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 50' 08"	105° 41' 07"					F-48-32-A
núi Khẩu Sa	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 42"	105° 39' 26"					F-48-32-A
xóm Khẩu Sủ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 15"	105° 41' 30"					F-48-32-A
xóm Khuổi Mực	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 58"	105° 39' 06"					F-48-32-A
Khuổi Sứa	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 33"	105° 39' 13"					F-48-32-A
Nà Càng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 15"	105° 38' 31"					F-48-32-A
Nậm Luồng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 17"	105° 37' 03"					F-48-32-A
núi Nậm Luồng	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 30"	105° 36' 51"					F-48-32-A
sông Nao	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 43' 24"	22° 48' 03"	105° 42' 02"	F-48-32-A
xóm Phình Bường	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 06"	105° 37' 03"					F-48-32-A
núi Phù Hưng	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 19"	105° 41' 28"					F-48-32-A
xóm Thượng A	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 09"	105° 39' 38"					F-48-32-A
xóm Thượng B	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 06"	105° 39' 38"					F-48-32-A
xóm Vằng Linh	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 50' 54"	105° 40' 10"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 47' 46"	105° 47' 36"	22° 50' 05"	105° 44' 31"	F-48-32-A
xóm Bản Bét	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Bán Ngà	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 03"	105° 44' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Cầm Dưới	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 54"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
xóm Cầm Trên	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 09"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
núi Chư Lầu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 24"	105° 45' 10"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Sĩ	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Khâu Trường	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
Khuổi Ruồm	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 48"	105° 43' 59"					F-48-32-A
xóm Lũng Giào	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Hồ	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 58"	105° 47' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuôn	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 37"	105° 45' 35"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Lải	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 29"	105° 46' 25"					F-48-32-B+20-D
suối Lũng Lải	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 50' 17"	105° 45' 35"	22° 50' 46"	105° 46' 27"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pán	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pán	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 42"	105° 46' 41"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Pán	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 02"	105° 46' 50"					F-48-32-B+20-D
suối Lũng Pán	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 48' 23"	105° 46' 11"	22° 47' 27"	105° 45' 31"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pằng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 16"	105° 50' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Rạc	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 51' 15"	105° 44' 53"					F-48-32-A
núi Ma Năng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 00"	105° 42' 35"					F-48-32-A
Mào Xan	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 16"	105° 47' 34"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ca	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
núi Nà Chén	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 53"	105° 45' 30"					F-48-32-B+20-D
thủy điện Nà Han	KX	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 00"	105° 43' 05"					F-48-32-A
Nà Han	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 45"	105° 42' 31"					F-48-32-A
Nà Tùng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 01"	105° 43' 09"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nậm Cốc	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 32"	105° 47' 07"					F-48-32-B+20-D
sông Neo	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 46' 33"	105° 45' 34"	22° 47' 37"	105° 42' 11"	F-48-32-A
núi Pắc De	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 56"	105° 45' 41"					F-48-32-B+20-D
xóm Pắc Lũng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 51"	105° 44' 25"					F-48-32-A
đèo Pắc Lũng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 01"	105° 45' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Pắc Trá	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 24"	105° 45' 41"					F-48-32-B+20-D
Phiêng Cọc	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 55"	105° 43' 44"					F-48-32-A
Phiêng Co	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 28"	105° 44' 25"					F-48-32-A
xóm Phiêng Pằng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 28"	105° 46' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Vằng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
núi Phương Dật	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 51' 51"	105° 44' 30"					F-48-32-A
núi Pía Cầu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 07"	105° 43' 35"					F-48-32-A
núi Pín Vàng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 09"	105° 44' 48"					F-48-32-A
Pù Lầu	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 36"	105° 43' 36"					F-48-32-A
xóm Pù Ngào	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 50"	105° 45' 48"					F-48-32-B+20-D
núi Sầm Lũng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 17"	105° 45' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Sầm Nùng Pẩu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 32"	105° 45' 26"					F-48-32-B+20-D
Thun Hóp	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 24"	105° 49' 24"					F-48-32-B+20-D
núi Trung Lai	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 13"	105° 46' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Diêm	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 58"	105° 45' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Phưởng	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 50"	105° 43' 52"					F-48-32-A
xóm Cà Lò	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 55"	105° 48' 15"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lại	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 57"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Pục	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 39"	105° 43' 36"					F-48-32-A
đốc Cổng Trời	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 51"	105° 46' 32"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Hồ Lú	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 15"	105° 46' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Kha Rào	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 35"	105° 42' 27"					F-48-32-A
suối Khuổi Sáng	TV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc			22° 56' 02"	105° 42' 42"	22° 58' 16"	105° 42' 07"	F-48-32-A
cốc Lai Thôn	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	23° 00' 07"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Châm	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 26"	105° 46' 56"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuyết	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 51"	105° 46' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Páo	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	23° 00' 01"	105° 47' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 06"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quấy	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 17"	105° 47' 13"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rì	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 57"	105° 46' 55"					F-48-32-B+20-D
Mắc Nặng	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 59' 44"	105° 47' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Luông	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 35"	105° 44' 31"					F-48-32-A
xóm Nà Quy	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc							
xóm Pắc Kéo	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 38"	105° 47' 11"					F-48-32-B+20-D
lũng Pằng Đèo	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 59' 09"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
suối Phia Héo	TV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc			22° 55' 10"	105° 42' 15"	22° 56' 17"	105° 42' 08"	F-48-32-A
núi Pù Yên Mạ	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 45"	105° 43' 08"					F-48-32-A
xóm Thâm Han	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc							
xóm Xum Hẩu	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 54' 57"	105° 44' 25"					F-48-32-A
xóm Cốc Đức	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 21"						F-48-32-A
xóm Cốc Muối	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 52"	105° 38' 10"					F-48-32-A
Cốc Tém	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 24"	105° 38' 09"					F-48-32-A
xóm Đường Rinh	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 43"	105° 39' 04"					F-48-32-A
suối Đường Rinh	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 53' 49"	105° 38' 47"	22° 53' 50"	105° 39' 53"	F-48-32-A
Khau Sáng	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 51' 17"	105° 37' 39"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Khuổi Khon	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 35"	105° 41' 42"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pao	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 50"	105° 40' 34"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rủ	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 21"	105° 39' 23"					F-48-32-A
xóm Nà Nầm	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc							
xóm Nà Soen	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 50' 48"	105° 38' 45"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 51' 54"	105° 40' 19"	22° 53' 55"	105° 40' 09"	F-48-32-A
xóm Ngâm Lồm	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 51' 21"	105° 39' 02"					F-48-32-A
xóm Pác Pưởng	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 40' 01"					F-48-32-A
xóm Phằng Tắc	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 51"	105° 38' 27"					F-48-32-A
xóm Pom Cuồn	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 30"	105° 38' 43"					F-48-32-A
sông Quang Mậu	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 51' 23"	105° 39' 08"	22° 52' 00"	105° 40' 08"	F-48-32-A
xóm Siam Kha	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 44"	105° 39' 05"					F-48-32-A
xóm Tắt Kê	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 50' 32"	105° 37' 39"					F-48-32-A
xóm Bò Chiêu	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 56' 04"	105° 41' 44"					F-48-32-A
xóm Bò Tẹ	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 08"	105° 45' 23"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lại	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 52"	105° 45' 13"					F-48-32-B+20-D
Cốc Xi	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 52"	105° 44' 11"					F-48-32-A
xóm Khuổi Sầu	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 24"	105° 44' 42"					F-48-32-A
xóm Lũng Vải	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 28"	105° 46' 26"					F-48-32-B+20-D
xóm Mạ Van	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 43"	105° 43' 22"					F-48-32-A
núi Nặm Dân	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 04"	105° 46' 39"					F-48-32-B+20-D
sông Nặm Dân	TV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc			22° 52' 04"	105° 47' 01"	22° 54' 41"	105° 45' 32"	F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Dân	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
núi Nam Giem	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 08"	105° 47' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Ngâm Càng	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 03"	105° 43' 54"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pắc Lác	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 49"	105° 45' 52"					F-48-32-B+20-D
núi Pắc Lác	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 45"	105° 45' 23"					F-48-32-B+20-D
pu Pát Bà	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 22"	105° 43' 45"					F-48-32-A
xóm Phần Quang	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 45' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Phía Héo	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 09"	105° 42' 03"					F-48-32-A
sườn Phía Héo	TV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc			22° 55' 10"	105° 42' 14"	22° 58' 16"	105° 42' 07"	F-48-32-A
xóm Phía Tầng	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
xóm Phẳng Dẹt	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
núi Pù Vi	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 32"	105° 41' 28"					F-48-32-A
xóm Thẩm Thon A	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 26"	105° 42' 27"					F-48-32-A
xóm Thẩm Thon B	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 07"	105° 42' 33"					F-48-32-A
xóm Thôn Quan	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 46"	105° 43' 52"					F-48-32-A
núi Trên Pắc Lác	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 52"	105° 45' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ông	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 02"	105° 36' 24"					F-48-32-C
núi Khau Ho	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 42"	105° 37' 01"					F-48-32-C
Khiếu Hạ	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 45"	105° 37' 50"					F-48-32-C
Khiếu Thượng	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 40' 55"	105° 35' 20"					F-48-32-C
Khuổi Đậu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 59"	105° 35' 55"					F-48-32-C
xóm Khuổi Tầu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 26"	105° 36' 29"					F-48-32-C
núi Năm Khiếu	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 41' 05"	105° 35' 13"					F-48-32-C
núi Nặm Yên	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 37"	105° 35' 43"					F-48-32-C
Nặm Yên	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 38"	105° 37' 50"					F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 41' 27"	105° 35' 28"	22° 43' 32"	105° 38' 58"	F-48-32-C
xóm Ông Thác	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 27"	105° 35' 52"					F-48-32-C
xóm Phía Pàn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 13"	105° 37' 28"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
suối Phía Pàn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 44' 19"	105° 35' 42"	22° 43' 12"	105° 37' 40"	F-48-32-C
núi Phya Đa	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 35"	105° 35' 40"					F-48-32-C
xóm Thôn Ngàn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 30"	105° 35' 14"					F-48-32-C
suối Thôn Ngàn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 41' 44"	105° 34' 50"	22° 41' 27"	105° 35' 28"	F-48-32-C
xóm Bản Khieu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 15"	105° 40' 38"					F-48-32-C
xóm Bản Khuông	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 49"	105° 40' 06"					F-48-32-C
xóm Bản Riêng	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 22"	105° 39' 08"					F-48-32-C
xóm Bản Tường	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
núi Bó Cối	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 58"	105° 41' 54"					F-48-32-C
bản Bồng	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 46' 29"	105° 39' 25"					F-48-32-A
khuai Cà	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 40' 30"					F-48-32-A
núi Cối Chì	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 38"	105° 41' 34"					F-48-32-C
bản Cuôn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 47' 13"	105° 39' 53"					F-48-32-A
xóm Dẩn Từ	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 47' 02"	105° 39' 23"					F-48-32-A
Đồn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 39"	105° 41' 14"					F-48-32-C
núi Đồng Xoét	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 41' 12"					F-48-32-A
xóm Khau Cà	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 46' 00"	105° 40' 14"					F-48-32-A
Khoi Chong	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 45' 53"	105° 43' 25"					F-48-32-A
Khuổi Luối	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 45' 45"	105° 41' 05"					F-48-32-A
Khuổi Phay	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 46' 11"	105° 42' 18"					F-48-32-A
Khuổi Khuông	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 45' 49"	105° 39' 52"	22° 44' 24"	105° 39' 50"	F-48-32-A
Lũng Thôn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 42"	105° 39' 03"					F-48-32-C
núi Lũng Thôn	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 53"	105° 38' 39"					F-48-32-C
suối Lũng Thôn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 45' 26"	105° 38' 18"	22° 44' 27"	105° 39' 17"	F-48-32-A
Nà Bân	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 45' 17"	105° 42' 04"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nà Cài	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 36"	105° 43' 28"					F-48-32-C
núi Nà Chấn	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 26"	105° 39' 31"					F-48-32-A
xóm Nà Khuổi	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
Nà Láo	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 26"	105° 40' 26"					F-48-32-C
Nà Pa	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 10"	105° 39' 49"					F-48-32-A
Nà Trang	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 56"	105° 42' 19"					F-48-32-C
Nậm Kẹm	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 44"	105° 42' 35"					F-48-32-A
Phía Càng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 15"	105° 43' 07"					F-48-32-A
xóm Phẳng Lặng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 32"	105° 42' 19"					F-48-32-C
xóm Pù Mỏ	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 00"	105° 41' 04"					F-48-32-C
núi Pù Mỏ	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 20"	105° 41' 11"					F-48-32-C
núi Sum Ngần	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 44"	105° 43' 04"					F-48-32-A
núi Tắt Riêng	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 25"	105° 38' 32"					F-48-32-C
Tổng Cọt	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 52"	105° 41' 03"					F-48-32-C
Tổng Kiều	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 46"	105° 41' 04"					F-48-32-C
khuổi Tường	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 46' 00"	105° 41' 48"	22° 43' 55"	105° 41' 14"	F-48-32-C
Quốc lộ 34	KX	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 57' 35"	105° 40' 10"	22° 58' 12"	105° 38' 44"	F-48-32-A
khuổi A	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 58' 46"	105° 38' 42"	22° 58' 55"	105° 38' 27"	F-48-32-A
xóm Bân Chang	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 04"	105° 42' 34"					F-48-20-C
xóm Bô Vải	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 02"	105° 41' 32"					F-48-20-C
núi Chè Vín	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 47"	105° 39' 23"					F-48-32-A
núi Cốc Muối	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 13"	105° 40' 21"					F-48-20-C
xóm Cốc Thốc	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 18"	105° 42' 25"					F-48-20-C
sông Gám	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 57' 55"	105° 40' 28"	22° 58' 19"	105° 38' 47"	F-48-32-A
Già Mỏ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 32"	105° 41' 15"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
Khuổi A	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 06"	105° 39' 25"					F-48-20-C
xóm Khuổi Chũ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 22"	105° 40' 25"					F-48-20-C
xóm Khuổi Nỏ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
xóm Khuổi Pẩu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 14"	105° 38' 53"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pọt	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
suối Lũng	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 00' 52"	105° 39' 53"	22° 59' 39"	105° 38' 49"	F-48-20-C; F-48-32-A
xóm Lũng Nà	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
xóm Lũng Pán	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 53"	105° 42' 18"					F-48-20-C
Nà Cát	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 51"	105° 41' 34"					F-48-32-A
Nà Chảo	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 49"	105° 40' 59"					F-48-20-C
xóm Nà Đan	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 42"	105° 40' 39"					F-48-32-A
xóm Nà Dứa	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 01"	105° 38' 53"					F-48-32-A
Nà Luông	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 38"	105° 38' 15"					F-48-32-A
Nà Mạ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 59"	105° 41' 23"					F-48-32-A
suối Nà Ngâm	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 59' 03"	105° 40' 55"	22° 58' 41"	105° 39' 59"	F-48-32-A
xóm Nà Ngâm A	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 34"	105° 41' 31"					F-48-20-C
xóm Nà Ngâm B	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 42"	105° 41' 01"					F-48-32-A
xóm Nà Quăng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 02"	105° 41' 11"					F-48-20-C
suối Nà Quăng	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 02' 01"	105° 41' 53"	23° 02' 14"	105° 41' 02"	F-48-20-C
xóm Nà Ra	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 46"	105° 42' 09"					F-48-20-C
xóm Nà Sài	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
suối Nà Tấn	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 01' 01"	105° 41' 55"	23° 01' 13"	105° 40' 38"	F-48-20-C
xóm Nà Tẩn	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 25"	105° 39' 10"					F-48-32-A
xóm Nà Tổng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 48"	105° 39' 21"					F-48-32-A
xóm Nà Viêng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 24"	105° 41' 24"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
Ngâm Giàng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 48"	105° 43' 01"					F-48-20-C
núi Ngâm Rạo	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 09"	105° 39' 47"					F-48-20-C
xóm Pác Riệu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 14"	105° 40' 04"					F-48-32-A
thuổi Pầu	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 58' 43"	105° 41' 19"	22° 58' 46"	105° 41' 19"	F-48-32-A
xóm Phình Sinh	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 51"	105° 40' 06"					F-48-32-A
súi Tả Mù	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 03' 33"	105° 41' 40"	22° 58' 06"	105° 39' 52"	F-48-32-B+20-D
xóm Tả Mù	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 07"	105° 40' 33"					F-48-20-C
lũng Ảng Lũng	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 26"	105° 51' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chuông	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 02"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Thân	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							
Bảo Tỷ	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 10"	105° 49' 01"					F-48-32-B+20-D
núi Bó Héc	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 40"	105° 49' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Cao Bắc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 05"	105° 49' 44"					F-48-32-B+20-D
núi Cò Péc	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 06"	105° 49' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Kạch	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 10"	105° 49' 34"					F-48-32-B+20-D
súi Cốc Tả	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 44"	105° 48' 48"	22° 54' 12"	105° 48' 27"	F-48-32-B+20-D
núi Đin Đeng	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 41"	105° 49' 14"					F-48-32-B+20-D
đồn Đồng Mù	KX	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
Khuổi Van	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 24"	105° 50' 35"					F-48-32-B+20-D
núi Lầm Cóm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 57"	105° 50' 33"					F-48-32-B+20-D
núi Lầm Cúm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 01"	105° 50' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Mọt	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 44"	105° 51' 28"					F-48-32-B+20-D
Lũng Nọi	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 55"	105° 48' 51"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Páo	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 50' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pù	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 49"	105° 49' 48"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Rạc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 00"	105° 48' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Mù Chàng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 30"	105° 50' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Chọc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 14"	105° 47' 37"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Đổng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 36"	105° 48' 08"					F-48-32-B+20-D
Nậm Giết	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 48"	105° 49' 58"					F-48-32-B+20-D
Pác Nạp	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 49"	105° 49' 18"					F-48-32-B+20-D
Lũng Phất	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 55"	105° 51' 03"					F-48-32-B+20-D
Phía Khao	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 37"	105° 51' 12"					F-48-32-B+20-D
xóm Phía Phong	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 08"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
núi Phía Phong	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 23"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Phìn Sáng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 10"	105° 50' 35"					F-48-32-B+20-D
xóm Phìn Sáng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 29"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D
sườn Piêng Pán	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 00"	105° 50' 40"	22° 53' 23"	105° 51' 12"	F-48-32-B+20-D
núi Pờ Ca Tấn	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 30"	105° 48' 20"					F-48-32-B+20-D
Lũng Quang	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 18"	105° 50' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Sà Phìn	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 57' 25"	105° 50' 16"					F-48-32-B+20-D
sườn Tả Nội	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 27"	105° 49' 08"	22° 53' 44"	105° 48' 48"	F-48-32-B+20-D
xóm Tả Sáy	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							
Tát Luông	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 22"	105° 49' 29"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tây Đùm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 28"	105° 50' 04"					F-48-32-B+20-D
hồ Thâm Lầm	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 55' 44"	105° 50' 20"	22° 55' 18"	105° 49' 31"	F-48-32-B+20-D
xóm Thâm Tôm	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 13"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
xóm Thiêng Lầu	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 57"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Thưa Tổng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 21"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
Lũng Trám	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 56"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
Xi Ma	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 57' 12"	105° 51' 32"					F-48-32-B+20-D
quốc lộ 34	KX	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm			22° 53' 30"	105° 31' 45"	22° 48' 07"	105° 26' 43"	F-48-31-B; F-48-32-A
xóm Bản Đe	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 46' 45"	105° 27' 41"					F-48-31-B
núi Chè Lếch	SV	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 51"	105° 29' 31"					F-48-31-B
xóm Chè Pén	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 48' 36"	105° 28' 20"					F-48-31-B
núi Đán Chương	SV	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 24"	105° 28' 46"					F-48-31-B
sông Gầm	TV	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm			22° 50' 49"	105° 29' 25"	22° 46' 14"	105° 26' 49"	F-48-31-B
xóm khu 1	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 49' 10"	105° 29' 45"					F-48-31-B
xóm khu 2	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 00"	105° 29' 29"					F-48-31-B
xóm khu 3	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 09"	105° 29' 39"					F-48-31-B
xóm khu 4	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 24"	105° 29' 29"					F-48-31-B
xóm Lạng Cà	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 37"	105° 27' 22"					F-48-31-B
xóm Mạy Rại	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 20"	105° 29' 15"					F-48-31-B
số 1 Mệ Hân	TV	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm			22° 51' 47"	105° 31' 18"	22° 51' 59"	105° 30' 09"	F-48-32-A
xóm Nà Bón	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	24° 48' 20"	105° 28' 13"					F-48-31-B
xóm Nà Ca	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 52' 31"	105° 31' 54"					F-48-32-A
số 1 Nặm Púng	TV	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm			22° 50' 02"	105° 28' 07"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
số 1 Pác Mầu	TV	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm			22° 49' 08"	105° 30' 10"	22° 50' 01"	105° 29' 20"	F-48-31-B
xóm Phiêng Phay	DC	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 45"	105° 28' 29"					F-48-31-B
núi Phiêng Phay	SV	TT. Pác Mầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 01"	105° 27' 15"					F-48-31-B
xóm Cà Đồng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 00"	105° 30' 38"					F-48-20-C
xóm Cà Lung	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 23"	105° 32' 02"					F-48-20-C
xóm Cà Mêng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm							
xóm Cà Pén A	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 01"	105° 32' 18"					F-48-20-C
xóm Cà Pén B	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 26"	105° 31' 39"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
xóm Chế Lý A	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 18"	105° 32' 18"						F-48-20-C
xóm Chế Lý B	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 34"	105° 32' 30"						F-48-20-C
núi Cốc Càng	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 08"	105° 33' 24"						F-48-20-C
sườn Cốc Pàng	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 55"	105° 33' 20"	23° 03' 02"	105° 32' 11"		F-48-20-C
xóm Cốc Phụng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 21"	105° 31' 59"						F-48-20-C
sườn Cốc Phụng	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 14"	105° 30' 55"	23° 03' 21"	105° 30' 24"		F-48-20-C
xóm Đình Phá	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 52"	105° 31' 26"						F-48-20-C
xóm Đội Lý	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 26"	105° 34' 22"						F-48-20-C
lũng Già Phình	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 02"	105° 32' 44"						F-48-20-C
núi Hà Tư	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 06' 26"	105° 33' 32"						F-48-20-C
xóm Hát Han	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm								
xóm Khuổi Sang	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 09"	105° 31' 00"						F-48-20-C
xóm Khuổi Vác	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 14"	105° 34' 12"						F-48-20-C
dãy núi Long Diên	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 22"	105° 32' 58"						F-48-20-C
xóm Lũng Mẩn	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 45"	105° 32' 14"						F-48-20-C
núi Lũng Mẩn	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 08' 00"	105° 32' 44"						F-48-20-C
Lũng Pịa	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 45"	105° 33' 23"						F-48-20-C
núi Lũng Pịa	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 24"	105° 33' 34"						F-48-20-C
xóm Nà Sa	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 58"	105° 33' 15"						F-48-20-C
xóm Nà Hu	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 15"	105° 31' 14"						F-48-20-C
Nà Sích	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 39"	105° 33' 08"						F-48-20-C
xóm Nà Vả	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	22° 59' 40"	105° 32' 44"						F-48-32-A
xóm Ngâm Trại	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 07' 29"	105° 33' 40"						F-48-20-C
núi Ngâm Trại	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	22° 58' 29"	105° 31' 55"						F-48-32-A
sườn Ngâm Trại	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 00' 08"	105° 33' 03"	22° 58' 41"	105° 32' 55"		F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
sông Nho Quế	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 05' 44"	105° 31' 47"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-20-C; F-48-19-D
lồng Tru	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 48"	105° 33' 31"					F-48-20-C
sườn Vác	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 34"	105° 32' 49"	23° 02' 55"	105° 33' 20"	F-48-20-C
quốc lộ 34	KX	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 08"	105° 33' 52"	22° 53' 30"	105° 31' 45"	F-48-32-A
xóm Bàn Bàng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 54' 44"	105° 30' 56"					F-48-32-A
sườn Bàn Bàng	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 09"	105° 29' 25"	22° 54' 05"	105° 31' 43"	F-48-32-A
sông Gâm	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 11"	105° 33' 58"	22° 56' 41"	105° 32' 49"	F-48-32-A
xóm Khuổi Bón	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 33"	105° 33' 31"					F-48-32-A
xóm Khuổi Mẩn	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 55' 05"	105° 27' 34"					F-48-31-B
sườn Khuổi Mẩn	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 16"	105° 30' 09"	22° 57' 57"	105° 31' 55"	F-48-32-A
xóm Khuổi Vín	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 59' 08"	105° 30' 07"					F-48-31-B
núi Mu Lay	SV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 05"	105° 30' 33"					F-48-32-A
xóm Nà Kháng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 05"	105° 32' 18"					F-48-32-A
xóm Nà Mọt	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 34"	105° 32' 43"					F-48-32-A
xóm Nà Mầu	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 54"	105° 28' 47"					F-48-31-B
xóm Nà Mỹ	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 42"	105° 26' 52"					F-48-31-B
sông Nà Ngàn	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 57' 12"	105° 27' 14"	22° 58' 29"	105° 29' 45"	F-48-31-B
xóm Nà Phòng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 20"	105° 32' 46"					F-48-32-A
xóm Nà Tổng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 49"	105° 28' 28"					F-48-31-B
sông Nho Quế	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 42"	105° 32' 49"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-19-D+32-A
Pác Kín	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 55' 26"	105° 31' 53"					F-48-32-A
xóm Pác Pét	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 13"	105° 29' 44"					F-48-31-B
xóm Pác Pha	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 54' 28"	10° 53' 29"					F-48-32-A
xóm Pác Rà	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 34"	105° 29' 59"					F-48-31-B
xóm Pác Ruộc	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 20"	105° 29' 28"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phỉng Dâm	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 26"	105° 28' 50"					F-48-31-B
xóm Phỉng Lũng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 05"	105° 28' 55"					F-48-31-B
xóm Phỉng Pên	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 59' 50"	105° 27' 29"					F-48-31-B
núi Phỉng Tằng	SV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	23° 00' 30"	105° 27' 39"					F-48-19-D
xóm Tổng Ấc	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 27"	105° 30' 58"					F-48-32-A
xóm Bán Mỏ	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 48' 07"	105° 30' 18"					F-48-32-A
xóm Đon Sài	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Lạ A	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Lạ B	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Lệnh	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Pò (Khau Piô)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Trú	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 41"	105° 31' 56"					F-48-32-A
xóm Lũng Páo (Lũng Piáo)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Lũng Vải	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 32"	105° 30' 58"					F-48-32-A
xóm Nà Bon	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Nà Lãng	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 47' 27"	105° 32' 25"					F-48-32-A
xóm Nà Mầu (Nà Mầu)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 50' 06"	105° 32' 19"					F-48-32-A
xóm Nà Pét	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Nà Pổng	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 45"	105° 32' 21"					F-48-32-A
xóm Nặm Ngoại	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 32"	105° 31' 28"					F-48-32-A
suối Nặm Ngoại	TV	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm			22° 51' 06"	105° 31' 56"	22° 49' 37"	105° 31' 33"	F-48-32-A
suối Pác Mầu	TV	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm			22° 47' 40"	105° 32' 08"	22° 49' 08"	105° 30' 10"	F-48-32-A
xóm Phia Mần	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 47' 22"	105° 29' 58"					F-48-31-B
xóm Phia Phi	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 50"	105° 31' 03"					F-48-32-A
xóm Phỉng Mệng	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 34"	105° 33' 31"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Bân Bung	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 54' 29"	105° 23' 34"					F-48-31-B
xóm Bân Cao	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 50"	105° 23' 39"					F-48-31-B
núi Cốc Páp	SV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 53' 36"	105° 24' 34"					F-48-31-B
sườn Cốc Páp	TV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm			22° 57' 19"	105° 23' 46"	22° 58' 52"	105° 25' 24"	F-48-31-B
xóm Khuổi Cầm	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 55' 36"	105° 26' 31"					F-48-31-B
xóm Khuổi Pát (Khuổi Pát)	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 54"	105° 25' 16"					F-48-31-B
xóm Nà Môn	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 35"	105° 22' 47"					F-48-31-B
xóm Nà Nhuộm	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 44"	105° 21' 39"					F-48-31-B
Nà Rô	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 46"	105° 23' 32"					F-48-31-B
Nà Sầu	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 59' 51"	105° 25' 50"					F-48-31-B
sườn Nặm Đang	TV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm			22° 57' 15"	105° 25' 28"	22° 58' 52"	105° 25' 24"	F-48-31-B
xóm Nặm Đang	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 30"	105° 25' 35"					F-48-31-B
xóm Pác Kén	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 37"	105° 24' 33"					F-48-31-B
xóm Phia Cò	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 20"	105° 21' 56"					F-48-31-B
núi Phia Cò	SV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 01"	105° 22' 42"					F-48-31-B
xóm Phia Cọ	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 10"	105° 24' 32"					F-48-31-B
xóm Phia Liêng	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 54' 40"	105° 24' 44"					F-48-31-B
Phiêng Hang	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 59' 09"	105° 23' 10"					F-48-31-B
Tần Linh	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 14"	105° 22' 17"					F-48-31-B
xóm Đon Sái	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 47"	105° 25' 49"					F-48-31-B
sông Gầm	TV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm			22° 53' 32"	105° 31' 43"	22° 50' 49"	105° 29' 25"	F-48-31-B
xóm Nà Dịm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 34"	105° 25' 27"					F-48-31-B
xóm Nà Hếng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 33"	105° 30' 52"					F-48-32-A
xóm Nà Rình	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 51"	105° 27' 31"					F-48-31-B
xóm Nà Viêng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 07"	105° 28' 13"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
sườn Nam Quang	TV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm			22° 53' 16"	105° 28' 53"	22° 51' 34"	105° 29' 17"	F-48-31-B
mỏ vàng Nam Quang	KX	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm							F-48-31-B
núi Nậm Rôm	SV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 10"	105° 28' 10"					F-48-31-B
xóm Nậm Rôm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm							
xóm Pác Rôm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 43"	105° 29' 23"					F-48-31-B
xóm Phiêng Phảng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 28"	105° 27' 14"					F-48-31-B
xóm Thẩm Siêm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 23"	105° 25' 41"					F-48-31-B
xóm Tổng Phườn	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 03"	105° 26' 39"					F-48-31-B
xóm Bản Nà	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 07"	105° 26' 19"					F-48-31-B
xóm Cốc Lũng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 27"	105° 20' 47"					F-48-31-B
sườn Cốc Pục	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 50' 02"	105° 28' 07"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
sườn Gầm	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 45' 10"	105° 26' 42"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
núi Mã Lũng	SV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 30"	105° 17' 12"					F-48-31-B
xóm Nà Đon	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 26"	105° 27' 50"					F-48-31-B
xóm Nà Kổng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 57"	105° 23' 34"					F-48-31-B
xóm Nà Luông	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 43"	105° 26' 01"					F-48-31-B
xóm Nậm Miông	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 07"	105° 28' 06"					F-48-31-B
xóm Phiêng Mường	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 47' 16"	105° 27' 13"					F-48-31-B
xóm Phiêng Phắt	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 50' 36"	105° 21' 43"					F-48-31-B
xóm Tổng Chảo	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 18"	105° 23' 06"					F-48-31-B
sườn Tổng Ngỗng	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 50' 42"	105° 21' 22"	22° 48' 37"	105° 25' 52"	F-48-31-B
xóm Tổng Ngỗng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 17"	105° 24' 58"					F-48-31-B
dãy núi Đan Linh	SV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 51' 05"	105° 26' 03"					F-48-31-B
xóm Khổng Khoảng	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 54' 18"	105° 27' 34"					F-48-31-B
núi Khổng Khoảng	SV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 54' 37"	105° 27' 36"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	
xóm Khuổi Hẫu	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 45"	105° 26' 02"					F-48-31-B
xóm Khuổi Qua	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 21"	105° 27' 08"					F-48-31-B
sườn Khuổi Qua	TV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm			22° 50' 54"	105° 28' 21"	22° 51' 08"	105° 28' 08"	F-48-31-B
xóm Lũng Chang	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 53' 39"	105° 29' 25"					F-48-31-B
xóm Nà Đẳng	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 59"	105° 28' 04"					F-48-31-B
xóm Nà Pù	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 52' 24"	105° 27' 02"					F-48-31-B
sườn Nặm Quang	TV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm			22° 51' 08"	105° 28' 08"	22° 50' 50"	105° 29' 24"	F-48-31-B
xóm Bản Lầy	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 11"	105° 23' 52"					F-48-31-B
xóm Cốc Páp	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 04"	105° 23' 47"					F-48-31-B
xóm Khau Ca	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 50' 25"	105° 25' 22"					F-48-31-B
xóm Khau Noong	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 54' 17"	105° 18' 25"					F-48-31-B
xóm Khau Ràng	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 59"	105° 25' 15"					F-48-31-B
xóm Lũng Rĩa	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 20"	105° 21' 06"					F-48-31-B
xóm Nà Hòm	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 20"	105° 22' 27"					F-48-31-B
xóm Nà Ó	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 53"	105° 25' 56"					F-48-31-B
xóm Nà Thần	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 25"	105° 25' 20"					F-48-31-B
xóm Nặm Pục	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 55' 11"	105° 19' 50"					F-48-31-B
xóm Nặm Tàu	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 53"	105° 20' 17"					F-48-31-B
xóm Phiêng Rơng	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 00"	105° 24' 10"					F-48-31-B
xóm Sác Ngà	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 28"	105° 20' 55"					F-48-31-B
sườn Thạch Lâm	TV	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm							F-48-31-B
xóm Thẩm Nu	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 55' 54"	105° 20' 56"					F-48-31-B
xóm Tổng Dồn	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 40"	105° 23' 10"					F-48-31-B
xóm Bản Bó	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 40"	105° 30' 03"					F-48-32-C
sườn Bản Bó	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 43' 57"	105° 30' 34"	22° 44' 39"	105° 30' 05"	F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bần Ràn	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 57"	105° 30' 04"					F-48-32-C
xóm Cốc Cạch	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 26"	105° 28' 14"					F-48-31-B
núi Cốc Cạch	SV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 26"	105° 31' 56"					F-48-32-A
xóm Cốc Vạn	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Ít	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 02"	105° 30' 21"					F-48-32-A
xóm Khau Ninh	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 36"	105° 29' 32"					F-48-31-B
xóm Khuổi Ngẫu	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Khuổi Ngọa	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 04"	105° 31' 41"					F-48-32-C
sườn Khuổi Ngọa	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 43' 55"	105° 31' 22"	22° 44' 45"	105° 32' 20"	F-48-32-C
xóm Nà Cút	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 41"	105° 32' 19"					F-48-32-A
xóm Nà Pẩy	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 18"	105° 31' 48"					F-48-32-A
xóm Nà Sỏi	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 26"	105° 31' 18"					F-48-32-A
sườn Pác Nhúng	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 45' 23"	105° 31' 48"	22° 44' 53"	105° 30' 00"	F-48-32-A
núi Phia Hiêng	SV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 43' 50"	105° 30' 23"					F-48-32-C
xóm Sam Quanh	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Vàng Vặt	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 01"	105° 27' 24"					F-48-31-B
xóm Bần Là	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 29"	105° 35' 58"					F-48-32-A
xóm Bần Lín	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 46"	105° 37' 26"					F-48-32-A
xóm Khau Dề	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 41"	105° 35' 13"					F-48-32-C
xóm Khuổi Dừa	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 39"	105° 34' 34"					F-48-32-C
xóm Khuổi Duốc	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm							
sườn Lũng Chang	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 43' 07"	105° 32' 16"	22° 43' 29"	105° 32' 48"	F-48-32-C
xóm Lũng Trang	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 36"	105° 34' 26"					F-48-32-C
xóm Lũng Vài	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 13"	105° 33' 00"					F-48-32-C
xóm Nà Bó	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 44"	105° 32' 17"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sườn Nà Bó	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 43' 01"	105° 34' 04"	22° 42' 40"	105° 33' 10"	F-48-32-C
xóm Nà Lồm	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 04"	105° 33' 13"					F-48-32-C
xóm Nà Nàng	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 37"	105° 32' 25"					F-48-32-C
sườn Nà Pát	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 44' 00"	105° 32' 38"	22° 44' 45"	105° 32' 20"	F-48-32-C
sườn Nặm Pây	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 44' 54"	105° 34' 05"	22° 44' 45"	105° 32' 20"	F-48-32-C
xóm Nặm Trà	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm							
xóm Sáng Soáy	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 46' 17"	105° 36' 57"					F-48-32-A
xóm Bản Chang	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A
xóm Bản Phườn	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 51' 41"	105° 34' 40"					F-48-32-A
Cốc Sĩ	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 25"	105° 33' 55"					F-48-32-A
xóm Ên Cồ	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 56"	105° 35' 28"					F-48-32-A
xóm Ên Ngoại	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 46"	105° 35' 52"					F-48-32-A
xóm Ên Nội	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 34"	105° 36' 05"					F-48-32-A
xóm Lũng Hạng	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A
núi Lũng Hạng	SV	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 31"	105° 34' 41"					F-48-32-A
núi Luộc Chùn	SV	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 05"	105° 32' 24"					F-48-32-A
xóm Nà Hù	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 03"	105° 34' 40"					F-48-32-A
xóm Nặm Luống	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 47' 32"	105° 35' 44"					F-48-32-A
xóm Nặm Tân	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 50' 50"	105° 34' 32"					F-48-32-A
núi Ngâm Vược	SV	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 00"	105° 32' 43"					F-48-32-A
xóm Phía Nà	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 08"	105° 33' 07"					F-48-32-A
núi Phía Nà	SV	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 35"	105° 35' 21"					F-48-32-A
xóm Phía Trắng	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 51' 52"	105° 33' 24"					F-48-32-A
xóm Phiêng Diềm	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm	22° 52' 11"	105° 33' 53"					F-48-32-A
xóm Phiêng Phở	DC	xã Vinh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Phiêng Vai	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 46' 35"	105° 35' 03"					F-48-32-A
xóm Thôn Sọc	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 52' 49"	105° 33' 25"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm			22° 56' 11"	105° 35' 03"	22° 56' 08"	105° 33' 52"	F-48-32-A
xóm Ấc Ê	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 23"	105° 33' 26"					F-48-32-A
xóm Bân Cãi	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 35"	105° 34' 49"					F-48-32-A
xóm Bân Miếu	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 27"	105° 35' 49"					F-48-32-A
suối Cai Kim	TV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm			22° 50' 56"	105° 36' 01"	22° 54' 36"	105° 34' 46"	F-48-32-A
xóm Cốc Tém	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
xóm Đồng Kện	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 52"	105° 36' 17"					F-48-32-A
xóm Khau Cướm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 33"	105° 34' 23"					F-48-32-A
xóm Khau Sáng	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
núi Khuổi Âu	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 27"	105° 37' 37"					F-48-32-A
xóm Khuổi Nảy	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 44"	105° 35' 59"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rò	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 35"	105° 35' 22"					F-48-32-A
xóm Nà Hiên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 12"	105° 37' 27"					F-48-32-A
xóm Nà Lầu	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 07"	105° 37' 16"					F-48-32-A
xóm Nà Luông	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 02"	105° 33' 52"					F-48-32-A
xóm Nà Ngà	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 03"	105° 35' 25"					F-48-32-A
xóm Nà Pháo	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 54"	105° 34' 53"					F-48-32-A
xóm Nà Piao	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 28"	105° 36' 15"					F-48-32-A
xóm Nà Tốm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 34"	105° 34' 28"					F-48-32-A
xóm Nặm Lạn	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 03"	105° 36' 51"					F-48-32-A
xóm Nặm Uôm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
xóm Pắc Đoa	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 06"	105° 34' 37"					F-48-32-A
núi Phạc Tà	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 46"	105° 34' 52"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phía Pục	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 02"	105° 36' 37"					F-48-32-A
xóm Phiêng Rừ	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 20"	105° 35' 50"					F-48-32-A
núi Tắt Ma	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 36"	105° 36' 00"					F-48-32-A
xóm Thiêng Nà	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 53"	105° 34' 41"					F-48-32-A
xóm Bản Búng	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 38' 46"	105° 31' 15"					F-48-32-C
xóm Bản Chang 1	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 02"	105° 31' 12"					F-48-32-C
xóm Bản Chang 2	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 52"	105° 31' 47"					F-48-32-C
xóm Bản Đuốc	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 43' 52"	105° 29' 13"					F-48-31-D
sườn Bản Lường	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 38' 51"	105° 31' 09"	22° 38' 28"	105° 29' 31"	F-48-32-C
xóm Bản Ngồ	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 42' 26"	105° 31' 00"					F-48-32-C
xóm Bản Pan	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 44' 27"	105° 29' 05"					F-48-31-D
sườn Bản Pan	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm							
xóm Bản Vàng	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 42"	105° 30' 54"					F-48-32-C
sườn Bản Vàng	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 40' 42"	105° 30' 48"	22° 40' 56"	105° 29' 25"	F-48-31-D+32-C
Bó Mọc	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 42' 09"	105° 30' 39"					F-48-32-C
núi Cây Tô	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 04"	105° 30' 38"					F-48-32-C
Đồng Lũng	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 33"	105° 31' 09"					F-48-32-C
Khăn Lăn	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 51"	105° 32' 49"					F-48-32-C
xóm Khau Han	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 38"	105° 30' 36"					F-48-32-C
xóm Khau Tao	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 27"	105° 32' 13"					F-48-32-C
núi Khau Tao	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 09"	105° 32' 08"					F-48-32-C
núi Khau Thơm	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 42' 01"	105° 31' 22"					F-48-32-C
xóm Khuổi Chuông	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 39' 38"	105° 31' 35"					F-48-32-C
sườn Khuổi Chuông	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 39' 35"	105° 31' 20"	22° 38' 44"	105° 29' 30"	F-48-32-C
xóm Khuổi Ngầu	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	Vĩ độ (°00, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	Vĩ độ (°00, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	
xóm Khuổi Sáp	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 39' 59"	105° 30' 18"					F-48-32-C
Khuổi Tân	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 39' 20"	105° 31' 37"					F-48-32-C
xóm Lũng Cuối	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 14"	105° 30' 07"					F-48-32-C
xóm Lũng Liềm	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 41' 33"	105° 33' 16"					F-48-32-C
Nà Kẹm	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 47"	105° 30' 20"					F-48-32-C
xóm Nà Kéo	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 43' 18"	105° 28' 41"					F-48-31-D
núi Nà Liu	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 44' 10"	105° 28' 42"					F-48-31-D
sườn Nà Lũng	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 41' 22"	105° 32' 25"	22° 40' 51"	105° 31' 25"	F-48-32-C
xóm Nà Sài	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 26"	105° 31' 47"					F-48-32-C
sườn Nà Sài	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 40' 20"	105° 31' 39"	22° 40' 42"	105° 30' 48"	F-48-32-C
xóm Nà Vải	DC	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 43' 18"	105° 29' 32"					F-48-31-D
sườn Ngàn Vây	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 42' 13"	105° 32' 41"	22° 42' 40"	105° 33' 10"	F-48-32-C
sườn Póm Kiểu	TV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm			22° 41' 01"	105° 32' 14"	22° 40' 51"	105° 31' 25"	F-48-32-C
núi Sam Vẽ	SV	xã Yên Thổ	H. Bảo Lâm	22° 40' 57"	105° 34' 36"					F-48-32-C
đường tỉnh 207	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang			22° 41' 22"	106° 39' 01"	22° 41' 44"	106° 40' 56"	F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Bó Rạc	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
bệnh viện Đa khoa	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Đồng Mù	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
xóm Đồng Đeng	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 20"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Đồng Hoan	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 12"	106° 40' 02"					F-48-34-C+D
xóm Đồng Hủ	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 40' 53"	106° 39' 53"					F-48-34-C+D
phố Hạ Lang	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
xóm Huyền Du	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 35"	106° 40' 35"					F-48-34-C+D
xóm Kéo Sy	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 40' 33"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Lũng Đồn	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 40' 22"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
núi Lũng Duộc	SV	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 42' 39"	106° 39' 32"					F-48-34-C+D
xóm Nà Ên	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 37"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
xóm Ngườm Khang	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 01"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Quăn	DC	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 53"	106° 39' 52"					F-48-34-C+D
chùa Sùng Phúc	KX	TT. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 53"	106° 40' 22"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã An Lạc	H. Hạ Lang			22° 41' 59"	106° 34' 03"	22° 41' 22"	106° 39' 01"	F-48-34-(C+D)
sông Bắc Vọng	TV	xã An Lạc	H. Hạ Lang			22° 43' 05"	106° 33' 59"	22° 42' 36"	106° 34' 39"	F-48-34-C+D
xóm Bân Chao	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 13"	106° 36' 09"					F-48-34-C+D
xóm Bân Răng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 11"	106° 38' 00"					F-48-34-C+D
xóm Cam Mạ Đeng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 12"	106° 36' 18"					F-48-34-C+D
đèo Keng Ka	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 28"	106° 38' 32"					F-48-34-(C+D)
Khau Ngoang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 33"	106° 35' 20"					F-48-34-C+D
xóm Khuổi Linh	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang							
xóm Khuổi Mít Ngoang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 57"	106° 35' 25"					F-48-34-C+D
Khuổi Rù	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 06"	106° 35' 03"					F-48-34-C+D
núi Lung Dăng	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 24"	106° 34' 48"					F-48-34-C+D
Lũng Hoàng Thái	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 37"	106° 37' 24"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Quang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang							
núi Lũng Vải	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 53"	106° 38' 21"					F-48-34-C+D
Lũng Xóm	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 40"	106° 33' 38"					F-48-34-C+D
núi Nà Ba	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 48"	106° 33' 37"					F-48-34-C+D
xóm Nà Ray	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 22"	106° 34' 06"					F-48-34-C+D
xóm Nưa Xe	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 06"	106° 38' 12"					F-48-34-C+D
Pác Khuổi	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 01"	106° 34' 40"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Phía Đeng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 01"	106° 36' 24"					F-48-34-C+D
Phường Khẩn	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 46"	106° 35' 43"					F-48-34-C+D
Phò Mạ	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 41"	106° 35' 52"					F-48-34-C+D
núi Phò Nà	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 46"	106° 35' 19"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Ấng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 36"	106° 36' 40"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Phường - Lũng Sươn	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 57"	106° 39' 09"					F-48-34-C+D
xóm Tha Hoàì Mườì	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 11"	106° 37' 02"					F-48-34-C+D
Tu Thín	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 29"	106° 37' 14"					F-48-34-C+D
núi Xa Xe	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 32"	106° 34' 20"					F-48-34-C+D
núi An Mạ	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 35"	106° 36' 43"					F-48-34-C+D
xóm Bần Khúa	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 26"	106° 37' 59"					F-48-34-C+D
xóm Bần Luông	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 13"	106° 37' 45"					F-48-34-C+D
xóm Bần Nha	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 44"	106° 37' 01"					F-48-34-C+D
xóm Bần Nhón	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 34"	106° 35' 57"					F-48-34-C+D
xóm Bần Nưa	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 17"	106° 35' 59"					F-48-34-C+D
xóm Bần Rạc	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 24"	106° 35' 52"					F-48-34-C+D
xóm Bần Thun - Pác Khén	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 35' 52"	106° 38' 10"					F-48-34-C+D
sườn Keng Thun	TV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang			22° 34' 43"	106° 39' 42"	22° 36' 10"	106° 38' 04"	F-48-34-C+D
núi Lũng Khinh	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 37"	106° 37' 25"					F-48-34-C+D
xóm Nà Thúng	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 30"	106° 36' 18"					F-48-34-C+D
núi Pác Luông	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 50"	106° 37' 54"					F-48-34-C+D
núi Phía Phẳng	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 10"	106° 37' 46"					F-48-34-C+D
núi Phía Phón	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 30"	106° 35' 05"					F-48-34-C+D
núi Pò Phía Chân	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 48"	106° 37' 07"					F-48-34-C+D
núi Pò Phía Páng	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 35' 57"	106° 37' 57"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Pô Phia Rao	SV	xã Cò Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 08"	106° 37' 10"					F-48-34-C+D
núi Pô Tron Giáo	SV	xã Cò Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 19"	106° 38' 13"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang			22° 45' 30"	106° 42' 28"	22° 46' 35"	106° 44' 47"	F-48-34-A
xóm Bản Lện	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 10"	106° 42' 34"					F-48-34-A
xóm Bản Lung	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 11"	106° 43' 10"					F-48-34-A
xóm Bản Miao	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang							
xóm Bản Nha	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 47' 11"	106° 42' 53"					F-48-34-A
xóm Bản Sáng	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang							
xóm Bản Thuộc	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 46"	106° 44' 25"					F-48-34-A
núi Bô Phie	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 47' 18"	106° 44' 11"					F-48-34-A
bản Búa	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 26"	106° 45' 29"					F-48-34-B
xóm Củng Mán	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 08"	106° 45' 45"					F-48-34-B
núi En Nura	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 16"	106° 44' 32"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Nặm	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 32"	106° 44' 59"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phúc	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 00"	106° 44' 53"					F-48-34-A
núi Pài Lầu	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 27"	106° 43' 48"					F-48-34-A
núi Phia Chao	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 19"	106° 44' 42"					F-48-34-A
núi Phia Đeng	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 22"	106° 43' 53"					F-48-34-A
núi Thầu Nura	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 09"	106° 45' 28"					F-48-34-B
đường tỉnh 207	KX	xã Đức Quang	H. Hạ Lang			22° 42' 56"	106° 64' 18"	22° 43' 48"	106° 40' 15"	F-48-34-C+D
xóm Bản Hẻo	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 31"	106° 38' 07"					F-48-34-C+D
xóm Bản Nhắng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 39' 07"					F-48-34-A
xóm Bản Sùng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 25"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
xóm Coóng Hoài	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 43' 22"	106° 39' 31"					F-48-34-C+D
xóm Mẩn Phia	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 23"	106° 38' 52"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Nà Dăn	SV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 38' 58"					F-48-34-C+D
xóm Nà Hăm	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 25"	106° 39' 10"					F-48-34-A
xóm Nà Nặm	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang							
xóm Nà Pác	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 38"	106° 37' 45"					F-48-34-A
suối Nà Pác	TV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang			22° 46' 46"	106° 38' 40"	22° 45' 27"	106° 39' 13"	F-48-34-A
xóm Nà Pải	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 04"	106° 38' 59"					F-48-34-A
Nà Theng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 12"	106° 37' 30"					F-48-34-A
Phiêng Phia	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 37"	106° 39' 22"					F-48-34-C+D
xóm Pò Mu	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 54"	106° 38' 14"					F-48-34-C+D
xóm Pò Sao	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 55"	106° 37' 54"					F-48-34-C+D
núi Sam Kha	SV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 15"	106° 38' 16"					F-48-34-A
xóm Bản Tào	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 10"	106° 36' 25"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Chia	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 21"	106° 37' 10"					F-48-34-C+D
xóm Đông Phên	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 20"	106° 35' 55"					F-48-34-C+D
xóm Già Luông	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 19"	106° 35' 35"					F-48-34-C+D
núi Khau Xa	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 17"	106° 35' 16"					F-48-34-A
Khuổi Ai	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 31"	106° 35' 36"					F-48-34-A
Khuổi Ấu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 07"	106° 36' 48"					F-48-34-A
Lũng Chi	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 37' 19"					F-48-34-C+D
núi Lũng Giông	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 27"	106° 37' 31"					F-48-34-C+D
Lũng Mò	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 49"	106° 34' 15"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Túng	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 43"	106° 35' 32"					F-48-34-C+D
Luộc Vải	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 37"	106° 34' 26"					F-48-34-C+D
Nặm Kít	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 45"	106° 35' 01"					F-48-34-C+D
Nặm Thầu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 43"	106° 37' 15"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	
núi Phò Rụng	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 47"	106° 36' 37"					F-48-34-C+D
xóm Phong Ai	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 32"	106° 36' 52"					F-48-34-C+D
xóm Thịnh Âu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Thông Mỏ	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
Thống Nhân	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 13"	106° 33' 57"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 206	KX	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 47' 08"	106° 48' 21"	22° 47' 31"	106° 48' 04"	F-48-34-B
đường tỉnh 207	KX	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 46' 35"	106° 44' 47"	22° 49' 03"	106° 48' 14"	F-48-34-A-34-B
núi Ba Đường	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 36"	106° 47' 02"					F-48-34-B
sườn Bản Bàng	TV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 46' 25"	106° 45' 06"	22° 46' 48"	106° 45' 28"	F-48-34-B
xóm Bản Khoang	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 15"	106° 48' 11"					F-48-34-B
xóm Bản Sao	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 28"	106° 47' 15"					F-48-34-B
xóm Bằng Ca	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 09"	106° 46' 24"					F-48-34-B
xóm Bang Dưới	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 21"	106° 45' 10"					F-48-34-B
xóm Bang Trên	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 28"	106° 45' 33"					F-48-34-B
Đồng Ké	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 56"	106° 48' 27"					F-48-34-B
núi Khau Dân	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 02"	106° 48' 14"					F-48-34-B
xóm Khí Chảo	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 08"	106° 49' 15"					F-48-34-B
múi Khí Chảo	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 40"	106° 49' 23"					F-48-34-B
xóm Khưa Khoang	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 26"	106° 46' 36"					F-48-34-B
hồ Khưa Khoang	TV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 46' 44"					F-48-34-B
xóm Lũng Pầu	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 33"	106° 49' 15"					F-48-34-B
xóm Lũng Phở	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 45' 54"					F-48-34-B
xóm Lũng Thanh Ké	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 31"	106° 47' 58"					F-48-34-B
xóm Lý Vạn	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 59"	106° 49' 07"					F-48-34-B
núi Mu Mùn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 31"	106° 48' 40"					F-48-34-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Nặm Thầu	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 45' 20"	106° 46' 31"					F-48-34-B
xóm Nặm Tộc	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 30"	106° 47' 57"					F-48-34-B
núi Ngươn Răm	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 45' 58"					F-48-34-B
núi Phia Nhân	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 18"	106° 47' 36"					F-48-34-B
núi Rạm Kha	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 46"	106° 47' 33"					F-48-34-B
núi Thênh Ngươn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 43"	106° 45' 12"					F-48-34-B
núi Tu Giáo	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 12"	106° 46' 51"					F-48-34-B
đường tỉnh 206	KX	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 47' 31"	106° 46' 04"	22° 51' 01"	106° 43' 47"	F-48-34-A;34-B
đập Ai Cánh	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 59"	106° 47' 22"	22° 51' 02"	106° 43' 49"	F-48-34-B
núi Ba Xe	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 27"	106° 45' 50"					F-48-34-B
xóm Bần Khuyết	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang							F-48-34-A
xóm Bần Suối	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 22"	106° 43' 05"					F-48-34-A
xóm Bần Thang	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 50' 23"	106° 44' 21"					F-48-34-A
suối Bần Thang	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 50' 02"	106° 44' 31"	22° 50' 23"	106° 44' 29"	F-48-34-A
núi Bô Nưa	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 50' 31"	106° 43' 45"					F-48-34-A
xóm Đa Dưới	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 52"	106° 46' 22"					F-48-34-B
xóm Đa Trên	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 29"	106° 45' 49"					F-48-34-B
núi Đon Đa	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 26"	106° 47' 17"					F-48-34-B
núi Đồng Đin	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 27"	106° 42' 24"					F-48-34-A
núi Lung Nặm	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 46' 55"	106° 45' 27"					F-48-34-B
xóm Luộc Khảnh	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 49' 58"	106° 43' 59"					F-48-34-A
suối Luộc Khảnh	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 49' 56"	106° 44' 00"	22° 50' 02"	106° 44' 31"	F-48-34-A
xóm Luộc Khieu	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 04"	106° 44' 47"					F-48-34-A
suối Luộc Khieu	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 30"	106° 43' 15"	22° 48' 02"	106° 45' 21"	F-48-34-A
núi Nà Ma	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 49' 25"	106° 45' 34"					F-48-34-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Quăn	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 45"	106° 45' 42"					F-48-34-B
suối Nà Quăn	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 02"	106° 45' 21"	22° 48' 37"	106° 45' 44"	F-48-34-B
xóm Nà Vỉ	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 39"	106° 45' 19"					F-48-34-B
núi Pác Ma	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 35"	106° 45' 22"					F-48-34-B
núi Phai Cãi	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 12"	106° 46' 53"					F-48-34-B
núi Phai Cát	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 58"	106° 46' 22"					F-48-34-B
núi Phia Pan	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 51"	106° 45' 59"					F-48-34-B
núi Phia Ràng	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 20"	106° 45' 09"					F-48-34-B
núi Pò Luộc Vải	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 53"	106° 43' 29"					F-48-34-A
núi Pò Luồng	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 52"	106° 42' 46"					F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 59"	106° 47' 22"	22° 51' 02"	106° 43' 49"	F-48-34-A
suối suối Nà Vỉ	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 47' 29"	106° 46' 02"	22° 47' 54"	106° 45' 23"	F-48-34-B
núi Nà Kiểng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 46"	106° 45' 21"					F-48-34-C+D
núi Ba Mè Nàng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 14"	106° 43' 14"					F-48-34-C+D
núi Ba Nà Cai	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 22"	106° 46' 06"					F-48-34-C+D
xóm Bản Kiểng - Lũng Phộc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 04"	106° 45' 32"					F-48-34-C+D
xóm Bó Chĩa	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 41' 10"					F-48-34-C+D
xóm Bó Mực	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 58"	106° 41' 19"					F-48-34-C+D
xóm Cuốn Phầy	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 27"	106° 43' 00"					F-48-34-C+D
Khau Khả	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 07"	106° 43' 21"					F-48-34-C+D
xóm Khèo Mèo	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 10"	106° 43' 24"					F-48-34-C+D
xóm Khỉ Rút	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 41"	106° 43' 50"					F-48-34-C+D
Kỳ Sộc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 06"	106° 44' 15"					F-48-34-C+D
Lũng Chủ	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 58"	106° 43' 33"					F-48-34-C+D
núi Lũng Đáy	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
núi Lũng Khốp	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 45"	106° 44' 35"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Lạc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 43"	106° 44' 57"					F-48-34-C+D
núi Lũng Phác	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 28"	106° 44' 53"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phầy	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 57"	106° 43' 03"					F-48-34-C+D
núi Lũng Rót	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 13"	106° 44' 18"					F-48-34-C+D
núi Lũng Rỳ	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 12"	106° 44' 39"					F-48-34-C+D
núi Lũng Trù Khả	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 18"	106° 43' 22"					F-48-34-C+D
núi Lũng Tùng Tiểu	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 47"	106° 43' 34"					F-48-34-C+D
xóm Luông Dưới	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Luông Trên	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Nặm Tát	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 38"	106° 42' 56"					F-48-34-C+D
xóm Sa Lê	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 30"	106° 43' 15"					F-48-34-C+D
núi Sa Lũng Riềm	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 08"	106° 42' 35"					F-48-34-C+D
núi Sa Lũng Thành	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 35"	106° 45' 58"					F-48-34-C+D
núi Sa Phái Riều	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 38"	106° 44' 17"					F-48-34-C+D
núi Thang Mộng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 54"	106° 45' 11"					F-48-34-C+D
Thành Khau	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 20"	106° 45' 13"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	xã Thái Đức	H. Hạ Lang			22° 38' 13"	106° 42' 15"	22° 37' 05"	106° 42' 00"	F-48-34-C+D
xóm Cỏ Coọng	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							
xóm Bản Đầu	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Bản Lạn	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 34"	108° 39' 50"					F-48-34-C+D
sườn Bản Lạn	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang			22° 37' 27"	106° 39' 52"	22° 37' 27"	106° 41' 09"	F-48-34-C+D
núi Bó Chao	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 43"	106° 42' 21"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Khọt	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Kênh Nghiêu	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 26"	106° 41' 49"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Cúc	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 39"	106° 43' 13"					F-48-34-C+D
núi Lũng Eng	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 04"	106° 43' 14"					F-48-34-C+D
núi Mắc Phết	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 20"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
xóm Nà Hoạch	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Nà Lung	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
núi Ngườm Riềm	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 52"	106° 40' 40"					F-48-34-C+D
núi Pa Lũng Tổ	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 38' 10"	10° 64' 35"					F-48-34-C+D
núi Pa Pò Nộc	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 12"	106° 42' 25"					F-48-34-C+D
xóm Pắc Khao	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Pắc Lung	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
núi Pò Lung Tái	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 51"	106° 41' 44"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang			22° 43' 48"	106° 40' 15"	22° 45' 30"	106° 42' 28"	F-48-34-C+D
xóm Bản Báng	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 58"	106° 40' 57"					F-48-34-C+D
xóm Bản Doa	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 11"	106° 41' 33"					F-48-34-C+D
xóm Bản Kha	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 30"	106° 40' 39"					F-48-34-A
xóm Bản Phan	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 13"	106° 42' 58"					F-48-34-C+D
xóm Cát Hảo	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 53"	106° 40' 33"					F-48-34-C+D
núi Chông Mạ	SV	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 08"	106° 42' 32"					F-48-34-A
xóm Co Lý	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 21"	106° 41' 28"					F-48-34-A
xóm Co Nghiu	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 32"	106° 40' 54"					F-48-34-A
Co Sáo	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 40' 38"					F-48-34-A
Kết	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 02"	106° 40' 51"					F-48-34-C+D
Kon	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 41' 33"					F-48-34-A
Lũng Phúc	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 27"	106° 40' 51"					F-48-34-C+D
Lước Thóm	DC	xã Thắng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 05"	106° 40' 34"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
Nà Mu	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 33"	106° 41' 51"					F-48-34-A
xóm Nà Ngần	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 11"	106° 41' 48"					F-48-34-A
núi Nà Ngườm	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 41' 55"					F-48-34-C+D
Nà Sập	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 45"	106° 42' 23"					F-48-34-C+D
núi Ngườm ến	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 46"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
núi Pắc Sam	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 06"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
núi Pô Hai	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 47' 44"	106° 40' 01"					F-48-34-A
xóm Rặc Giang	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 47' 19"	106° 40' 52"					F-48-34-A
xóm Sầu Sam	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 48"	106° 43' 25"					F-48-34-C+D
xóm Ün Thồm	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 50"	106° 41' 15"					F-48-34-A
đường tỉnh 214	XX	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 37' 05"	106° 42' 00"	22° 35' 50"	106° 42' 41"	F-48-34-C+D
xóm Bần Nhắng	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 18"	10° 64' 09"					F-48-34-C+D
cửa khẩu Bì Hà	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 21"	106° 42' 47"					F-48-34-C+D
sông Canh Thum	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 36"	106° 40' 26"	22° 35' 09"	106° 39' 41"	F-48-34-C+D
Cốc Mẩn	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 31"	106° 40' 45"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Nhan	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 16"	106° 41' 43"					F-48-34-C+D
núi Đồi Chè	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 24"	106° 42' 25"					F-48-34-C+D
núi Đồn Diên	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 01"	106° 42' 11"					F-48-34-C+D
xóm Đông Cầu	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 14"	106° 41' 58"					F-48-34-C+D
xóm Đông Mò	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 15"	106° 42' 17"					F-48-34-C+D
xóm Đông Nang	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 48"	106° 42' 45"					F-48-34-C+D
sông Khơ Lẹp	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 31"	106° 39' 03"	22° 35' 09"	106° 39' 41"	F-48-34-C+D
xóm Khu Dơ (khu Đầu)	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 45"	106° 41' 07"					F-48-34-C+D
xóm Khu Nọc	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
xóm Ngườm Già	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Ngườm Tà	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 37"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
bản nhay	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
núi Phía Kinh	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 38"	106° 39' 33"					F-48-34-C+D
núi Phía Mẩn	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 22"	106° 41' 44"					F-48-34-C+D
núi Phía Mão	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 46"	106° 39' 48"					F-48-34-C+D
núi Phía Móc	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 30"	106° 40' 34"					F-48-34-C+D
núi Phía Riều	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 13"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
núi Phía Sừng	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 51"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Pò Mẩn	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 00"	106° 43' 17"					F-48-34-C+D
núi Pò Ngần	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 22"	106° 39' 12"					F-48-34-C+D
sườn Tà Cáp	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 03"	106° 41' 42"	22° 34' 47"	106° 41' 13"	F-48-34-C+D
xóm Tầu Đồng	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 37"	106° 42' 08"					F-48-34-C+D
xóm Thóm Cương	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 14"	106° 40' 56"					F-48-34-C+D
núi Thong Dăng	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 34' 55"	106° 40' 08"					F-48-34-C+D
xóm Tống Nưa	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 31"	106° 42' 34"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 41' 25"	106° 40' 59"	22° 39' 13"	106° 42' 41"	F-48-34-C+D
xóm Bản Cắc	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 50"	106° 42' 43"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khau	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 04"	106° 42' 20"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khong	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 18"	106° 43' 13"					F-48-34-C+D
xóm Bản Ngay	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 33"	106° 41' 26"					F-48-34-C+D
sườn Cỏ Mạ	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 38' 45"	106° 41' 39"	22° 38' 19"	106° 41' 03"	F-48-34-C+D
sườn Lành	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 39' 36"	106° 41' 55"	22° 40' 24"	106° 41' 38"	F-48-34-C+D
đồi Lũng Lừa	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 33"	106° 42' 35"					F-48-34-C+D
Lũng Thán	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 42"	106° 41' 27"					F-48-34-C+D
sườn Luộc	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 40' 09"	106° 43' 00"	22° 39' 53"	106° 43' 46"	F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Luộc Thôn Luộc Thủy	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 42"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
xóm Nà Đẳng - Tĩnh	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 41' 00"	106° 41' 09"					F-48-34-C+D
xóm Nà Kéo	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 26"	106° 41' 57"					F-48-34-C+D
Nà Sao	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 19"	106° 41' 11"					F-48-34-C+D
xóm Nà Thân	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 58"	106° 41' 58"					F-48-34-C+D
xóm Nà Thủy - Sa Tao	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 36"	106° 40' 48"					F-48-34-C+D
Nà Tinh	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 27"	106° 41' 02"					F-48-34-C+D
núi Pa Luông	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 28"	106° 43' 03"					F-48-34-C+D
xóm Pác Ty	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang							
xóm Phạc Nhang	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 39"	106° 42' 53"					F-48-34-C+D
núi Phò Sần	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 42"	106° 40' 37"					F-48-34-C+D
núi Pò Diễm	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 13"	106° 43' 02"					F-48-34-C+D
núi Pò Mao	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 48"	106° 42' 24"					F-48-34-C+D
Thảm Rím	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 58"	106° 42' 45"					F-48-34-C+D
xóm Thông Thẩn - Bản	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 57"	106° 43' 06"					F-48-34-C+D
xóm Bản Lán	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							
xóm Bản Mến	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 07"	106° 36' 19"					F-48-34-C+D
xóm Bản Sao	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 00"	106° 39' 08"					F-48-34-C+D
xóm Bản Thân	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 43"	106° 40' 04"					F-48-34-C+D
xóm Đồng Răng	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 15"	106° 37' 48"					F-48-34-C+D
xóm Khau Lừa	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 14"	106° 38' 22"					F-48-34-C+D
xóm Khum Bìn	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 01"	106° 38' 59"					F-48-34-C+D
núi Lũng Om	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 38"	106° 37' 26"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phái	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 59"	106° 38' 57"					F-48-34-C+D
xóm Nhi Liêu	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pắc Hoan	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 28"	106° 39' 05"					F-48-34-C+D
núi Pắc Mộc	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 37' 50"	106° 38' 21"					F-48-34-C+D
núi Phia Nà	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 17"	106° 40' 46"					F-48-34-C+D
xóm Quyển Búng	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 20"	106° 40' 29"					F-48-34-C+D
xóm Rung Ry	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 41' 03"	106° 37' 13"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Nhương	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							
đường tỉnh 203	KX	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng			22° 52' 14"	106° 06' 23"	22° 55' 36"	106° 02' 47"	F-48-33-A+21-C
xóm Bản Cải	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Bản Giàng 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Bản Giàng 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Bản Giỏi	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 54' 05"	106° 04' 31"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Nọc	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Chũ	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Gọ	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 37"	106° 05' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Đồn Chương	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
ngã tư Đồn Chương	KX	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 55' 14"	106° 02' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Pàng	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
núi Khuổi Tén	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 36"	106° 02' 38"					F-48-33-A+21-C
Lũng Rải	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 55' 18"	106° 03' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Mai Nưa	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 28"	106° 04' 38"					F-48-33-A+21-C
núi Mu Lự	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 57"	106° 04' 56"					F-48-33-A+21-C
xóm Mường Lẻ	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Chang	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 15"	106° 05' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ngán	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 34"	106° 03' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Vạc 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)		
xóm Hà Vạc 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng								F-48-33-A+21-C
núi Phia Sơn	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 58"	106° 05' 10"						F-48-33-A+21-C
xóm Tả Pàng	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng								F-48-33-A+21-C
xóm Yên Luật 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 48"	106° 04' 01"						F-48-33-A+21-C
xóm Yên Luật 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng								
xóm Cà Giàng	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 20"	106° 12' 00"						F-48-33-A+21-C
xóm Chông Mạ	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 57' 56"	106° 11' 09"						F-48-33-A+21-C
xóm Đông Có	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 20"	106° 12' 00"						F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pán	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 57' 21"	106° 10' 37"						F-48-33-A+21-C
lũng Mẩn	SV	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 59' 05"	106° 11' 35"						F-48-33-A+21-C
xóm Nậm Niệc	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 11' 34"						F-48-33-A+21-C
xóm Tả Piếu	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 30"	106° 11' 04"						F-48-33-A+21-C
lũng Thây	SV	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 59' 03"	106° 10' 37"						F-48-33-A+21-C
núi Bản Chang	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 10"	106° 04' 52"						F-48-33-A+21-C
xóm Bản Hà	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 02"	106° 05' 27"						F-48-33-A+21-C
xóm Bản Khoang	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 25"	106° 05' 20"						F-48-33-A+21-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 32"	106° 05' 19"						F-48-33-A+21-C
hồ Bản Nưa	TV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 42"	106° 05' 48"						F-48-33-A+21-C
xóm Đông Rẻo	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 37"	106° 08' 03"						F-48-33-A+21-C
Đường Deng	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 25"	106° 05' 39"						F-48-33-A+21-C
xóm Ké Hệt	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 31"	106° 06' 18"						F-48-33-A+21-C
hồ Ké Hệt	TV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 51"	106° 06' 32"						F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Chang	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng								
núi Káo Gạch	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 52' 20"	106° 05' 30"						F-48-33-A+21-C
núi Khau Cút	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 52"	106° 06' 43"						F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
DTLS Khuổi Sắn	KX	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng								F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mò	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 49' 17"	106° 06' 24"						F-48-33-A+21-C
xóm Nà Xá	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 49' 36"	106° 06' 01"						F-48-33-A+21-C
xóm Phía Đán	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng								
núi Phía Đeng	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 21"	106° 06' 42"						F-48-33-A+21-C
xóm Châm Ché	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng								
xóm Cốc Sa	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng								
xóm Kéo Nặm	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng	22° 49' 02"	106° 11' 06"						F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng								
núi Lũng Sung	SV	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng	22° 48' 58"	106° 12' 07"						F-48-33-A+21-C
xóm Rừng Khoen	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng								
xóm Làng Linh	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng								
xóm Lũng Đa	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 52' 31"	106° 10' 02"						F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Dán	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng								
xóm Lũng Hoàng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng								
xóm Lũng Lạc	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 54' 00"	106° 10' 18"						F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ngàn	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 52' 13"	106° 08' 41"						F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rầu	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 35"	106° 10' 02"						F-48-33-A+21-C
núi Lũng Tà	SV	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 37"	106° 11' 04"						F-48-33-A+21-C
xóm Pác Tàng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 07"	106° 10' 11"						F-48-33-A+21-C
núi Pò Deng	SV	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 51' 40"	106° 08' 01"						F-48-33-A+21-C
xóm Sam Phũng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 10"	106° 11' 18"						F-48-33-A+21-C
xóm Sóng Giang	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 32"	106° 08' 54"						F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Tại	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng								
đường tỉnh 210	KX	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng			22° 55' 19"	106° 03' 30"	22° 56' 52"	106° 05' 19"		F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cây Tắc	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 18"	106° 04' 04"					F-48-33-A+21-C
núi Li Lả	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 31"	106° 03' 32"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Khuyển	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 18"	106° 02' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	106° 03' 59"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Nhé	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 22"	106° 04' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Sáng	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 05"	106° 03' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tú - Bó Sốp	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 08"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Luông	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 55"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
xóm Nậm Ràng	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 34"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Ngườm Rông	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 09"	106° 05' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Pá Rán	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Pải Thước	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 38"	106° 05' 15"					F-48-33-A+21-C
xóm Phia Đò - Lũng Vải	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 55' 50"	106° 05' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Răng Pùm - Cà Lọ	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 36"	106° 04' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Răng Rưng - Co Lý	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 45"	106° 04' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Sỷ Ngải	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 53"	106° 03' 24"					F-48-33-A+21-C
núi Thiêng Hoài	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 40"	106° 04' 38"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KK	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng			22° 56' 52"	106° 05' 19"	22° 55' 50"	106° 06' 43"	
xóm Cỏ Giồng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 57"	106° 05' 31"					F-48-33-A+21-C
xóm Cỏ Mả	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 38"	106° 05' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Cỏ Tiêng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 46"	106° 06' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Chợ Nặm Nhũng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 10"	106° 05' 36"					F-48-33-A+21-C
núi Đản Khoa	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 09"	106° 06' 41"					F-48-33-A+21-C
núi Đồng Pháo	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 05' 45"					F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Hai	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 06"	106° 06' 07"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kéo Quên	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 08' 57"					F-48-33-A+21-C
Kha Bàn	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 52"	106° 06' 20"					F-48-33-A+21-C
núi Lăng Rùn	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 06"	106° 06' 48"					F-48-33-A+21-C
đồi Lũng Chung	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 34"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
Lũng Cọ	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 05' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng In	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 28"	106° 06' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Mãng	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 59' 08"	106° 07' 25"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Rạch	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 53"	106° 04' 55"					F-48-33-A+21-C
Đồn biên phòng Nặm Nhừng	KX	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 05' 34"					F-48-33-A+21-C
núi Phác Sĩ	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 42"	106° 06' 36"					F-48-33-A+21-C
xóm Pò Tân	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 33"	106° 06' 39"					F-48-33-A+21-C
núi Thảm Ma	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 59"	106° 06' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Thiêng Hoái	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 59' 10"	106° 05' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Thín Táng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 08"	106° 05' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Thông Sác	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 10"	106° 05' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Tống Pô	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 06' 14"					F-48-33-A+21-C
xóm Cỗ Póc	DC	xã Mù Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 53"	106° 12' 00"					F-48-33-A+21-C
núi Hang Giảo	SV	xã Mù Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 09"	106° 11' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Keng Cã	DC	xã Mù Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 20"	106° 12' 10"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Bong	SV	xã Mù Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 21"	106° 12' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Phình	SV	xã Mù Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 15"	106° 11' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Lọc Sóng	SV	xã Mù Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 53"	106° 11' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Kiếng	DC	xã Mù Ba	H. Hà Quảng							
núi Lũng Luồng	SV	xã Mù Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 35"	106° 12' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Niếng	DC	xã Mù Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 27"	106° 12' 10"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Lũng Pheo	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 31"	106° 12' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rắn	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 52' 17"	106° 12' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Mạ Răng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng							
xóm Thín Tằng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng							
xóm Tổng Bá	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 30"	106° 11' 44"					F-48-33-A+21-C
đường lỉnh Đồn Chương - Sóc Hà	KX	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng			22° 50' 00"	106° 00' 58"	22° 55' 15"	106° 02' 39"	F-48-33-A+21-C; 32-B+20-D
núi Bà Tài	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	106° 02' 10"					F-48-33-A+21-C
lũng Cát	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 57' 47"	106° 00' 38"					F-48-33-A+21-C
núi Cốc Chủ	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 55' 03"	106° 01' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Sầu	DC	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 55' 01"	106° 01' 03"					F-48-33-A+21-C
núi Đồng Liêu	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 02' 27"					F-48-33-A+21-C
DTLS Hang Phia Nội	KX	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Hòa Mục 1	DC	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 55' 15"	106° 02' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Hòa Mục 2	DC	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng							
núi Khiếu Tiên	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 55' 47"	106° 01' 57"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Miêu	TV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng			22° 54' 21"	106° 02' 13"	22° 54' 58"	106° 02' 41"	F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Rình	TV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng			22° 54' 15"	106° 01' 12"	22° 53' 55"	106° 01' 20"	F-48-33-A+21-C
núi Là Mồ	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	106° 01' 32"					F-48-33-A+21-C
DTLS Lũng Cát	KX	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
đầy núi Lũng Dú	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 57' 01"	106° 01' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Loóng	DC	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 55' 23"	106° 01' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Mò	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 01' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pía	DC	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng							
núi Lũng Sường	SV	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 55' 35"	106° 00' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Mã Lip	DC	xã Nà Sặc	H. Hà Quảng	22° 57' 04"	106° 00' 29"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mây Đám	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 54' 28"	106° 01' 55"					F-48-33-A+21-C
DTLS Nền nhà ông Hiền Hữu	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
DTLS Ngâm Giảo	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
Ngâm Xinh	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 02"	106° 01' 16"					F-48-33-A+21-C
Ngườn Nặm	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 54"	106° 00' 38"					F-48-33-A+21-C
Nong Di	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 20"	106° 00' 06"					F-48-33-A+21-C
Pác Kéo	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 38"	106° 01' 25"					F-48-33-A+21-C
Pác Rựa	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 41"	106° 01' 33"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Oai	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 41"	106° 00' 18"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Vén	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 19"	106° 02' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Pò Ngườu - Kép Ké	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 06"	106° 02' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Thôn Tấu	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	106° 00' 27"					F-48-33-A+21-C
lũng Thua Hào	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 54"	106° 00' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Cà Rẻ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 39"	106° 11' 48"					F-48-33-A+21-C
núi Cà Ténh	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 47"	106° 10' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Cà Tiếng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 10' 35"					F-48-33-A+21-C
núi Khuổi Phia	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 21"	106° 12' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Làng Lý	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 19"	106° 12' 27"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Chưởng	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 28"	106° 09' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Chưởng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 53"	106° 09' 08"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mỏ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 09' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pung	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 25"	106° 08' 26"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rại	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 55"	106° 11' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ri	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 23"	106° 10' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xuân	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 41"	106° 13' 09"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngườm Vải	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 40"	106° 12' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhì Táo	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 58' 28"	106° 09' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Hoan	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 34"	106° 11' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Tụ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 12' 41"					F-48-33-A+21-C
lũng Pét	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 58' 05"	106° 12' 45"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Bốc	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 15"	106° 11' 53"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Bưng	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 08' 06"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Rừu	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 59"	106° 12' 12"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Théc	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 19"	106° 10' 26"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Ung	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 48"	106° 09' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Rủ Rá	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 03"	106° 11' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Sọc Rầu	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 39"	106° 11' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Tiếng Po	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 14"	106° 07' 31"					F-48-33-A+21-C
núi Tu Thiu	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 07"	106° 11' 09"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng			22° 48' 47"	106° 06' 48"	22° 52' 14"	106° 06' 23"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Bó	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 03"	106° 08' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Chá	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 04"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Chũ	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 16"	106° 07' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Dộc Kít	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 25"	106° 07' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Mãn	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 32"	106° 07' 50"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Mất	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 05"	106° 07' 10"					F-48-33-A+21-C
núi Khau Rục	SV	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 52' 07"	106° 06' 54"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Giảng	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Luông Nội	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 30"	106° 07' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Dăm	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 48"	106° 06' 39"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Nà Giàng	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nà Giào	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 41"	106° 07' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Lạn	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nà Mạ	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 40"	106° 06' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Rặc	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nuộc Mỏ	DC	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 43"	106° 08' 24"					F-48-33-A+21-C
suối Phú Ngọc	TV	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng			22° 52' 03"	106° 06' 32"	22° 50' 09"	106° 08' 07"	F-48-33-A+21-C
núi Tềng Khoei	SV	xã Phú Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 33"	106° 08' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Bắc Phương	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Bản Láp 1	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Bản Láp 2	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
suối Bằng Giang	TV	xã Quý Quân	H. Hà Quảng			22° 53' 30"	106° 00' 59"	22° 50' 40"	106° 02' 17"	F-48-33-A+21-C
xóm Keng Tào	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Khuổi Tầu	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 50' 43"	10° 60' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Bấy	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Mới	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Nhũng	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 50' 32"	106° 01' 36"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xám	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Nà Pò - Khuổi Luông	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 52' 38"	106° 01' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Tềnh Cà Lừa	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 51' 05"	106° 01' 59"					F-48-33-A+21-C
suối Bằng Giang	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 54' 55"	106° 00' 17"	22° 53' 30"	106° 00' 59"	F-48-33-A+21-C
suối Bả Tầu	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 59"	105° 57' 26"	22° 56' 31"	105° 58' 20"	F-48-32-B+20-D
núi Cầm Dăng	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 58"	105° 57' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Nghịu	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 04"	105° 59' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Vương	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 34"	105° 59' 51"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Địa Lan	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	105° 59' 29"					F-48-32-B+20-D
đường tỉnh Đôn Chương - Sóc Hà	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 38"	105° 59' 34"	22° 50' 00"	106° 00' 58"	F-48-33-A+21-C; F-48-32-B+20-D
xóm Hàng Cầu	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 21"	106° 00' 07"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Kỳ	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 31"	105° 58' 20"	22° 56' 59"	105° 57' 26"	F-48-33-A+21-C
khuổi Khuổi Ninh	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 54' 15"	106° 01' 12"	22° 53' 55"	106° 01' 20"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Cùm	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 13"	105° 59' 26"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Mật	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 58"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pươi	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 54"	105° 57' 27"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rải	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 01"	105° 58' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Chảo	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 06"	106° 00' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Nghiêng	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 55"	106° 00' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Phái	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 13"	105° 58' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Sác	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 23"	105° 59' 43"					F-48-32-B+20-D
núi Pác Khang	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 04"	106° 00' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Tao	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 00' 14"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Khao	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 36"	105° 59' 07"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Mạ	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	105° 59' 05"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Tằng	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 24"	106° 00' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Pò Hàng	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	105° 59' 55"					F-48-33-A+21-C
núi Sắt Nhân	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 25"	105° 59' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Sĩ Pải	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 18"	106° 00' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Sóc Giang	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 07"	106° 00' 29"					F-48-33-A+21-C
cửa khẩu Sóc Giang	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
đồn biên phòng Sóc Hà	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 12"	106° 00' 36"					F-48-33-A+21-C
núi Trám	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	105° 58' 54"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trúc Long	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 15"	106° 59' 12"					F-48-32-B+20-D
sườn Trúc Long	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 31"	106° 58' 20"	2° 25' 63"	106° 59' 47"	F-48-32-B+20-D
núi Cà Xát	SV	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 09"	106° 11' 18"					F-48-33-A+21-C
núi Canh Dừng	SV	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 48"	106° 12' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Sớ	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng							
xóm Kinh Dưới	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 35"	106° 10' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Kinh Trên	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 57"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Bồng	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 54"	106° 11' 33"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Quáng	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 40"	106° 12' 26"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Túp	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 11"	106° 11' 57"					F-48-33-A+21-C
xóm Nậm Thuồm	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 32"	106° 11' 08"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Kiếng	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 32"	106° 11' 29"					F-48-33-A+21-C
núi Quang Tân	SV	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 24"	106° 12' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Tống Tuồng	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 18"	106° 10' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Uống Luộc	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 12' 01"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng			22° 55' 50"	106° 06' 43"	22° 55' 41"	106° 09' 46"	
trường PTTH Vường Cao	KX	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Cạ Giang	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 10"	106° 07' 47"					F-48-33-A+21-C
Cạ Rải	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 07' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Cạ Thỏ	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 49"	106° 08' 10"					F-48-33-A+21-C
xóm Chàng Bể	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	106° 07' 19"					F-48-33-A+21-C
Bại Tống	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 29"	106° 10' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Láng Pía	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 11"	106° 07' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hòa	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 20"	106° 08' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mùm	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 07' 44"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Tấn	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 06' 49"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Tây	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 47"	106° 07' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Giọt	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 39"	106° 08' 23"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Thắc	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 06"	106° 08' 14"					F-48-33-A+21-C
xóm Tây Dưới	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 52' 30"	106° 07' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Tây Trên	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 08' 06"					F-48-33-A+21-C
núi Tênh Keng	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	106° 09' 44"					F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Càng	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	106° 07' 30"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng			22° 53' 27"	106° 13' 51"	22° 55' 08"	106° 12' 27"	F-48-33-A+21-C
núi Bông	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 23"	106° 11' 02"					F-48-33-A+21-C
lũng Cáo	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 12"	106° 15' 14"					F-48-33-B
xóm Cột Nưa	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 22"	106° 13' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Cột Phở	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 53' 56"	106° 13' 27"					F-48-33-A+21-C
lũng Keng Lạn	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 57' 08"	106° 13' 39"					F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Sỷ	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 26"	106° 14' 23"					F-48-33-A+21-C
lũng Kìl	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 56' 24"	106° 14' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ái	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 16"	106° 11' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Giồng	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 46"	106° 13' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Rì	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 07"	106° 14' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tao	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tùm - Lũng Mẩn	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 59"	106° 13' 30"					F-48-33-A+21-C
lũng Mỏ Tắc	SV	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 14' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Ngườm Luông	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 54' 26"	106° 14' 23"					F-48-33-A+21-C
Pắc Cồ	DC	xã Tổng Cọt	H. Hà Quảng	22° 55' 59"	106° 14' 32"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Pác Ô	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 53' 31"	106° 13' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Pải Bả	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 53' 40"	106° 13' 07"					F-48-33-A+21-C
lũng Pàng	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 36"	106° 15' 27"					F-48-33-B
xóm Rằng Hân	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 56' 05"	106° 13' 41"					F-48-33-A+21-C
xóm Thiêng Ngọa	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 40"	106° 12' 06"					F-48-33-A+21-C
đồn biên phòng Tổng Cột	KX	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 20"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C
lũng Tỷ	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 56' 47"	106° 13' 47"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 55' 36"	106° 02' 47"	22° 59' 06"	106° 02' 47"	F-48-33-A+21-C
suối Bản Hoàng	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 57' 35"	10° 60' 38"	22° 57' 41"	106° 02' 22"	F-48-33-A+21-C
thủy điện Bản Hoàng	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 35"	106° 01' 47"					F-48-33-A+21-C
cầu Bó Bầm	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 55"	106° 02' 58"					F-48-33-A+21-C
núi Cắc Mác	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 06"	106° 02' 59"					F-48-33-A+21-C
hàng Cốc Bó	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 18"	106° 03' 04"					F-48-33-A+21-C
đồi Cốc Lũng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 02' 08"					F-48-33-A+21-C
núi Đản Rược	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 47"	106° 03' 37"					F-48-33-A+21-C
xóm Hoàng 1	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 01' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Hoàng 2	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 24"	106° 02' 03"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Hong	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 55"	106° 00' 30"	22° 57' 32"	106° 01' 51"	F-48-33-A+21-C
mộ Kim Đồng	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 03"	106° 02' 40"					F-48-33-A+21-C
suối Lả Nín	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 31"	106° 02' 55"	22° 55' 38"	106° 02' 43"	F-48-33-A+21-C
núi Lũng Giảo	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 16"	106° 03' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Kéo	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 42"	106° 02' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Lặng	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							
đồi Nà Lặng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 43"	106° 01' 12"					F-48-33-A+21-C
suối Nà Lặng	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 55"	106° 01' 36"	22° 58' 25"	106° 01' 18"	F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Nà Lọng Nưa	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 14"	106° 01' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Mạ	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 30"	106° 02' 43"					F-48-33-A+21-C
dãy núi Nà Mạ	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 24"	106° 03' 08"					F-48-33-A+21-C
cầu Nà Ngâm	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 46"	106° 02' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Lìn	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							
xóm Pác Bó	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 52"	106° 03' 05"					F-48-33-A+21-C
khu di tích Pác Bó	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 02' 58"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Càng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 18"	106° 02' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Đeng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 52"	106° 02' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Thôn Hoàng 1	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							
xóm Thôn Hoàng 2	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 51"	106° 02' 38"					F-48-33-A+21-C
thung lũng Thông Ma	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 28"	106° 03' 25"					F-48-33-A+21-C
núi Xưa Thái	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 09"	106° 03' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Khéng	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng							
xóm Cha Vạc	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 57' 49"	106° 09' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Mười	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 59' 07"	106° 07' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Phầy	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 25"	106° 09' 33"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Đa	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 58"	106° 08' 50"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rầu	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 57' 49"	106° 08' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Thốc	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 57' 52"	106° 07' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Đin	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 08' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhì Đú	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 29"	106° 08' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Cò	DC	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 59' 09"	106° 09' 36"					F-48-33-A+21-C
đồi Tàng Đồi	SV	xã Văn An	H. Hà Quảng	22° 58' 29"	106° 09' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Keng Vải	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 55' 24"	106° 04' 12"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kha Bản	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Cúi	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 54' 19"	106° 06' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Gà	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 55' 18"	106° 05' 33"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Giàng	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 54' 49"	106° 05' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 52' 59"	106° 06' 09"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Kìm	SV	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	106° 05' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Nải	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Sang	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 04' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tu	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 54' 55"	106° 04' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Vén	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 53' 52"	106° 06' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xám	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng							
xóm Pắc Keng	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 53' 57"	106° 05' 36"					F-48-33-A+21-C
xóm Sợ Diêng	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 54' 43"	106° 06' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Tôm Đăm	DC	xã Văn Dĩnh	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 04' 50"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	TT. Nước Hai	H. Hòa An			22° 44' 04"	106° 09' 20"	22° 45' 01"	106° 08' 23"	F-48-33-C
tổ 1 Dã Hương	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Hoàng Bó	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố A	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố B	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố Giữa	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Dã Hương	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Hoàng Bó	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Phố A	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Phố B	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Phố Giữa	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 39' 55"	106° 11' 42"	22° 35' 20"	106° 09' 01"	F-48-32-C
xóm Bản Sắng	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 37' 09"	106° 12' 07"					F-48-33-C
xóm Bốc Thượng 1	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 03"	106° 10' 09"					F-48-33-C
xóm Bốc Thượng 2	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 31"	106° 10' 37"					F-48-33-C
xóm Đầu Cầu	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 56"	106° 10' 29"					F-48-33-C
sông Hiền	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 35' 45"	106° 08' 58"	22° 37' 42"	106° 13' 00"	F-48-33-C
núi Khau Cầu	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 32' 48"	106° 11' 27"					F-48-33-C
núi Khau Là	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 34' 01"	106° 11' 32"					F-48-33-C
núi Khau Mười	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 13"	106° 11' 00"					F-48-33-C
núi Khau Quắm	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 33' 31"	106° 11' 32"					F-48-33-C
núi Khuổi Bao	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 35' 32"	106° 09' 08"					F-48-33-C
xóm Khuổi Kép	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 15"	106° 10' 44"					F-48-33-C
hồ Khuổi Lai	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 51"	106° 10' 37"					F-48-33-C
xóm Nà Luông	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An							
sườn Nà Ngòi	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 32' 55"	106° 09' 13"	22° 33' 03"	106° 12' 03"	F-48-33-C
Nà Roác	KX	xã Bạch Đằng	H. Hòa An							F-48-32-C
xóm Nà Roác 1	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 02"	106° 11' 03"					F-48-33-C
xóm Nà Roác 2	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 39' 27"	106° 11' 40"					F-48-33-C
xóm Nà Roác 3	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 41"	106° 11' 25"					F-48-33-C
xóm Nà Tú	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 24"	106° 11' 09"					F-48-33-C
núi Ngâm Hoài	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 38"	106° 09' 48"					F-48-33-C
xóm Pác Nà	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 37' 12"	106° 11' 54"					F-48-33-C
núi Phia Đim	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 19"	106° 12' 39"					F-48-33-C
núi Phia Hu	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 34' 36"	106° 10' 59"					F-48-33-C
xóm Phiang Lừa	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 38' 30"	106° 11' 51"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
đèo Tái Hồ Sin	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An	22° 36' 45"	106° 10' 19"					F-48-33-C
đường tỉnh 203	KX	xã Bế Triều	H. Hòa An			22° 44' 04"	106° 09' 20"	22° 42' 20"	106° 11' 00"	F-48-32-C
xóm An Phú	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Bần Sậy	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 06"	106° 09' 43"					F-48-33-C
xóm Bần Vạn 1	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 59"	106° 09' 30"					F-48-33-C
xóm Bần Vạn 2	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Chung Mu	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 24"	106° 09' 30"					F-48-33-C
xóm Đà Lạn	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 10' 08"					F-48-33-C
xóm Đông Viào	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 42"	106° 09' 47"					F-48-33-C
xóm Khau Côi	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 00"	106° 09' 56"					F-48-33-C
xóm Khau Hoa	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 15"	106° 10' 12"					F-48-33-C
xóm Khuổi Vạ	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 45' 21"	106° 10' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Lăng Phia (Lăng Phia)	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Nà Bura	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 10' 52"					F-48-33-C
xóm Nà Mò	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 45' 14"	106° 10' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pía (Nà Pía)	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Nà Sa - Nà Gường	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 48"	106° 10' 47"					F-48-33-C
hồ Nà Tấu	TV	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 17"	106° 11' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Vài	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 11' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Vầu	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 43"	106° 10' 27"					F-48-33-C
xóm Pác Gà	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 32"	106° 09' 16"					F-48-33-C
Thủy Lợi	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 10' 44"					F-48-33-C
xóm Vô Đáo	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 33"	106° 09' 51"					F-48-33-C
xóm Vô Gà	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 25"	106° 11' 54"					F-48-33-C
xóm Bô Mỹ	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 01"	106° 08' 28"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	Vĩ độ (°00, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	Vĩ độ (°00, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	
sông Hiền	KX	xã Bình Dương	H. Hòa An			22° 37' 08"	106° 08' 48"	22° 35' 45"	106° 08' 56"	F-48-33-C
điểm đổi lịch Khuổi Lài	KX	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 08"	106° 10' 48"					F-48-33-C
xóm Khuổi Lầy	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 36' 25"	106° 07' 54"					F-48-33-C
xóm Khuổi Rì	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 00"	106° 09' 30"					F-48-33-C
núi Là Nin	SV	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 37' 22"	106° 09' 28"					F-48-33-C
xóm Nà Hoan	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 46"	106° 08' 55"					F-48-33-C
xóm Nà Niễn	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 07"	106° 08' 46"					F-48-33-C
xóm Nà Phụng	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 37' 36"	106° 09' 38"					F-48-33-C
Nà Toàn	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 17"	106° 08' 39"					F-48-33-C
xóm Nà Vương	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 34"	106° 09' 29"					F-48-33-C
xóm Thín Tằng	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 22"	106° 09' 05"					F-48-33-C
Vò Đại	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 31"	106° 09' 21"					F-48-33-C
núi Gồ Nhiều	SV	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 05"	106° 07' 23"					F-48-33-C
xóm Ấng Giàng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 05"	106° 07' 46"					F-48-33-C
xóm Bần Sảng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An							
sông Bằng Giàng	TV	xã Bình Long	H. Hòa An			22° 44' 47"	106° 07' 23"	22° 44' 08"	106° 08' 09"	F-48-33-C
xóm Bó Roóm	DC	xã Bình Long	H. Hòa An							
xóm Cốc Lại	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 48"	106° 08' 05"					F-48-33-C
sông Dẻ Rào	TV	xã Bình Long	H. Hòa An			22° 43' 30"	106° 06' 05"	22° 44' 08"	106° 08' 09"	F-48-33-C
xóm Đồng Kinh	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 25"	106° 07' 56"					F-48-33-C
xóm Đức Bình	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 41"	106° 07' 08"					F-48-33-C
xóm Khuổi Luông	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 42' 34"	106° 06' 43"					F-48-33-C
xóm Lũng Chung	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 42' 54"	106° 07' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Bát	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 52"	106° 07' 36"					F-48-33-C
xóm Nà Giảo	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 13"	106° 08' 10"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
DTLS Nhà ông Bế Ich Bồng	KX	xã Bình Long	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Nhà ông Đàm Nhật Chánh	KX	xã Bình Long	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Pắc Cam	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 35"	106° 07' 35"					F-48-33-C
xóm Pắc Gậy	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 07' 15"					F-48-33-C
xóm Thái Cường	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 18"	106° 08' 30"					F-48-33-C
xóm Thang Lầy	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 26"	106° 08' 27"					F-48-33-C
xóm Thua Khau	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 28"	106° 07' 18"					F-48-33-C
núi Kéo Lầm	SV	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 44' 10"	106° 01' 38"					F-48-33-C
núi Lũng Cùm	SV	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 42' 04"	106° 01' 34"					F-48-33-C
xóm Cốc Phẳng	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 40"	106° 01' 13"					F-48-33-C
Già Vải	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 42' 57"	106° 02' 16"					F-48-33-C
xóm Lũng Điều	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 41' 17"	106° 01' 43"					F-48-33-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 42' 41"	106° 01' 32"					F-48-33-C
xóm Lũng Mải	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 41' 49"	106° 01' 40"					F-48-33-C
xóm Lũng Cong	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 38"	106° 02' 22"					F-48-33-C
Lũng Pén	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 25"	106° 02' 08"					F-48-33-C
Lũng Rươi	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 46"	106° 01' 32"					F-48-33-C
Lũng Sao	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 03"	106° 01' 41"					F-48-33-C
Lũng Xen	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 02' 14"					F-48-33-C
Nà Sầm	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 41' 05"	106° 02' 02"					F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	TV	xã Công Trừng	H. Hòa An			22° 40' 54"	106° 02' 35"	22° 41' 45"	106° 02' 51"	F-48-33-C
Dong Mận	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 17"	106° 01' 43"					F-48-33-C
Pắc Cỏi	DC	xã Công Trừng	H. Hòa An	22° 43' 25"	106° 01' 01"					F-48-33-C
xóm Héc Chang	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 57"	106° 11' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Héc Nưa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 40"	106° 12' 11"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Tát	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An							
núi Khô Khao	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 41"	106° 12' 54"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Háng	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 47' 26"	106° 11' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lừa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 12"	106° 12' 46"					F-48-33-A+21-C
xóm Mả Chang	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 05"	106° 11' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Mả Nưa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 36"	106° 12' 52"					F-48-33-A+21-C
xóm Mả Tầu	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 59"	106° 12' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Bon	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 47' 05"	106° 11' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Coóc	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 52"	106° 12' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khan	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 49"	106° 10' 33"					F-48-33-A+21-C
Nà Vinh	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 12"	106° 11' 11"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 204	KK	xã Dân Chủ	H. Hòa An			22° 47' 08"	106° 05' 38"	22° 48' 03"	106° 02' 07"	F-48-33-A+21-C
xóm Bản Chang	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 09"	106° 03' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Dừa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 11"	106° 04' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Hóa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 01"	106° 05' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Mạ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 46"	106° 04' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Sinh	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 50"	106° 04' 42"					F-48-33-A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Dân Chủ	H. Hòa An			22° 50' 40"	106° 02' 17"	22° 46' 25"	106° 05' 29"	F-48-33-A+21-C
xóm Bó Ninh	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Danh Sỷ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 55"	106° 04' 53"					F-48-33-A+21-C
xóm Đồng An	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Hoàng Sùm	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Kéo Thín	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
Khuai Khá	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 48"	106° 06' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Bốc	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 48"	106° 02' 57"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi Móng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 50' 25"	106° 03' 14"					F-48-33-A+21-C
Khuổi Tào	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 50' 35"	106° 02' 15"					F-48-33-A+21-C
Liên Oa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 28"	106° 06' 19"					F-48-33-A+21-C
Lũng Duồng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 28"	106° 02' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lạ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Lũng Lưu	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
Lũng Mần	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 25"	106° 02' 54"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tào	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 07"	106° 05' 30"					F-48-33-A+21-C
Ma Pẩn	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 46"	106° 02' 06"					F-48-33-A+21-C
đèo Mã Quỳnh	SV	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 03"	106° 02' 07"					F-48-33-A+21-C
xóm Mìn Sáng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 57"	106° 05' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Mỏ Sắt	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 59"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
Nà Cờ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 40"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Đán	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Nà Mèo	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 05' 57"					F-48-33-A+21-C
Nà Mìn	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 44"	106° 05' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Nhữ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Nà Phia	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 55"	106° 05' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Sáng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 08"	106° 05' 02"					F-48-33-A+21-C
mỏ sắt Ngườm Chàng	KX	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 11"	106° 05' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Bó	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 10"	106° 04' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Phắc Cát	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 14"	106° 03' 15"					F-48-33-A+21-C
núi Pò Mì	SV	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 06"	106° 04' 27"					F-48-33-A+21-C
Tần Hương	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 31"	106° 03' 54"					F-48-33-A+21-C
Vân Gà	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 32"	106° 04' 30"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
đường tỉnh 203	KX	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 56"	106° 06' 55"	22° 45' 01"	106° 08' 23"	F-48-32-B+20-D
đường tỉnh 204	KX	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 40"	106° 07' 07"	22° 47' 08"	106° 05' 38"	F-48-32-B+20-D
xóm Bần Chung	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 35"	106° 06' 34"					F-48-33A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 25"	106° 05' 29"	22° 44' 41"	106° 08' 26"	F-48-33-A+21-C
xóm Bằng Hà 1	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 49"	106° 08' 50"					F-48-33-C
xóm Bằng Hà 2	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 01"	106° 08' 59"					F-48-33-C
xóm Cốc Lũng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 18"	106° 06' 48"					F-48-33A+21-C
xóm Cốc Phát	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 39"	106° 06' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Huống	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 04"	106° 07' 55"					F-48-33A+21-C
xóm Khau Khang	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 07"	106° 06' 08"					F-48-33A+21-C
xóm Khau Lý	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Khuổi Ghện	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 11"	106° 05' 42"					F-48-33A+21-C
núi Khuổi Loà	SV	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 55"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Cốc	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 16"	106° 08' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Đào - Nà Hoàng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Đông	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 36"	106° 07' 23"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Đuốc	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 56"	106° 06' 46"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Gọn	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Hàng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Khau	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 05"	106° 06' 49"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Mỏ	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 23"	106° 07' 52"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Mỏ - Bẩn Mới	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Niên	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 58"	106° 07' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Páng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 47' 02"	106° 05' 59"					F-48-33A+21-C
Nậm Thương	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 37"	106° 06' 58"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Nà - Nà Loàng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 53"	106° 07' 04"					F-48-33A+21-C
xóm Phai Thín	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 34"	106° 07' 29"					F-48-33A+21-C
xóm Phia Gáo	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 30"	106° 08' 36"					F-48-33A+21-C
hồ Phia Gáo	TV	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 50"	106° 08' 30"					F-48-33A+21-C
xóm Phia Tráng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 13"	106° 07' 29"					F-48-33A+21-C
xóm Thắc Tháy	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 55"	106° 08' 03"					F-48-33A+21-C
xóm Thua Cây	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 40"	106° 06' 12"					F-48-33A+21-C
xóm Ca Rài	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An							
núi Kéo Khao	SV	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 48' 01"	106° 12' 59"					F-48-33A+21-C
núi Kéo Tát	SV	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 47' 42"	106° 15' 09"					F-48-33-B
xóm Lũng Duộc	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An							
xóm Lũng Rì	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 46' 17"	106° 13' 42"					F-48-33A+21-C
xóm Lũng Thốc	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 47' 43"	106° 13' 27"					F-48-33A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hà Trì	H. Hòa An			22° 38' 10"	106° 18' 46"	22° 35' 26"	106° 21' 38"	F-48-33-D
xóm Khuổi Lừa	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 38' 09"	106° 20' 08"					F-48-33-D
xóm Khuổi Lũng	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 50"	106° 19' 22"					F-48-33-D
Khuổi Pông	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 36' 59"	106° 20' 38"					F-48-33-D
xóm Lũng Mận	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 00"	106° 21' 22"					F-48-33-D
xóm Nà Lại	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 20"	106° 20' 33"					F-48-33-D
xóm Nà Mũi	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An							
xóm Nậm Tân	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 38' 18"	106° 20' 18"					F-48-33-D
núi Phia Đeng	SV	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 35' 59"	106° 21' 25"					F-48-33-D
đồi Roòng Rắc	SV	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 29"	106° 19' 18"					F-48-33-D
sườn Roòng Rắc	TV	xã Hà Trì	H. Hòa An			22° 37' 43"	106° 20' 28"	22° 37' 07"	106° 20' 33"	F-48-33-D
đền Vua Lê	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Bán Chạp	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 04"	106° 10' 31"					F-48-33-C
xóm Bán Giải	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 54"	106° 10' 26"					F-48-33-C
xóm Bán Tấn	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 39' 55"	106° 10' 06"					F-48-33-C
xóm Bán Đà	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 59"	106° 10' 46"					F-48-33-C
xóm Bó Bùn	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 23"	106° 09' 36"					F-48-33-C
xóm Bó Lếch	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 06"	106° 09' 50"					F-48-33-C
DTLS Cốc Phát	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Hào Lịch	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 51"	106° 09' 01"					F-48-33-C
xóm Kế Nồng	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 26"	106° 09' 58"					F-48-33-C
xóm Khau Luông	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 48"	106° 09' 44"					F-48-33-C
xóm Khuổi Áng	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 40' 57"	106° 09' 10"					F-48-33-C
hồ Khuổi Áng	TV	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 21"	106° 09' 26"					F-48-33-C
xóm Làng Dền	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 42' 35"	106° 10' 21"					F-48-33-C
xóm Nà Lữ	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 42' 10"	106° 10' 44"					F-48-33-C
xóm Nà Nầm	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 40' 15"	106° 09' 21"					F-48-33-C
xóm Nà Riềm	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							
DTLS Nặm Lìn	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Ngườm Sưa	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
nhà máy Sắt Xốp	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
Bó Pía	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 35' 20"	106° 21' 58"					F-48-33-D
Chà Lầu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 14"	106° 23' 05"					F-48-33-D
núi Cốc Páng	SV	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 47"	106° 20' 34"					F-48-33-D
suối Kém Coóng	TV	xã Hồng Nam	H. Hòa An			22° 34' 19"	106° 20' 19"	22° 35' 14"	106° 21' 48"	F-48-33-D
xóm Kém Coóng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 57"	106° 21' 30"					F-48-33-D
Khau Thây	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 20"	106° 21' 34"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Khảy Tấu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 21"	106° 22' 04"					F-48-33-D
Khuổi Khun	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 12"	106° 22' 58"					F-48-33-D
sườn Khuổi Linh	TV	xã Hồng Nam	H. Hòa An			22° 34' 31"	106° 22' 20"	22° 32' 43"	106° 22' 41"	F-48-33-D
xóm Khuổi Linh	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An							
xóm Khuổi Sàng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 30"	106° 23' 16"					F-48-33-D
Linh Đầu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 49"	106° 22' 39"					F-48-33-D
Linh Nọc	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 42"	106° 22' 42"					F-48-33-D
xóm Lũng Cải	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 01"	106° 21' 14"					F-48-33-D
Lũng Nhông	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 47"	106° 21' 29"					F-48-33-D
Nà Mưôi	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 35"	106° 22' 37"					F-48-33-D
Nà Ngườm	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 38"	106° 21' 52"					F-48-33-D
xóm Nà Tổng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 17"	106° 22' 38"					F-48-33-D
Ngườm Cường	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 59"	106° 23' 41"					F-48-33-D
Pác Sầm	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 14"	106° 23' 42"					F-48-33-D
Phía Ban	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 47"	106° 23' 10"					F-48-33-D
Phía Tén	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 31"	106° 22' 43"					F-48-33-D
Phiêng Phia	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 35' 00"	106° 22' 21"					F-48-33-D
xóm Phiêng Phia - Cốc Cam	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 34"	106° 22' 46"					F-48-33-D
núi Tóc Lang	SV	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 22"	106° 20' 53"					F-48-33-D
xóm Bản Giảng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 08' 54"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 44' 08"	106° 09' 09"	22° 42' 48"	106° 10' 11"	F-48-33-C
hang Bó Hoi	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
hang Bó Tháy	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Dê Đơng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 08' 49"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
suối Hồng Minh	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 02"	106° 14' 48"	22° 38' 08"	106° 14' 30"	F-48-33-C
núi Khuổi Cây	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 27"	106° 15' 13"					F-48-33-D
núi Khuổi Gông	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 35' 41"	106° 15' 49"					F-48-33-D
xóm Khuổi Thân	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 34' 59"	106° 16' 01"					F-48-33-D
suối Khuổi Thân	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 34' 50"	106° 16' 33"	22° 35' 32"	106° 15' 09"	F-48-33-D
xóm Nà Đin	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 10"	106° 13' 13"					F-48-33-C
xóm Nà Mẩn	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 54"	106° 15' 34"					F-48-33-D
xóm Nà Mười - Khuổi Diến	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An							
xóm Nà Tổng	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 36' 32"	106° 13' 44"					F-48-33-C
xóm Pác Hào - Nà Pín	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 48"	106° 13' 24"					F-48-33-C
xóm Pác Khuổi	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 38' 34"	106° 14' 22"					F-48-33-C
khuau Quàn	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 36' 23"	106° 14' 19"					F-48-33-C
núi Táng Xã Nhặt	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 51"	106° 15' 53"					F-48-33-D
đường tỉnh 203	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 46' 58"	106° 06' 55"	22° 48' 47"	106° 06' 48"	F-48-33-A+21-C
núi Bản Chang	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 15"	106° 09' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Bò Bàng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 08' 12"					F-48-33-A+21-C
núi Chang Giang	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 41"	106° 10' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Lũng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 34"	106° 07' 37"					F-48-33-A+21-C
núi Đan Khao	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 36"	106° 08' 35"					F-48-33-A+21-C
núi Đan Khao	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 49' 20"	106° 09' 37"					F-48-33-A+21-C
xóm Đồng Hoan - Đồng An	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 58"	106° 09' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Đồng Láng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 51"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Hàng Hoá	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 42"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Lềm	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 45' 50"	106° 09' 41"					F-48-33-A+21-C
núi Lăng Rườn	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 58"	106° 07' 46"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
núi Lũng Cầm	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 46"	106° 08' 04"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Giàng	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 34"	106° 09' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ban - Pác Muồng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 46"	106° 09' 44"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Dân - Vò Khuốt	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 13"	106° 07' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Diều	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 15"	106° 08' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Hoài	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 45"	106° 09' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khả	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 50"	106° 08' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khao	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 36"	106° 07' 40"					F-48-33-A+21-C
sườn Nà Khao	TV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 31"	106° 06' 55"	22° 48' 57"	106° 07' 30"	F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ngòi - Chỗ Siêu	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 09' 02"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Quý	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 36"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Rị	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 24"	106° 06' 45"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Thương	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 59"	106° 06' 48"					F-48-33-A+21-C
hang Nghị Răng	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Hoài	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Mác Mên	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Pông	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
núi Pác Mỹ	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 58"	106° 08' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Pan	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 06"	106° 07' 44"					F-48-33-A+21-C
núi Rừng Răng	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 06"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Rong Nang	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 05"	106° 09' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Tàng Cái	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 32"	106° 06' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Văn Thu	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 49"	106° 09' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Vò Chang	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 01"	106° 09' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Vò Xá	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 47"	106° 09' 41"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 42' 26"	106° 19' 54"	22° 42' 26"	106° 15' 49"	
xóm Bàn Gùn	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 19"	106° 15' 48"					F-48-33-D
xóm Bàn Mập	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 28"	106° 14' 53"					F-48-33-D
xóm Bàn Phấy	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 10"	106° 14' 15"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Phèo	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 59"	106° 15' 59"					F-48-33-B
suối Gùn	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 41' 37"	106° 15' 38"	22° 41' 20"	106° 16' 15"	F-48-33-D
núi Kéo Tắt	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 46"	106° 14' 02"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Hân	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 41' 33"	106° 15' 51"					F-48-33-D
suối Khuổi Hân	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An							
xóm Khuổi Hoi	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 13' 34"					F-48-33-C
suối Khuổi Hoi	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 43' 57"	106° 13' 46"	22° 43' 23"	106° 13' 36"	F-48-33-C
xóm Khuổi Khoán	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 03"	106° 12' 50"					F-48-33-C
suối Khuổi Khoán	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 44' 49"	106° 14' 01"	22° 44' 25"	106° 13' 14"	F-48-33-C
xóm Khuổi Lừa	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 18"	106° 16' 48"					F-48-33-D
xóm Khuổi Quân	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 16' 20"					F-48-33-D
núi Lũng Chính	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 46' 45"	106° 16' 11"					F-48-33-B
xóm Lũng Gà	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 38"	106° 16' 15"					F-48-33-B
xóm Lũng Luống	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 27"	106° 16' 17"					F-48-33-B
xóm Lũng Nậm	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 42"	106° 16' 43"					F-48-33-D
xóm Nà Mẩn	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 27"	106° 15' 12"					F-48-33-D
xóm Nà Tú	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 04"	106° 14' 45"					F-48-33-C
cầu Nậm Pang	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 28"	106° 16' 49"					F-48-33-D
xóm Pác Bó	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 35"	106° 17' 29"					F-48-33-D
núi Sam Tăng	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 12' 58"					F-48-33-C
núi Thằng Kiều	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 46' 19"	106° 16' 18"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
trạm Thủy điện T8	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 41' 11"	106° 16' 33"					F-48-33-D
núi Vô Diêm	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 12"	106° 13' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Xã Lúa	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 24"	106° 16' 59"					F-48-33-B
quốc lộ 3	KX	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An			22° 43' 11"	106° 19' 54"	22° 42' 26"	106° 16' 49"	F-48-33-D
xóm An Lai	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 00"	106° 19' 34"					F-48-33-D
núi An Mạ	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 17' 42"					F-48-33-D
xóm Canh Biện A	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 47"	106° 18' 21"					F-48-33-D
xóm Canh Biện B	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 18' 31"					F-48-33-D
xóm Công An	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 44' 23"	106° 18' 43"					F-48-33-D
xóm Cúm Cuối	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 27"	106° 17' 42"					F-48-33-D
xóm Khau Chang	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 28"	106° 19' 34"					F-48-33-D
đèo Mã Phục	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 33"	106° 20' 06"					F-48-33-D
xóm Nà Danh	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 18"	106° 18' 59"					F-48-33-D
xóm Nặm Loát	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 25"	106° 18' 06"					F-48-33-D
xóm Thương Tả	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An							F-48-33-D
núi Thương Tả	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 47"	106° 17' 10"					F-48-33-D
Chính Nặm	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 08"	106° 17' 24"					F-48-33-D
xóm Cốc Phia	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 48"	106° 18' 31"					F-48-33-D
suối Cốc Tém	TV	xã Quang Trung	H. Hòa An			22° 38' 48"	106° 19' 36"	22° 38' 48"	106° 17' 56"	F-48-33-D
xóm Cóp Mỹ	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An							
xóm Đông Sáng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 26"	106° 19' 04"					F-48-33-D
núi Giã Vuông	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 12"	106° 17' 38"					F-48-33-D
suối Gùn	TV	xã Quang Trung	H. Hòa An			22° 41' 20"	106° 16' 15"	22° 42' 25"	106° 16' 46"	F-48-33-D
núi Kê Tái	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 04"	106° 18' 22"					F-48-33-D
xóm Khau Súng - Khuổi Bắc	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 57"	106° 17' 32"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Khuổi Khoang	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 22"	106° 17' 55"					F-48-33-D
Lũng Pán	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 39"	106° 18' 35"					F-48-33-D
núi Lũng Thau	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 24"	106° 19' 10"					F-48-33-D
núi Lũng Vai	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 19"	106° 17' 44"					F-48-33-D
Nà Cà	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 47"	106° 17' 08"					F-48-33-D
Nà Phông	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 35"	106° 17' 00"					F-48-33-D
xóm Pán Káng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 52"	106° 17' 13"					F-48-33-D
xóm Phan Thanh	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 03"	106° 19' 07"					F-48-33-D
núi Pí Ta	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 12"	106° 18' 49"					F-48-33-D
thủy điện Suối Cùn	KX	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 11"	106° 11' 33"					F-48-33-C
núi Vô Nhật	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 03"	106° 17' 22"					F-48-33-D
xóm Bàn Cải	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 35"	106° 20' 41"					F-48-33-D
xóm Bàn Đơ (Bản Đầu)	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 48"	106° 20' 40"					F-48-33-D
xóm Bô Mu	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 00"	106° 18' 34"					F-48-33-D
xóm Cốc Chia	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 35"	106° 19' 51"					F-48-33-D
xóm Cốc Phát	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 53"	106° 19' 41"					F-48-33-D
xóm Cốc Phụng	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 12"	106° 20' 53"					F-48-33-D
núi Dạy Mả	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 20' 06"					F-48-33-D
xóm Lũng Cút	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 49"	106° 20' 16"					F-48-33-D
núi Lũng Đồi	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 05"	106° 19' 36"					F-48-33-D
xóm Lũng Mạ	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 17"	106° 20' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Nà	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 15"	106° 20' 16"					F-48-33-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 38' 00"	106° 21' 27"					F-48-33-D
núi Lũng Sào	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 41"	106° 19' 13"					F-48-33-D
núi Lũng Xe	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 38' 56"	106° 21' 23"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	Vĩ độ (⁰⁰ , phút, giây)	Kinh độ (⁰⁰ , phút, giây)	
xóm Pàn Mỏ	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 38' 45"	106° 21' 05"					F-48-33-D
xóm Thuja Tổng	DC	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 41' 59"	106° 19' 01"					F-48-33-D
núi Tinh Rào	SV	xã Trưng Vương	H. Hòa An	22° 40' 35"	106° 20' 12"					F-48-33-D
xóm Bần Chang	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 40"	106° 03' 29"					F-48-33-C
sông Dê Rào	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 44' 43"	106° 02' 17"	22° 43' 30"	106° 06' 06"	F-48-33-C
Nhà máy Điện Nà Ngàn	KK	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 06"	106° 02' 54"					F-48-33-C
xóm Giang Lâm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 45' 07"	106° 02' 52"					F-48-33-A+21-C
xóm Gù	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 26"	106° 03' 37"					F-48-33-C
núi Kéo Nhặng	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 13"	106° 02' 13"					F-48-33-C
núi Kéo Quảng	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 50"	106° 04' 30"					F-48-33-C
xóm Kéo Tầm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 44"	106° 02' 26"					F-48-33-C
núi Khuổi Ô	SV	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 41' 46"	106° 03' 56"					F-48-33-C
sườn Khuổi Tầm	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 42' 40"	106° 04' 17"	22° 43' 15"	106° 03' 26"	F-48-33-C
Lũng Lừa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 41' 44"	106° 03' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Mừa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 05"	106° 03' 37"					F-48-33-C
xóm Nà Ngàn	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 17"	106° 04' 02"					F-48-33-C
Nà Pải	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 52"	106° 03' 28"					F-48-33-C
xóm Nà Quang	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 03' 58"					F-48-33-C
xóm Nà Quang - Sam Luông	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 44"	106° 03' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Quang - Tổng Hoàng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 04' 02"					F-48-33-C
xóm Nà Quang - Tổng Phảy	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 20"	106° 03' 37"					F-48-33-C
Nà Ràng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 01"	106° 04' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Thấm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 03' 12"					F-48-33-C
sông Nguyên Bình	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 41' 45"	106° 02' 51"	22° 44' 33"	106° 03' 38"	F-48-33-C
Phắc Phèo	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 04"	106° 04' 47"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
Phía Sura	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 38"	106° 03' 33"					F-48-33-C
xóm Sam Luông	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 55"	106° 04' 02"					F-48-33-C
xóm Sĩ Liêng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 12"	106° 03' 28"					F-48-33-C
Thôn Phong	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 56"	106° 03' 31"					F-48-33-C
xóm Viêng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 01"	106° 03' 28"					F-48-33-C
tổ 1	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
tổ 2	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
tổ 5	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 07"	105° 57' 16"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình			22° 38' 53"	105° 58' 54"	22° 39' 17"	105° 58' 52"	F-48-32-D
xóm Bản Luộc	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 49"	105° 58' 59"					F-48-32-D
Cấp Cỏ	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 40' 40"	105° 57' 43"					F-48-32-D
xóm Cốc Tầm	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 40' 00"	105° 58' 08"					F-48-32-D
xóm Khuổi Bó	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 23"	105° 57' 53"					F-48-32-D
xóm Nà Bon	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 22"	105° 57' 12"					F-48-32-D
xóm Nà Con	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	105° 58' 30"					F-48-32-D
xóm Nà Kéo	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	106° 59' 14"					F-48-32-D
Nà Phiang	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 16"	105° 59' 07"					F-48-32-D
xóm Pác Mần Ngoài	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 30"	105° 58' 34"					F-48-32-D
xóm Pác Mần Trong	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 34"	105° 58' 54"					F-48-32-D
tổ Tân Bình	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 38"	105° 57' 27"					F-48-32-D
xóm Thôn Sắn	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 24"	105° 57' 42"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình			22° 37' 44"	105° 54' 37"	22° 39' 24"	105° 50' 44"	F-48-32-D
xóm Hồng Hà	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 45"	105° 53' 48"					F-48-32-D
tổ Hồng Hữu	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 01"	105° 53' 15"					F-48-32-D
tổ Hồng Nhị	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 38"	105° 54' 02"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)		
tổ Hồng Trung	DC	TT, Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 43"	105° 53' 00"						F-48-32-D
bệnh viện Mỏ	KX	TT, Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 07"	105° 53' 14"						F-48-32-D
xóm Nậm Sláu	DC	TT, Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 25"	105° 51' 04"						F-48-32-D
đền Ông Búa	KX	TT, Tinh Túc	H. Nguyễn Bình								
Mỏ Thiếc Tinh Túc	KX	TT, Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 47"	105° 52' 20"						F-48-32-D
xóm Thôn Ô	DC	TT, Tinh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 17"	105° 54' 13"						F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình			22° 40' 15"	106° 04' 55"	22° 39' 40"	106° 02' 18"		F-48-33-C
xóm Bản Chang	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 42"	106° 04' 10"						F-48-33-C
xóm Bản Lính	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 52"	106° 04' 27"						F-48-33-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 29"	106° 03' 59"						F-48-33-C
xóm Đông Rẻo	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 44"	106° 04' 25"						F-48-33-C
xóm Khuổi Lầu	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình								
Lũng Dung	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 38"	106° 01' 55"						F-48-33-C
xóm Lũng Nậm	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình								
Lũng Răng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 17"	106° 03' 45"						F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	TV	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình			22° 39' 41"	106° 02' 17"	22° 41' 45"	106° 02' 51"		F-48-33-C
Tà Páng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 24"	106° 02' 40"						F-48-33-C
xóm Tà Sa	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 52"	106° 02' 53"						F-48-33-C
thủy điện Tà Sa	KX	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 53"	106° 02' 39"						F-48-33-C
quốc lộ 34	KX	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình			22° 42' 06"	105° 51' 42"	22° 40' 15"	106° 04' 55"		F-48-32-D
xóm Cao Lù	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 51"	106° 51' 16"						F-48-32-D
xóm Khuổi Mỹ	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 30"	105° 49' 28"						F-48-32-D
xóm Khuổi Ngọa	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 42"	105° 51' 18"						F-48-32-D
xóm Khuổi Trà	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 44' 12"	105° 47' 10"						F-48-32-D
xóm Khuổi Trà	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 00"	105° 47' 41"						F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi Ồn	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 44' 16"	105° 46' 16"					F-48-32-D
xóm Khuổi Vây	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 55"	105° 49' 13"					F-48-32-D
Kiểm Sang	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 40' 41"	105° 49' 30"					F-48-32-D
xóm Lũng Lý	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 50"	105° 51' 46"					F-48-32-D
Lũng Rằm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 44' 01"	105° 45' 18"					F-48-32-D
xóm Nà Đoong	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 30"	105° 45' 41"					F-48-32-D
xóm Nặm Dân	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 04"	105° 48' 30"					F-48-32-D
Nặm Hùm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 27"	105° 47' 15"					F-48-32-D
Nặm Hùm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 30"	105° 46' 51"					F-48-32-D
Nặm Khâm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 40"	105° 50' 26"					F-48-32-D
xóm Nặm Kim	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 42' 25"	105° 46' 15"					F-48-32-D
sông Neo	TV	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình			22° 42' 20"	106° 49' 12"	22° 44' 25"	106° 47' 44"	F-48-32-D
xóm Nộc Soa	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 39' 57"	105° 49' 39"					F-48-32-D
sườn Nộc Soa	TV	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình			22° 40' 54"	105° 49' 34"	22° 41' 27"	105° 49' 44"	F-48-32-D
xóm Phổng Páng	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình							
Tà Phình	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 43' 43"	105° 51' 06"					F-48-32-D
xóm Xà Páng	DC	xã Ca Thành	H. Nguyễn Bình	22° 41' 40"	105° 47' 40"					F-48-32-D
Bể Nước	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 33' 35"	106° 05' 29"					F-48-33-C
xóm Đồng Bao	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 37' 26"	106° 05' 17"					F-48-33-C
xóm Đồng Bon	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 36' 56"	106° 05' 49"					F-48-33-C
xóm Gầm Tem	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 37' 05"	105° 03' 39"					F-48-33-C
núi Hoàng Quang	SV	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 38' 57"	106° 03' 11"					F-48-33-C
xóm Khuổi Hoa	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 33' 12"	105° 05' 17"					F-48-33-C
Khuổi Lải	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 36' 09"	105° 03' 58"					F-48-33-C
Khuổi Mỏn	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 38' 20"	106° 03' 50"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Khuổi Phay	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 37' 15"	106° 04' 38"					F-48-33-C
Khuổi Tân	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 37' 40"	106° 04' 13"					F-48-33-C
Khuổi Thỏ	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 35' 28"	106° 05' 16"					F-48-33-C
xóm Nà Chấn	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình							
xóm Nà Đầu	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 36' 29"	106° 04' 58"					F-48-33-C
xóm Nà Ngần	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 36' 48"	106° 05' 29"					F-48-33-C
đồn Nà Ngần	KX	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình							F-48-32-C
xóm Phiêng Châu	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình							
núi Phiêng Châu	SV	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 33' 50"	106° 04' 56"					F-48-33-C
sông Tà Cây	TV	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình			22° 34' 15"	106° 03' 48"	22° 36' 22"	106° 04' 50"	F-48-33-C
xóm Thang Coóng	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình							
khuổi Thỏ	TV	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình			22° 36' 09"	106° 06' 12"	22° 36' 37"	106° 06' 07"	F-48-33-C
Trần Bàng	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyễn Bình	22° 35' 11"	106° 02' 50"					F-48-33-C
Khuổi Khim	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 32' 36"	105° 56' 06"					F-48-32-D
xóm Khuổi Lín	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 33' 17"	105° 59' 14"					F-48-32-D
xóm Khuổi Lương	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 32' 45"	105° 58' 09"					F-48-32-D
xóm Nà Lặng	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 33' 29"	105° 57' 40"					F-48-32-D
Nà Mía	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 34' 57"	105° 58' 44"					F-48-32-D
núi Nà Mía	SV	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 34' 57"	105° 58' 15"					F-48-32-D
xóm Nà Niếng	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 33' 17"	105° 58' 10"					F-48-32-D
xóm Róng Cùn	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 32' 46"	105° 56' 59"					F-48-32-D
xóm Thăm Coóc	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyễn Bình	22° 33' 55"	105° 55' 43"					F-48-32-D
Quốc lộ 34	KX	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình			22° 39' 36"	106° 08' 35"	22° 40' 15"	106° 04' 55"	F-48-33-C
Bó Pha	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 34"	106° 07' 53"					F-48-33-C
Đor Si	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 39"	106° 08' 27"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Kê Giã	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 27"	106° 05' 37"					F-48-33-C
xóm Kê Sy	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 50"	106° 06' 08"					F-48-33-C
khu Kê Sy	SV	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	106° 06' 19"					F-48-33-C
xóm Lũng Hinh	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 56"	106° 08' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Bao	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 40' 21"	106° 05' 12"					F-48-33-C
xóm Nà Leng	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 42"	106° 08' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Nội 1	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 38' 18"	106° 05' 38"					F-48-33-C
xóm Nà Nội 2	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 38' 47"	106° 04' 58"					F-48-33-C
Nà Nu	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 35"	106° 07' 26"					F-48-33-C
xóm Nà Pao	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 40' 00"	106° 07' 12"					F-48-33-C
xóm Nà Po	DC	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 40' 25"	106° 06' 50"					F-48-33-C
núi Pù Nạn	SV	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 06"	106° 07' 22"					F-48-33-C
núi Quang	SV	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 39' 42"	106° 07' 17"					F-48-33-C
khu Tu Lúm	SV	xã Lang Môn	H. Nguyễn Bình	22° 38' 12"	106° 06' 32"					F-48-33-C
xóm Bân Chang	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 38' 30"	105° 46' 26"					F-48-32-D
xóm Bô Cạn	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 39' 22"	105° 47' 58"					F-48-32-D
xóm Cốc Cai	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 39' 29"	105° 45' 14"					F-48-32-D
xóm Cốc Mía	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 38' 39"	105° 45' 47"					F-48-32-D
xóm Cốc Mòn	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 41' 13"	105° 46' 50"					F-48-32-D
xóm Khuổi Hẩu	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 39' 53"	105° 46' 56"					F-48-32-D
xóm Khuổi Phung	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình							F-48-32-C
sườn Khuổi Rja	TV	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình			22° 38' 29"	105° 44' 58"	22° 37' 38"	105° 44' 18"	F-48-32-C
xóm Lũng Páp	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 37' 16"	105° 45' 18"					F-48-32-D
xóm Lũng Thích	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 37' 52"	105° 46' 54"					F-48-32-D
xóm Nà Lăm	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 38' 51"	105° 47' 01"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Ngủ	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 39' 03"	105° 45' 48"					F-48-32-D
xóm Pủ Mãng	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình							F-48-32-C
xóm Sáng Lìn	DC	xã Mai Long	H. Nguyễn Bình	22° 38' 45"	105° 48' 20"					F-48-32-D
xóm Bản Cỏi - Kéo Gạm	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 40' 55"	106° 06' 23"					F-48-33-C
xóm Bản Deng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 42"	106° 05' 13"					F-48-33-C
xóm Đồn Cầu	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 06"	106° 05' 21"					F-48-33-C
xóm Đồng Chang	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 19"	106° 05' 39"					F-48-33-C
xóm Đồng Chiêm	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 05"	106° 06' 07"					F-48-33-C
xóm Gỏi Gà	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 17"	106° 05' 07"					F-48-33-C
hang Kéo Quăng	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình							F-48-33-C
xóm Khuổi Páng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 24"	106° 07' 11"					F-48-33-C
xóm Khuổi Nộc	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 49"	106° 05' 56"					F-48-33-C
xóm Lũng Chang	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 26"	106° 04' 46"					F-48-33-C
xóm Lũng Duộc	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 42"	106° 04' 46"					F-48-33-C
hang Lũng Tân	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình							F-48-33-C
xóm Nà Ca	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 40' 56"	106° 05' 16"					F-48-33-C
xóm Nà Lặng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 50"	106° 06' 57"					F-48-33-C
xóm Nà Ngỏ	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 36"	106° 06' 30"					F-48-33-C
DTLS Nền nhà ông Dương Mạc Thạch	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình							F-48-33-C
xóm Nóc Mò	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình							
xóm Pác Phai	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 27"	106° 05' 32"					F-48-33-C
xóm Phẳng Sa	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 42' 25"	106° 05' 46"					F-48-33-C
xóm Rông Mươi	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 40' 45"	106° 05' 46"					F-48-33-C
xóm Thềm Phất	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 40' 59"	106° 05' 30"					F-48-33-C
Tứ	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyễn Bình	22° 41' 13"	106° 06' 17"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
quốc lộ 34	KX	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình			22° 39' 40"	106° 02' 18"	22° 38' 53"	105° 58' 54"	F-48-33-C-32-D
xóm Bần Hồ	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 09"	106° 00' 36"					F-48-33-C
Bồ Ca	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 29"	105° 59' 38"					F-48-32-D
Bồ Vải	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 04"	105° 59' 16"					F-48-32-D
xóm Cỏ Ba	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 49"	106° 01' 39"					F-48-33-C
xóm Nhà Khoang	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 31"	106° 00' 31"					F-48-33-C
xóm Nhà Luộc	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	106° 01' 00"					F-48-33-C
xóm Nhà Rỗng	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 01"	106° 01' 50"					F-48-33-C
xóm Nhà Tổng	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 26"	106° 01' 51"					F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	TV	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình			22° 39' 16"	106° 00' 24"	22° 39' 41"	106° 02' 17"	F-48-33-C
hàng Thẩm Luông	KX	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình							F-48-33-C
xóm Tổng Say	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 41"	106° 01' 15"					F-48-33-C
xóm Vũ Ngưng	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 39' 37"	106° 00' 02"					F-48-33-C
núi Pia Nón	SV	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 36' 22"	106° 47' 00"					F-48-32-D
xóm Bần Chiểu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 35' 08"	106° 49' 48"					F-48-32-D
xóm Bình Đường	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 37' 20"	106° 49' 52"					F-48-32-D
núi Cà Thong	SV	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 35' 56"	106° 46' 40"					F-48-32-D
xóm Cánh Cam	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
Cánh Lò	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 35' 55"	106° 45' 22"					F-48-32-D
xóm Lũng Chủ	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 34' 44"	106° 47' 49"					F-48-32-D
xóm Nhà Mùng	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
xóm Nậm Sầu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 36' 01"	106° 49' 46"					F-48-32-D
sườn Nặng	TV	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình			22° 31' 37"	106° 47' 59"	22° 36' 02"	106° 44' 44"	F-48-32-D
sông Pắc Phán	TV	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình			22° 34' 21"	106° 48' 35"	22° 33' 09"	106° 47' 01"	F-48-32-D
Pắc Phán	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 33' 30"	106° 47' 23"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Phụng Lầu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
Phụng Hó	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 37' 36"	105° 48' 19"					F-48-32-D
xóm Phụng Liáng (Phụng Lang)	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
Sào Lãng	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 38' 17"	105° 50' 09"					F-48-32-D
Tầm Bấu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 36' 39"	105° 47' 50"					F-48-32-D
xóm Tổng Sinh	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyễn Bình	22° 35' 38"	105° 50' 58"					F-48-32-D
đường tỉnh 212	KX	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình			22° 37' 44"	105° 54' 37"	22° 36' 17"	105° 53' 03"	F-48-32-D
xóm Nà Hầy	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 27"	105° 58' 13"					F-48-32-D
Ca Chắp	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 43"	105° 58' 44"					F-48-32-D
Canh Hội	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 12"	105° 57' 51"					F-48-32-D
đèo Cò Lư A	SV	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 17"	10° 53' 03"					F-48-32-D
xóm Cốc Bó	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 24"	105° 54' 00"					F-48-32-D
xóm Giã Giã	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 49"	105° 57' 31"					F-48-32-D
xóm Khuổi Xá	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 23"	105° 57' 01"					F-48-32-D
xóm Lũng Mười	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 46"	105° 54' 41"					F-48-32-D
Nà Khuổi	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 39"	105° 59' 06"					F-48-32-D
xóm Nà Lãng	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 56"	105° 55' 33"					F-48-32-D
xóm Nà Lừa	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 29"	105° 58' 47"					F-48-32-D
xóm Nà Lũng		xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình							
núi Nà Nỉ	SV	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 37' 02"	105° 51' 52"					F-48-32-D
Nà Pén	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 43"	105° 58' 41"					F-48-32-D
xóm Nà Púng	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 36"	105° 56' 44"					F-48-32-D
xóm Pác Tháy	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 52"	105° 56' 52"					F-48-32-D
xóm Thâm Ca	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 36' 08"	105° 58' 35"					F-48-32-D
xóm Vải Khao	DC	xã Quang Thành	H. Nguyễn Bình	22° 35' 33"	105° 55' 22"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
khuổi Riền	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 35' 07"	106° 02' 19"	22° 36' 27"	106° 03' 22"	F-48-33-C
An Mã	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 39"	106° 02' 31"					F-48-33-C
sông Bán Đông	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 34' 52"	105° 59' 58"	22° 34' 20"	105° 59' 00"	F-48-32-D
xóm Bán Uim	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 35' 05"	106° 00' 37"					F-48-33-C
Bồ Âm	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 34"	105° 59' 41"					F-48-32-D
Cốc Thỏ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 37' 21"	105° 59' 21"					F-48-32-D
xóm Dồn Dừ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 38' 01"	105° 58' 36"					F-48-32-D
sông Hiến	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 13"	106° 01' 04"	22° 36' 27"	106° 03' 22"	F-48-33-C
Khau Đình	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 35' 19"	105° 58' 45"					F-48-32-D
DTLS Khu rừng Trần Hưng Đạo	KX	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 35' 33"	106° 00' 53"					F-48-33-C
xóm Nà An	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình							
xóm Nà Dừ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 19"	106° 01' 53"					F-48-33-C
Nà Háng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 08"	106° 01' 14"					F-48-33-C
xóm Nà Hoàng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 47"	106° 01' 52"					F-48-33-C
Nà Lũng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 06"	105° 59' 12"					F-48-32-D
xóm Nà Mạ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình							
sông Nà Mạ	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 36' 56"	106° 00' 03"	22° 36' 13"	106° 01' 04"	F-48-33-C
xóm Nà Múc	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 56"	106° 00' 17"					F-48-33-C
xóm Nà Sang	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 35' 22"	106° 01' 51"					F-48-33-C
xóm Nà Vạ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 21"	106° 01' 39"					F-48-33-C
Nà Viêng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 36"	106° 01' 55"					F-48-33-C
sông Nhiên	TV	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình			22° 34' 52"	105° 59' 58"	22° 35' 25"	106° 00' 50"	F-48-33-C
Pác Cáp	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 03"	105° 00' 52"					F-48-33-C
xóm Pác Dải	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 35' 31"	106° 00' 13"					F-48-33-C
Pác Nát	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 51"	10° 60' 10"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
xóm Phai Khắt	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 26"	106° 00' 56"					F-48-33-C
đồn Phai Khắt	KX	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình							F-48-33-C
xóm Pù Mìn	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 52"	106° 02' 43"					F-48-33-C
xóm Tát Càng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 37' 39"	105° 59' 15"					F-48-32-D
Thôn Hìn	DC	xã Tam Kim	H. Nguyễn Bình	22° 36' 03"	106° 00' 21"					F-48-33-C
xóm Bản Chang	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 42' 28"	106° 00' 28"					F-48-33-C
Bồ Kim	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 47"	106° 00' 47"					F-48-33-C
xóm Cốc Càng	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 41' 53"	106° 00' 02"					F-48-33-C
núi Kéo Lũng Tan	SV	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 54"	106° 00' 27"					F-48-33-C
xóm Lăng Phụng	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 27"	106° 00' 13"					F-48-33-C
xóm Lăng An	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 41' 23"	106° 00' 44"					F-48-33-C
xóm Lũng Chang	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 39' 50"	105° 59' 29"					F-48-32-D
Lũng Dung	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình							
xóm Lũng In	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình							
Lũng Kằng	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình							
xóm Lũng Pán	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 54"	106° 01' 37"					F-48-33-C
xóm Lũng Rào	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 46"	105° 59' 38"					F-48-32-D
xóm Lũng Vải	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình							
núi Lũng Vện	SV	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 42' 47"	106° 00' 33"					F-48-33-C
Nậm Thong	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 41' 36"	105° 58' 12"					F-48-32-D
xóm Pác Tu	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình							
xóm Quang Đầu	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 42"	105° 58' 43"					F-48-32-D
xóm Quang Nọc	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình	22° 40' 10"	105° 58' 53"					F-48-32-D
xóm Trông Chính	DC	xã Thái Học	H. Nguyễn Bình							
đường tỉnh 212	KX	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình			22° 36' 17"	105° 53' 03"	22° 36' 17"	105° 48' 42"	F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bản Sẻ	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 34' 21"	105° 54' 26"					F-48-32-D
núi Phia Đén	SV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 33' 49"	105° 52' 14"					F-48-32-D
xóm Bản Chang	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 48"	105° 53' 20"					F-48-32-D
xóm Bản Đồng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình							
suối Bản Đồng	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 31' 39"	105° 51' 37"	22° 31' 39"	105° 53' 22"	F-48-32-D
suối Bản Sẻ	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 32' 29"	105° 54' 56"	22° 34' 28"	105° 54' 55"	F-48-32-D
xóm Cốc Phường	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 46"	105° 52' 06"					F-48-32-D
Đồi Thông	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 34' 41"	105° 52' 10"					F-48-32-D
suối Khau Căng	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 34' 36"	105° 53' 13"	22° 32' 57"	105° 53' 41"	F-48-32-D
xóm Khau Găng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 32' 40"	105° 54' 06"					F-48-32-D
xóm Khau Vải	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 28"	105° 52' 40"					F-48-32-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 34' 05"	105° 50' 21"					F-48-32-D
xóm Nà Bản	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 32' 24"	105° 50' 05"					F-48-32-D
Nà Ngam	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 58"	105° 49' 11"					F-48-32-D
xóm Nà Rêu	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 33' 13"	105° 54' 16"					F-48-32-D
xóm Nà Vải	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 32"	105° 50' 07"					F-48-32-D
Nậm Dân	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 21"	105° 55' 06"					F-48-32-D
suối Nậm Dân	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 30' 14"	105° 54' 07"	22° 31' 53"	105° 54' 39"	F-48-32-D
xóm Nậm Phổng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình							
Nậm Tổng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 32' 47"	105° 51' 17"					F-48-32-D
xóm Nhả Máng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình							
nặng Pác Khuổi Lò	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 33' 39"	105° 50' 43"	22° 31' 28"	105° 48' 09"	F-48-32-D
núi Phia Chao	SV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 34' 17"	105° 50' 43"					F-48-32-D
xóm Phia Đén	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 33' 59"	105° 52' 09"					F-48-32-D
núi Phia Thân	SV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 29' 55"	105° 54' 15"					F-48-44-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
Phường Phát	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình	22° 32' 08"	10° 55' 23"					F-48-32-D
xóm Pù Vải	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình							
xóm Tát Sầm	DC	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình							
nằm Tổng	TV	xã Thành Công	H. Nguyễn Bình			22° 32' 36"	105° 52' 17"	22° 33' 08"	105° 50' 18"	F-48-32-D
xóm Bản Nùng 1	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
xóm Bản Nùng 2	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
núi Cối Mí	SV	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 39' 00"	105° 56' 19"					F-48-32-D
núi Khuổi Ấu	SV	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 41' 18"	105° 55' 17"					F-48-32-D
Khuổi Ngo	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 40' 11"	105° 56' 38"					F-48-32-D
xóm Lũng Nội	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình							
xóm Nà Biếc	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 40' 02"	105° 54' 55"					F-48-32-D
Nằm Ủn	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 39' 13"	105° 55' 34"					F-48-32-D
xóm Pác Bò	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 39' 02"	105° 55' 24"					F-48-32-D
Phía Nội	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 40' 38"	105° 56' 54"					F-48-32-D
xóm Phía Tộc	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 38' 30"	105° 55' 09"					F-48-32-D
núi Sam Kha	SV	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 42' 08"	105° 56' 36"					F-48-32-D
Tắc Ngò	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 41' 15"	105° 56' 01"					F-48-32-D
Tổng Đò (Tổng Đầu)	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 40' 03"	105° 55' 54"					F-48-32-D
xóm Tổng Ngà	DC	xã Thới Đức	H. Nguyễn Bình	22° 40' 09"	105° 55' 25"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình			22° 35' 20"	106° 09' 00"	22° 33' 52"	106° 06' 24"	F-48-33-C
Khuổi Bon	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 35' 20"	106° 08' 56"					F-48-33-C
xóm Khuổi Deng	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 30' 52"	106° 06' 50"					F-48-33-C
Khuổi Địa	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 31' 27"	106° 06' 16"					F-48-33-C
xóm Khuổi Pát	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 33' 33"	106° 07' 34"					F-48-33-C
xóm Khuổi Thín	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyễn Bình	22° 33' 29"	106° 06' 04"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
Khuổi Xóm	DC	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 34' 57"	108° 07' 13"					F-48-33-C
núi Lũng Lính	SV	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 32' 11"	108° 08' 00"					F-48-33-C
Nà Lung	DC	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 32' 22"	108° 07' 28"					F-48-33-C
Nà Pò	DC	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 32' 48"	106° 08' 51"					F-48-33-C
xóm Sẻ Pẩn	DC	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 34' 23"	106° 08' 26"					F-48-33-C
núi Thảm Đán	SV	xã Thịnh Vương	H. Nguyễn Bình	22° 32' 19"	108° 09' 19"					F-48-33-C
xóm Cầm Ngọa	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 41' 48"	105° 55' 43"					F-48-32-D
xóm Đán Khao	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình							
xóm Khau Khắc	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 43' 54"	105° 54' 55"					F-48-32-D
xóm Khau Khít	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 43' 09"	105° 54' 25"					F-48-32-D
xóm Khau Vai	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 43' 01"	105° 54' 04"					F-48-32-D
xóm Khuổi Tông	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 41' 16"	105° 54' 38"					F-48-32-D
Khuổi Vây	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 41' 53"	105° 54' 26"					F-48-32-D
xóm Lũng Rọc	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 44' 27"	105° 54' 13"					F-48-32-D
xóm Nặm Rằng	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình							
xóm Pắc Tháy	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 42' 27"	105° 54' 53"					F-48-32-D
núi Pha Giàn	SV	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 42' 51"	105° 56' 23"					F-48-32-D
xóm Thín Pẩn	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyễn Bình	22° 44' 25"	105° 55' 11"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình			22° 40' 15"	105° 51' 23"	22° 42' 06"	106° 51' 42"	F-48-32-D
Bảng Nưa	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 41' 00"	105° 53' 54"					F-48-32-D
xóm Lũng Bảng	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình							
Lũng Cóp	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 41' 21"	105° 53' 30"					F-48-32-D
xóm Lũng Khoen	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 39' 46"	105° 53' 33"					F-48-32-D
Lũng Kim	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 40' 22"	105° 54' 16"					F-48-32-D
xóm Lũng Luông	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyễn Bình	22° 41' 42"	105° 51' 33"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Nặm	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình	22° 39' 45"	105° 54' 15"					F-48-32-D
xóm Lũng Nội	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình	22° 40' 10"	105° 50' 49"					F-48-32-D
xóm Lũng Thân	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình	22° 40' 38"	105° 52' 23"					F-48-32-D
Nậm Pha Nưa	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình	22° 40' 28"	105° 53' 27"					F-48-32-D
xóm Po Cỏp	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình							
xóm Thín San	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình	22° 41' 12"	105° 52' 22"					F-48-32-D
Tý Hạ	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình	22° 39' 51"	105° 53' 15"					F-48-32-D
Tý Thượng	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình	22° 40' 03"	105° 53' 03"					F-48-32-D
xóm Xi Thầu	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình							
xóm Xiến Piông	DC	xã Vũ Nồng	H. Nguyễn Bình							
quốc lộ 34	HX	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình			22° 40' 00"	105° 50' 50"	22° 42' 08"	106° 51' 42"	F-48-32-B+20-D; F-48-32-D
núi Bọ Kie	SV	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 44' 28"	105° 50' 49"					F-48-32-D
Chấp Thái	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 46' 24"	105° 51' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Chi Bồi	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 44' 46"	105° 51' 49"					F-48-32-D
xóm Khuổi Cáp	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình							
xóm Khuổi Lũng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 44' 32"	105° 49' 27"					F-48-32-D
Lũng Lếch	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 45' 05"	105° 50' 49"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Ôt	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình							
xóm Lũng Súng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 44' 40"	105° 50' 06"					F-48-32-D
Lũng Un	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 45' 14"	105° 51' 30"					F-48-32-B+20-D
xóm Nậm Láng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình							
Nậm Puôm	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 48' 44"	105° 49' 47"					F-48-32-B+20-D
Nậm Răng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 45' 19"	105° 53' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Tân Pà	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 45' 59"	105° 50' 32"					F-48-32-B+20-D
Tham Han	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyễn Bình	22° 47' 39"	105° 50' 38"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa			22° 30' 05"	106° 33' 31"	22° 33' 25"	106° 29' 19"	F-48-33-D
phố Phúc Hoà 1	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa							F-48-34-C+D
xóm Bần Châm	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 33' 10"	106° 29' 43"					F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa			22° 32' 49"	106° 29' 29"	22° 29' 35"	106° 32' 54"	F-48-34-C+D; F-48-33-D;
xóm Bó Chiềng	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 31' 19"	106° 32' 53"					F-48-34-C+D
xóm Bó Đa	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa							
xóm Bó Khoang	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 32' 56"	106° 30' 25"					F-48-34-C+D
núi Bó Kim	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 31' 34"	106° 31' 53"					F-48-34-C+D
xóm Bó Pu	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa							
xóm Bó Tô	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 30' 55"	106° 31' 58"					F-48-34-C+D
núi Bó Xăng	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 32' 46"	106° 31' 08"					F-48-34-C+D
xóm Cãi	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 30' 49"	106° 33' 11"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Khau	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 30' 04"	106° 32' 31"					F-48-34-C+D
núi Khung Giáo	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 32' 22"	106° 31' 29"					F-48-34-C+D
sườn Khuổi Lầu	TV	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa			22° 31' 22"	106° 32' 17"	22° 31' 17"	106° 31' 24"	F-48-34-C+D
núi Lũng Luông	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 31' 46"	106° 31' 51"					F-48-34-C+D
xóm Nà Mười	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 31' 00"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
xóm Nà Rài	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 32' 22"	106° 29' 58"					F-48-34-C+D
Nà Rằng	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 32' 37"	106° 30' 31"					F-48-34-C+D
xóm Nà Seo	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 32' 39"	106° 30' 06"					F-48-34-C+D
xóm Pác Bó 1	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa							F-48-34-C+D
xóm Pác Bó 2	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa							F-48-34-C+D
xóm Pác Tô	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 31' 46"	106° 31' 20"					F-48-34-C+D
núi Pịa Cây	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 30' 34"	106° 34' 26"					F-48-34-C+D
núi Pịa Khao	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phúc Hòa	22° 31' 08"	106° 32' 07"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Phia Xếp	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 29"	106° 32' 53"					F-48-34-C+D
Phục Hòa		TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							F-48-33-D
phố Phục Hoà 2	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
Pô Pét	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 00"	106° 33' 21"					F-48-34-C+D
xóm Pô Rịn	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 07"	106° 30' 20"					F-48-34-C+D
quốc lộ 3	KK	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa			22° 28' 28"	106° 34' 41"	22° 30' 05"	106° 33' 31"	F-48-46-A; F-48-34-C+D
sông Bằng Giang	TV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa			22° 30' 13"	106° 34' 45"	22° 28' 12"	106° 34' 34"	F-48-46-A; F-48-34-C+D
xóm Bó Pét	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa							
xóm Bó Pú	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 30' 02"	106° 34' 12"					F-48-34-C+D
xóm Đoòng Lằng	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 55"	106° 33' 54"					F-48-46-A
Nhà máy Đường Phục Hòa	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 32"	106° 33' 10"					F-48-46-A
xóm Hưng Long	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 29"	106° 34' 12"					F-48-46-A
núi Kỳ Lân	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 48"	106° 34' 43"					F-48-46-A
xóm Pác Phắc	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 26"	106° 33' 09"					F-48-46-A
núi Phia Cây	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 30' 16"	106° 34' 08"					F-48-34-C+D
xóm Phia Khoang	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 08"	106° 34' 39"					F-48-46-A
xóm Pô Táp	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 40"	106° 34' 35"					F-48-46-A
cửa khẩu Tà Lùng	KK	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 26"	106° 34' 41"					F-48-46-A
cầu Thủy Khẩu	KK	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 26"	106° 34' 41"					F-48-46-A
sông Bắc Vọng	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 35' 50"	106° 35' 55"	22° 36' 34"	106° 33' 03"	F-48-34-C+D
xóm Bản Mến	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 33' 55"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
xóm Bản Mỏ	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 06"	106° 32' 11"					F-48-34-C+D
xóm Bản Riềng Dưới	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 44"	106° 33' 37"					F-48-34-C+D
xóm Bản Riềng Trên	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 26"	106° 33' 50"					F-48-34-C+D
xóm Bó An	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 33' 47"	106° 32' 26"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bồ Đà	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 34' 27"	106° 32' 39"					F-48-34-C+D
núi Cách Linh	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 35' 02"	106° 31' 17"					F-48-34-C+D
xóm Cách Linh 1	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa							F-48-34-C+D
xóm Cách Linh 2	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa							F-48-34-C+D
núi Chọc Rầy	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 34' 36"	106° 31' 57"					F-48-34-C+D
núi Chọc Sước	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 34' 55"	106° 35' 41"					F-48-34-C+D
núi Cốc Săng	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 33' 55"	106° 32' 44"					F-48-34-C+D
núi Đồng Âm	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 34' 15"	106° 35' 37"					F-48-34-C+D
xóm Đồng Chiêu	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 34' 28"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
dãy núi Khau Luông	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 35' 01"	106° 32' 46"					F-48-34-C+D
xóm Khưa Đa	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa							
sườn Khuổi Lầu	TV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa			22° 34' 42"	106° 32' 32"	22° 33' 34"	106° 32' 20"	F-48-34-C+D
xóm Khuổi Luông	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa							
sườn Khuổi Luông	TV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa			22° 35' 08"	106° 33' 58"	22° 35' 32"	106° 34' 15"	F-48-34-C+D
xóm Khuổi Piao	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 35' 15"	106° 35' 43"					F-48-34-C+D
xóm Khuổi Xám	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 35' 04"	106° 35' 09"					F-48-34-C+D
sườn Khuổi Xám	TV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa			22° 35' 02"	106° 34' 13"	22° 35' 41"	106° 34' 26"	F-48-34-C+D
núi Lũng Hoài	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 35' 15"	106° 33' 06"					F-48-34-C+D
xóm Làng Hoài Nọc	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 35' 42"	106° 31' 54"					F-48-34-C+D
núi Lũng Cẩn	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 34' 01"	106° 33' 41"					F-48-34-C+D
Lũng Hoài	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 34' 32"	106° 35' 14"					F-48-34-C+D
núi Lũng Phẳng	SV	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 34' 01"	106° 33' 01"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Thịnh	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa							
xóm Lũng Vải	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa							
xóm Nọc Tổng	DC	xã Cách Linh	H. Phước Hòa	22° 36' 03"	106° 31' 22"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Pô	DC	xã Cách Linh	H. Phúc Hòa	22° 34' 35"	106° 33' 01"					F-48-34-C+D
suối Pô Tăng	TV	xã Cách Linh	H. Phúc Hòa			22° 34' 14"	106° 33' 52"	22° 34' 40"	106° 33' 28"	F-48-34-C+D
núi Pô Tỷ Nặng	SV	xã Cách Linh	H. Phúc Hòa	22° 35' 04"	106° 33' 42"					F-48-34-C+D
suối Bắc Vọng	TV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa			22° 31' 03"	106° 34' 48"	22° 33' 50"	106° 36' 06"	F-48-34-C+D
xóm Bản Chang	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 34' 40"	106° 30' 19"					F-48-34-C+D
xóm Bản Chu	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa							
xóm Bản Mây	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 32' 24"	106° 34' 24"					F-48-34-C+D
xóm Bản Mới	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 32' 55"	106° 31' 59"					F-48-34-C+D
suối Bản Sắt	TV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa			22° 33' 37"	10° 63' 40"	22° 33' 08"	106° 34' 47"	F-48-34-C+D
xóm Bó Luông	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 31' 28"	106° 32' 41"					F-48-34-C+D
núi Bó Mẹ	SV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 32' 19"	106° 33' 07"					F-48-34-C+D
xóm Bó Nộc - Bó Tăng	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 33' 12"	106° 32' 46"					F-48-34-C+D
suối Bó Tăng	TV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa			22° 33' 29"	105° 32' 46"	22° 31' 56"	106° 33' 47"	F-48-34-C+D
xóm Cốc Khuyết	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 34' 18"	106° 30' 30"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Lũng	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa							
xóm Cốc Phường	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 31' 42"	106° 33' 59"					F-48-34-C+D
núi Cốc Phường	SV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 31' 31"	106° 33' 12"					F-48-34-C+D
núi Kéo Hích	SV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 32' 14"	106° 34' 52"					F-48-34-C+D
xóm Khổng Vắc - Rừng Keo	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 33' 30"	106° 32' 06"					F-48-34-C+D
xóm Khưa Ninh	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa							
suối Khuổi Lầu	TV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa			22° 32' 59"	106° 32' 11"	22° 31' 22"	106° 32' 17"	F-48-34-C+D
núi Lăng Rườn	SV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 33' 35"	106° 35' 17"					F-48-34-C+D
núi Lăng Cạn	SV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 33' 45"	106° 34' 37"					F-48-34-C+D
Lũng Lầu	DC	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 32' 32"	106° 33' 26"					F-48-34-C+D
núi Lũng Mây	SV	xã Đại Sơn	H. Phúc Hòa	22° 31' 39"	106° 34' 43"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Nâu	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 04"	106° 34' 07"					F-48-34-C+D
núi Lũng Nọi	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 26"	106° 34' 50"					F-48-34-C+D
núi Lũng Nưa	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 56"	106° 35' 37"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Om	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 17"	106° 34' 47"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Riêng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 28"	106° 33' 35"					F-48-34-C+D
núi Lũng Ruồm	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 30' 59"	106° 34' 30"					F-48-34-C+D
núi Lũng Tém	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 11"	106° 34' 15"					F-48-34-C+D
Lũng Thính	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 28"	106° 31' 21"					F-48-34-C+D
núi Lũng Vải	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 03"	106° 35' 00"					F-48-34-C+D
xóm Nà Chích	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 17"	106° 35' 33"					F-48-34-C+D
sườn Nà Niềng	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 33' 18"	106° 35' 02"	22° 33' 05"	106° 35' 23"	F-48-34-C+D
núi Ngườm Khơon	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 25"	106° 33' 56"					F-48-34-C+D
Pác Liềng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 55"	106° 35' 14"					F-48-34-C+D
núi Phia Đeng	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 47"	106° 33' 11"					F-48-34-C+D
núi Phia Lắc	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 46"	106° 33' 05"					F-48-34-C+D
núi Phia Lương	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 32' 30"					F-48-34-C+D
núi Ro Miềng	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 36"	106° 34' 17"					F-48-34-C+D
xóm Sắt Thương	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 05"	106° 34' 28"					F-48-34-C+D
xóm Thang Nà	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa							
đập Thũng Quý	KX	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 51"	106° 36' 06"					F-48-34-C+D
Bó Pha	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa							
xóm Bó Sắng	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 19"	106° 30' 30"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Chia	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa							
xóm Cốc Đưa	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 10"	106° 31' 16"					F-48-34-C+D
núi Ga Ma	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 47"	106° 32' 09"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
xóm Hương Ly	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 19"	106° 32' 01"					F-48-34-C+D
xóm Kéo Nạn	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 44"	106° 31' 20"					F-48-34-C+D
xóm Khưa Mạnh	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 17"	106° 31' 45"					F-48-34-C+D
núi Lũng Lạc	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 55"	106° 31' 20"					F-48-34-C+D
Lũng Liêng	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 03"	106° 30' 57"					F-48-34-C+D
Nà Nhục	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 45"	106° 31' 24"					F-48-34-C+D
xóm Nà Pải	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 46"	106° 31' 39"					F-48-34-C+D
xóm Nà Suối A	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
xóm Nà Suối B	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
núi Sà Lai	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 49"	106° 30' 39"					F-48-34-C+D
xóm Ta Lạc	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 07"	106° 31' 09"					F-48-34-C+D
xóm Thua Khua	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 01"	106° 31' 18"					F-48-34-C+D
quốc lộ 3	KX	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa			22° 33' 25"	106° 29' 19"	22° 35' 03"	106° 28' 24"	F-48-34-C+D; F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 56"	106° 28' 34"					F-48-33-D
xóm Bản Râm	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 32' 57"	106° 28' 59"					F-48-33-D
Sông Bằng Giang	TV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa							
xóm Búng Ô	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 28' 57"					F-48-33-D
núi Đồng Sung	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 46"	106° 27' 12"					F-48-33-D
đèo Khau Chĩa	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 37"	106° 28' 59"					F-48-33-D
núi Khau Chĩa	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 35"	106° 29' 14"					F-48-33-D
xóm Lũng Chĩa	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 46"	106° 29' 29"					F-48-33-D
xóm Lũng Cọ	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 47"	106° 28' 43"					F-48-33-D
xóm Nà Dạ	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 10"	106° 27' 46"					F-48-33-D
núi Phia Lương	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 33"	106° 27' 59"					F-48-33-D
sườn Sầm Xuyên	TV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa			22° 32' 49"	106° 29' 25"	22° 34' 41"	106° 27' 20"	F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	Vĩ độ (°00, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	Vĩ độ (°00, phút, giây)	Kinh độ (°00, phút, giây)	
đường tỉnh 208	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 31' 56"	106° 30' 31"	22° 30' 20"	106° 28' 24"	F-48-33-C; F-48-33-D
núi Ai Nhi	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 10"	106° 32' 02"					F-48-46-A
xóm Bản Đor (Bản Đầu)	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
sườn Bản Neng	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 30' 21"	106° 28' 25"	22° 31' 37"	106° 30' 40"	F-48-33-D; F-48-34-C+D
sườn Bản Phán	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 27' 58"	106° 31' 26"	22° 27' 29"	106° 32' 04"	F-48-46-A
sông Bằng Giang	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 32' 46"	106° 28' 43"	22° 28' 24"	106° 34' 17"	F-48-33-D; F-48-34-C+D;
xóm Bò Lếch	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 37"	106° 30' 53"					F-48-34-C+D
núi Hắc Luông	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 30' 46"	106° 30' 53"					F-48-34-C+D
núi Hắc Nhân	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 08"	106° 32' 30"					F-48-46-A
núi Khuổi Thôn	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 10"	106° 29' 11"					F-48-33-D
núi Kì Dếp	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 51"	106° 32' 15"					F-48-46-A
xóm Láng Bẩn	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
xóm Láp Phán	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 52"	106° 31' 57"					F-48-46-A
núi Lũng Om	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 22' 88"	106° 33' 29"					F-48-46-A
xóm Lũng Vải	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
núi Mã Lâm	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 35"	106° 32' 29"					F-48-46-A
núi Mã Quỳnh	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 44"	106° 32' 14"					F-48-46-A
xóm Mầu	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 56"	106° 33' 10"					F-48-46-A
Mỏi	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 59"	106° 31' 56"					F-48-34-C+D
xóm Nà Bó	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 25"	106° 30' 27"					F-48-34-C+D
xóm Nà Chảo	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
Nà Láp	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 59"	106° 32' 25"					F-48-46-A
xóm Nà Lếch	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
xóm Nà Phường	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
xóm Nà Quang	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 30' 04"	106° 31' 34"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
xóm Nà Rềng	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 31"	106° 32' 34"					F-48-46-A
xóm Nà Thăm	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 02"	106° 33' 40"					F-48-46-A
núi Nà Vén	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 14"	106° 31' 30"					F-48-46-A
Nậm Khao	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							F-48-33-C; F-48-33-D
xóm Nậm Tộc	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							F-48-33-C; F-48-33-D
Ngườm Lồm	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							F-48-33-C; F-48-33-D
núi Phơ Rượt	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 52"	106° 32' 49"					F-48-46-A
núi Phơ Luông	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 22"	106° 31' 46"					F-48-46-A
xóm Pò Hấu	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
núi Rừng Cài	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 16"	106° 31' 47"					F-48-46-A
xóm Tục Mỹ	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 34"	106° 30' 30"					F-48-34-C+D
xóm Ba Liên	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 29"	106° 26' 22"					F-48-33-D
xóm Bản Chộp	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 43"	106° 26' 06"					F-48-33-D
xóm Bản Ruồng	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 50"	106° 27' 03"					F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 33' 08"	106° 23' 49"	22° 32' 46"	106° 28' 42"	F-48-33-D
xóm Bình Lưu - Thắc Lao	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa							
núi Chư Giại	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 31"	106° 26' 59"					F-48-33-D
núi Cốc Đưa	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 43"	106° 28' 19"					F-48-33-D
suối Giưỡng	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 30' 32"	106° 27' 15"	22° 32' 40"	106° 26' 35"	F-48-33-D
xóm Khau Chẻ	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 18"	106° 23' 55"					F-48-33-D
suối Khuổi Ớn	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 30' 24"	106° 27' 44"	22° 32' 46"	106° 28' 43"	F-48-33-D
Lầu Nưa	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 25' 11"					F-48-33-D
Lầu Tầu	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 38"	106° 25' 31"					F-48-33-D
Nà Khao	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 52"	106° 28' 03"					F-48-33-D
xóm Nà Mươi	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 14"	106° 25' 59"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Nà Phia	DC	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 54"	106° 26' 27"					F-48-33-D
xóm Ngườm Cường	DC	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa							
xóm Nura Khau	DC	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 12"	106° 26' 50"					F-48-33-D
núi Pà Nốt	SV	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 14"	106° 26' 10"					F-48-33-D
xóm Pác Rắc - Lũng Liêng	DC	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 34' 07"	106° 26' 26"					F-48-33-D
xóm Pác Rằm	DC	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa							
núi Phia Giã	SV	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 52"	106° 26' 22"					F-48-33-D
núi Phia Khao	SV	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 30"	106° 26' 04"					F-48-33-D
núi Phia Sung	SV	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 59"	106° 26' 21"					F-48-33-D
xóm Phiêng Cơn - Hàng Mầu	DC	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 34' 01"	106° 26' 39"					F-48-33-D
núi Pò Mệt	SV	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 17"	106° 24' 25"					F-48-33-D
núi Pù Biều	SV	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 39"	106° 27' 18"					F-48-33-D
núi Rong Nọi	SV	xã Tiến Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 51"	106° 27' 10"					F-48-33-D
sông Bắc Vong	TV	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa			22° 40' 22"	106° 35' 04"	22° 35' 50"	106° 35' 55"	F-48-34-C+D
xóm Bàn Bường	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 37' 17"	106° 32' 48"					F-48-34-C+D
xóm Bàn Co	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 39' 11"	106° 35' 15"					F-48-34-C+D
xóm Bàn Sáng	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa							
Hoảng Xá	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa							
xóm Khún Hạ	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 38' 07"	106° 34' 19"					F-48-34-C+D
xóm Khún Thượng	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 37' 30"	106° 34' 50"					F-48-34-C+D
sườn Khuổi Kheng	TV	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa			22° 36' 52"	106° 34' 29"	22° 37' 40"	106° 33' 37"	F-48-34-C+D
xóm Khuổi Khương	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 37' 35"	106° 33' 42"					F-48-34-C+D
Khuổi Rung	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa							
núi Lũng Phia	SV	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 38' 17"	106° 32' 32"					F-48-34-C+D
Nà Khọt	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 38' 40"	106° 34' 26"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Loà	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 39' 39"	106° 35' 06"					F-48-34-C+D
Nà Pài	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 39' 28"	106° 35' 26"					F-48-34-C+D
xóm Nà Sao	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 37' 33"	106° 32' 37"					F-48-34-C+D
núi Pắc Mơ	SV	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 36' 25"	106° 35' 25"					F-48-34-C+D
xóm Phia Chiêu	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa							
xóm Roong Phàng	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa							
xóm Tha Màng	DC	xã Triệu Ấu	H. Phục Hòa	22° 37' 12"	106° 33' 07"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 205	KX	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên			22° 41' 53"	106° 26' 28"	22° 41' 24"	106° 26' 27"	F-48-33-D
miếu Bạch Linh	KX	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
Đầu Khung	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
tổ dân phố Đồng Thái	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 44"	106° 26' 36"					F-48-33-D
tổ dân phố Hòa Bình	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
tổ dân phố Hoà Nam	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 31"	106° 26' 20"					F-48-33-D
tổ dân phố Hòa Trung	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
tổ dân phố Hồng Thái	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
tổ dân phố Phố Cũ	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 48"	106° 26' 25"					F-48-33-D
tổ dân phố Phố Mới	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
sông Bắc Vọng	TV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên			22° 43' 50"	106° 28' 00"	22° 43' 00"	106° 28' 54"	F-48-33-D
xóm Bần Nưa	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 02"	106° 30' 57"					F-48-34-C+D
núi Bò Sằm	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 24"	106° 29' 38"					F-48-33-D
xóm Đầu Răng - Nà Đầu	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 42' 55"	106° 30' 29"					F-48-34-C+D
xóm Khung Lũng	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 11"	106° 29' 06"					F-48-33-D
núi Lũng Lạn	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 25"	106° 30' 11"					F-48-34-C+D
núi Nà	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 42' 52"	106° 29' 36"					F-48-33-D
xóm Nà Chá 1	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 33"	106° 28' 47"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Chá 2	DC	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên	22° 44' 16"	106° 28' 28"					F-48-33-D
xóm Nà Chá 3	DC	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên	22° 43' 39"	106° 28' 16"					F-48-33-D
xóm Nà Lãng 1	DC	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Nà Lãng 2	DC	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
núi Nhà Lãng	SV	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên	22° 43' 59"	106° 30' 18"					F-48-34-C+D
xóm Nưa Thôm	DC	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên	22° 43' 18"	106° 30' 27"					F-48-34-C+D
núi Pò Cây	SV	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên	22° 43' 54"	106° 28' 13"					F-48-33-D
xóm Sộc Lạn	DC	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên							
Thống Khuôn	DC	xã Bình Lãng	H. Quảng Uyên	22° 43' 13"	106° 30' 03"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên			22° 41' 08"	106° 30' 24"	22° 41' 51"	106° 34' 03"	F-48-34-C+D
xóm Bần Un	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 56"	106° 32' 29"					F-48-34-C+D
xóm Bần Vươn	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Bàng Hạ	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Bàng Trên	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
Cốc Cuối	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 16"	106° 33' 27"					F-48-34-C+D
xóm Hạng Châu	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Kéo Quán - Nặm Cáp	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 33' 32"					F-48-34-C+D
đèo Khau Mòn	SV	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 53"	106° 33' 38"					F-48-34-C+D
Lũng Guộc	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 39' 42"	106° 32' 30"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Hoài - Đổng Mỏ	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 09"	106° 30' 46"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Luông	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 35"	106° 33' 54"					F-48-34-C+D
Lũng Nọi	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 46"	106° 33' 28"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Ra	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 39' 49"	106° 33' 38"					F-48-34-C+D
Lũng Thân	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
núi Lũng Thang	SV	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 34"	106° 30' 14"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Lũng Vọng	SV	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 39' 10"	106° 33' 55"					F-48-34-C+D
sườn Luộc Cương	TV	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Nà Tấu	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 26"	106° 30' 11"					F-48-34-C+D
xóm Pác Nặm	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 05"	106° 31' 50"					F-48-34-C+D
Pác Sầu	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Phía Chín	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 10"	106° 32' 28"					F-48-34-C+D
núi Phía Linh	SV	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 39"	106° 31' 33"					F-48-34-C+D
xóm Răng Vỹ - Thỉnh Khau	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 58"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
Tầu Nặm	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 39' 01"	106° 32' 33"					F-48-34-C+D
xóm Thang Lũng	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 40' 27"	106° 31' 09"					F-48-34-C+D
xóm Thỉnh Phú	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên							
xóm Thông Than	DC	xã Cai Bô	H. Quảng Uyên	22° 41' 58"	106° 33' 04"					F-48-34-C+D
quốc lộ 3	KX	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên			22° 39' 42"	106° 26' 22"	22° 41' 24"	106° 25' 44"	F-48-33-D
xóm An Mạ	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên	22° 40' 58"	106° 26' 57"					F-48-33-D
xóm Bó Cái	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên	22° 40' 36"	106° 28' 40"					F-48-33-D
xóm Canh Man	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên	22° 40' 15"	106° 26' 16"					F-48-33-D
xóm Cốc Cốc	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên							
xóm Cốc Tấn	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên	22° 41' 01"	106° 26' 28"					F-48-33-D
xóm Đồng Ất - Lũng Phầy	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên	22° 41' 07"	106° 26' 14"					F-48-33-D
Đồng Bó Linh	KX	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Giao Hạ	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên							
xóm Giao Thượng	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên							
núi Khâm Phục	SV	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên	22° 39' 33"	106° 26' 58"					F-48-33-D
Khô Ma	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên	22° 39' 36"	106° 29' 23"					F-48-33-D
xóm Khưa Lay	DC	xã Chi Thào	H. Quảng Uyên	22° 39' 53"	106° 29' 20"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Lù	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 52"	106° 27' 28"					F-48-33-D
xóm Lũng Lý	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 05"	106° 27' 58"					F-48-33-D
xóm Lũng Miếng	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 05"	106° 29' 16"					F-48-33-D
xóm Lũng Ngườm	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 57"	106° 28' 43"					F-48-33-D
xóm Lũng Ngườ	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 39"	106° 27' 28"					F-48-33-D
xóm Lũng Nu	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 38' 59"	106° 27' 46"					F-48-33-D
Lũng Ô	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 27"	106° 26' 01"					F-48-33-D
Lũng Roạt	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 23"	106° 28' 44"					F-48-33-D
xóm Nà Rạc	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 32"	106° 27' 23"					F-48-33-D
xóm Pác Nà - Kèo Pắc	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 38' 59"	106° 30' 13"					F-48-34-C+D
núi Phia Khao	SV	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 14"	106° 28' 17"					F-48-33-D
xóm Sai Khang	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 08"	106° 29' 46"					F-48-33-D
xóm Tắc Kha	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 09"	106° 28' 02"					F-48-33-D
xóm Tộc Ngồn	DC	xã Chi Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 37"	106° 26' 49"					F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 14"	106° 21' 14"					F-48-33-D
xóm Có Ra	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 41"	106° 21' 23"					F-48-33-D
xóm Cốc Phèo - Pò Rẻ	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 54"	106° 21' 31"					F-48-33-D
xóm Lạn Dưới	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 09"	106° 22' 30"					F-48-33-D
xóm Lạn Trên	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 32"	106° 22' 02"					F-48-33-D
núi Lũng Vai	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 47"	106° 21' 22"					F-48-33-D
xóm Lũng Vải	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 27"	106° 22' 00"					F-48-33-D
xóm Pác Cạm	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 24"	106° 21' 29"					F-48-33-D
xóm Pác Tân	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 39' 37"	106° 22' 02"					F-48-33-D
núi Tắc Kheo	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 45"	106° 20' 51"					F-48-33-D
núi Tát Khao	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 39' 16"	106° 21' 43"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
xóm Thang Lũng	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 21"	106° 21' 35"					F-48-33-D
xóm Thiêng Vải	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 38"	106° 21' 36"					F-48-33-D
đường tỉnh 207	KK	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 41' 08"	106° 30' 24"	22° 42' 43"	106° 27' 04"	F-48-34-C+D; F-48-33-D
sông Bắc Vọng	TV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 43' 00"	106° 28' 54"	22° 40' 21"	106° 29' 58"	F-48-33-D
xóm Chằm Chè	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 09"	106° 27' 59"					F-48-33-D
xóm Đổng Pán 1	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"					F-48-34-C+D
xóm Đổng Pán 2	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"					F-48-34-C+D
xóm Đổng Pán 3	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"					F-48-34-C+D
núi Khau Kheo	SV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 54"	106° 30' 27"					F-48-34-C+D
Khôn Pán	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 44"	106° 30' 15"					F-48-34-C+D
hồ Khưa Luông	TV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 40' 38"	106° 29' 47"	22° 40' 38"	106° 29' 47"	F-48-33-D
Lũng Râm	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 31"	106° 29' 40"					F-48-33-D
xóm Nà Châu	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 50"	106° 29' 19"					F-48-33-D
xóm Nà Phúc	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 54"	106° 28' 38"					F-48-33-D
xóm Nà Sao	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 29"	106° 28' 36"					F-48-33-D
thủy điện Nà Tơ (Nà Tầu)	KK	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 01"	106° 28' 44"					F-48-33-D
xóm Nà Vương 1	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Nà Vương 2	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 21"	106° 29' 07"					F-48-33-D
xóm Nặm Pán	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 38"	106° 27' 17"					F-48-33-D
cầu Ngươn Đản	KK	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 10"	106° 27' 41"					F-48-33-D
xóm Pác Đa	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 03"	106° 29' 32"					F-48-33-D
Pác Không	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 34"	106° 27' 30"					F-48-33-D
xóm Pác Lũng	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 35"	106° 29' 01"					F-48-33-D
Pác Mát	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 19"	106° 27' 30"					F-48-33-D
xóm Phò Mường	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 05"	106° 28' 36"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Rồng Loáng	SV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 02"	106° 29' 35"					F-48-33-D
quốc lộ 3	KX	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên			22° 35' 03"	106° 28' 24"	22° 36' 27"	106° 28' 02"	F-48-33-D
Bản Đám	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 16"	106° 25' 07"					F-48-33-D
xóm Bản Hoàn	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 26"	106° 26' 11"					F-48-33-D
xóm Bản Khau	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 16"	106° 25' 39"					F-48-33-D
xóm Bản Tin	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 54"	106° 26' 18"					F-48-33-D
xóm Bình Linh - Phía Đông	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 08"	106° 27' 11"					F-48-33-D
xóm Bó Huy	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 21"	106° 26' 03"					F-48-33-D
Kéo Mò	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 23"	106° 26' 55"					F-48-33-D
đèo Khau Chải	SV	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Lũng Luông	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Luông - Lũng	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 54"	106° 28' 28"					F-48-33-D
xóm Lũng Tao	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 27"	106° 27' 37"					F-48-33-D
núi Lũng Xe	SV	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 30"	106° 28' 32"					F-48-33-D
xóm Nà Bó	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 53"	106° 26' 07"					F-48-33-D
xóm Nà Luông	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 53"	106° 25' 23"					F-48-33-D
xóm Phia Tùm	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên							
sườn Sầm Xuyên	TV	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên			22° 36' 01"	106° 26' 04"	22° 34' 41"	106° 27' 20"	F-48-33-D
xóm Thôn Đán	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 34' 32"	106° 26' 23"					F-48-33-D
sườn Thước Kéo	TV	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên			22° 36' 19"	106° 24' 55"	22° 35' 04"	106° 26' 20"	F-48-33-D
xóm Bản Áo	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 37' 20"	106° 25' 24"					F-48-33-D
xóm Bản Lộng	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 43"	106° 25' 20"					F-48-33-D
Bó Luông	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 44"	106° 24' 39"					F-48-33-D
xóm Bó Mèo	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 55"	106° 25' 03"					F-48-33-D
sườn Bó Ru	TV	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên			22° 36' 40"	106° 25' 31"	22° 38' 50"	106° 24' 50"	F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Chấm Chè	SV	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 33' 45"	106° 24' 15"					F-48-33-D
xóm Cốc Chia	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 28"	106° 24' 49"					F-48-33-D
xóm Lũng Cà - Lũng Kít	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 48"	106° 24' 13"					F-48-33-D
xóm Lũng Muồng 1	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 19"	106° 24' 55"					F-48-33-D
xóm Lũng Muồng 2	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 03"	106° 24' 32"					F-48-33-D
xóm Lũng Muồng 3	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Nhân	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 15"	106° 24' 01"					F-48-33-D
xóm Lũng Ô - Lũng Dầy	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 37"	106° 23' 29"					F-48-33-D
Lũng Tân	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 33"	106° 23' 09"					F-48-33-D
xóm Lũng Tân - Lũng Nhúng	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 08"	106° 23' 22"					F-48-33-D
xóm Lũng Thốc	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 09"	106° 24' 16"					F-48-33-D
xóm Nà Tha	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 48"	106° 25' 26"					F-48-33-D
xóm Thông Thà	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 06"	106° 24' 20"					F-48-33-D
núi Y Hà	SV	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 29"	106° 23' 35"					F-48-33-D
quốc lộ 3	KX	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên			22° 36' 27"	106° 28' 02"	22° 39' 42"	106° 26' 22"	F-48-33-D
xóm Bán Vẹn	KX	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 08"	106° 27' 18"					F-48-33-D
xóm Bó Luồng	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 23"	106° 27' 39"					F-48-33-D
xóm Bó Mẩn	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 01"	106° 27' 16"					F-48-33-D
xóm Bó Nọi	ĐAOSV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 36' 48"	106° 28' 02"					F-48-33-D
xóm Diên Hạ	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 22"	106° 26' 31"					F-48-33-D
xóm Diên Trung	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 18"	106° 26' 17"					F-48-33-D
xóm Lạc Diên Thượng	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 28"	106° 26' 40"					F-48-33-D
xóm Lũng Phia	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 26"	106° 27' 16"					F-48-33-D
xóm Lũng Lang	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 40"	106° 26' 40"					F-48-33-D
xóm Lũng Mực	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 58"	106° 26' 14"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Lũng Noa	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 39' 30"	106° 26' 26"					F-48-33-D
xóm Lũng Rì	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 39' 00"	106° 27' 03"					F-48-33-D
xóm Lũng Xóm	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 54"	106° 26' 33"					F-48-33-D
xóm Pác Nà	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 19"	106° 27' 09"					F-48-33-D
xóm Pác Ngang	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 36' 56"	106° 27' 41"					F-48-33-D
xóm Phia Khao	DA0TV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 35"	106° 27' 04"					F-48-33-D
xóm Rập Phia	SV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 10"	106° 27' 47"					F-48-33-D
xóm Bó Ngùa	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 12"	106° 29' 39"					F-48-33-D
xóm Cốc Chũ	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 00"	106° 30' 23"					F-48-34-C+D
Lũng Cải	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Cút - Lũng Nà	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 03"	106° 29' 33"					F-48-33-D
Lũng Đeng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Hóc	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 37' 29"	106° 29' 49"					F-48-33-D
Lũng Khau	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên							
Lũng Mỹ	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 21"	106° 29' 06"					F-48-33-D
xóm Lũng Mỹ - Chi Mu	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 05"	106° 29' 10"					F-48-33-D
xóm Lũng Nậu - Lũng Tón	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 42"	106° 29' 15"					F-48-33-D
xóm Lũng Nội	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Ô - Lũng Nội - Lũng Sạng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 24"	106° 28' 22"					F-48-33-D
xóm Lũng Phiệt	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 25"	106° 29' 30"					F-48-33-D
xóm Lũng Riêng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 26"	106° 30' 15"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Rý	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 52"	106° 29' 04"					F-48-33-D
xóm Nà Sào	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 10"	106° 30' 09"					F-48-34-C+D
xóm Pác Nà	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 28"	106° 28' 55"					F-48-33-D
xóm Bản Áo	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 08"	106° 24' 33"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bó Kiếng - Bó Chường	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 20"	106° 23' 14"					F-48-33-D
xóm Búng Thầu	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 13"	106° 24' 05"					F-48-33-D
núi Co Chở	SV	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 46"	106° 21' 53"					F-48-33-D
Cốc Quẩn	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 36' 06"	106° 22' 43"					F-48-33-D
xóm Đồng Đa	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 47"	106° 23' 40"					F-48-33-D
xóm Lũng Mạ - Lũng Mòng	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 36' 38"	106° 23' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Nà - Thang Lũng	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 36' 57"	106° 23' 52"					F-48-33-D
xóm Lũng Nhàu	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 33"	106° 25' 01"					F-48-33-D
xóm Lũng Niễn	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 36' 31"	106° 22' 42"					F-48-33-D
xóm Lũng Pằng - Lũng Cải	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 45"	106° 22' 11"					F-48-33-D
xóm Lũng Thoang	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 38' 04"	106° 23' 05"					F-48-33-D
xóm Nà Du	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 54"	106° 24' 27"					F-48-33-D
xóm Phia Cang	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 58"	106° 23' 52"					F-48-33-D
xóm Phia Đổng	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên							
xóm Phá Đổng	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 37"	106° 24' 39"					F-48-33-D
xóm Sộc Cốc	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 19"	106° 24' 59"					F-48-33-D
xóm Tẩu Kéo	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 30"	106° 23' 46"					F-48-33-D
xóm Tẩu Thoang	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 52"	106° 23' 17"					F-48-33-D
xóm Bản Cải	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 45"	106° 24' 02"					F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							
xóm Bản Châu	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 27"	106° 24' 30"					F-48-33-D
xóm Bản Giáp	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 19"	106° 23' 59"					F-48-33-B
xóm Bản Hoo	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 00"	106° 24' 45"					F-48-33-B
xóm Bản Quẩn 1	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Bản Quẩn 2	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bần Răng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 37"	106° 23' 19"					F-48-33-D
xóm Bần Thiết	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 04"	106° 22' 23"					F-48-33-D
Bảng Bắc	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 08"	106° 24' 23"					F-48-33-B
xóm Bò La	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 17"	106° 24' 19"					F-48-33-D
Búng Kheo	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 14"	106° 24' 13"					F-48-33-D
xóm Cáp Tao	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							
Cốc Cam	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 24"	106° 23' 54"					F-48-33-D
xóm Cốc Phia	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 02"	106° 23' 59"					F-48-33-B
xóm Đồng Ké	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 53"	106° 24' 06"					F-48-33-B
xóm Đoòng Chang	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 23"	106° 23' 22"					F-48-33-B
Khuổi Báy	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 37"	106° 22' 08"					F-48-33-B
núi Khuổi Báy	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 50"	106° 22' 25"					F-48-33-B
suối Khuổi Báy	TV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên			22° 46' 55"	106° 21' 54"	22° 46' 25"	106° 21' 18"	F-48-33-B
Khuổi Mòn	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 01"	106° 21' 52"					F-48-33-B
núi Khuổi Rầu	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 41"	106° 22' 48"					F-48-33-B
Khuổi Rị	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 10"	106° 22' 10"					F-48-33-B
xóm Khuổi Xám	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 38"	106° 22' 05"					F-48-33-B
xóm Khuổi Xóm	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 45"	106° 21' 59"					F-48-33-B
xóm Lũng Búng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 03"	106° 24' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Điển	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 02"	106° 24' 08"					F-48-33-D
núi Lũng Nặm	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 42"	106° 24' 16"					F-48-33-B
xóm Lũng Rươi	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							
núi Lũng Úc	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 10"	106° 22' 57"					F-48-33-B
xóm Nà Giảng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 30"	106° 24' 11"					F-48-33-D
xóm Nà Lái	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 01"	106° 23' 41"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Vải	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 29"	106° 24' 40"					F-48-33-D
xóm Pắc Rằng	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 08"	106° 25' 10"					F-48-33-D
Thanh Minh	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên							
xóm Tinh Đông	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 11"	106° 24' 48"					F-48-33-D
xóm Tở Đông (Tầu Đông)	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 34"	106° 22' 49"					F-48-33-D
xóm Bản Lãng	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 53"	106° 27' 03"					F-48-33-D
Bản Nưa	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 20"	106° 27' 04"					F-48-33-B
xóm Bản Phò	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
xóm Cốc Nhian	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 43' 59"	106° 27' 25"					F-48-33-D
xóm Đầu Cầu	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
đèo Khau Liêu	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 14"	106° 27' 46"					F-48-33-B
xóm Khuổi Ry	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 55"	106° 25' 23"					F-48-33-B
Lũng An	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
Lũng Linh	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 40"	106° 25' 55"					F-48-33-B
Lũng Tàu	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 48"	106° 25' 09"					F-48-33-B
núi Lũng Vải	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 12"	106° 26' 16"					F-48-33-B
núi Mạ Lộc	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
xóm Nà Cưởm	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 40"	106° 26' 28"					F-48-33-D
Nà Ngườm	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 48"	106° 26' 30"					F-48-33-D
Nà Sao	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 32"	106° 27' 09"					F-48-33-D
xóm Nà Tào	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
Nà Thông	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 30"	106° 26' 41"					F-48-33-D
xóm Nặm Phan	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 03"	106° 26' 46"					F-48-33-B
xóm Pắc Ai	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 20"	106° 26' 41"					F-48-33-D
Pắc Lũng	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 04"	106° 26' 54"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Mỹ	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 17"	106° 27' 19"					F-48-33-D
núi Phía Đàng	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 46"	106° 27' 44"					F-48-33-D
núi Phía Lĩnh	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
núi Phía Pên	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 16"	106° 27' 17"					F-48-33-B
núi Phía Phạ	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
xóm Pò Rẻ - Nà Khả	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 47' 05"	106° 25' 58"					F-48-33-B
xóm Pò Riễn	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 47' 13"	106° 26' 19"					F-48-33-B
xóm Thác Đét	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 32"	106° 27' 27"					F-48-33-D
xóm Tục Hòa	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 10"	106° 26' 48"					F-48-33-D
quốc lộ 3	KX	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên			22° 41' 50"	106° 22' 32"	22° 42' 58"	106° 21' 15"	F-48-33-D
xóm Bản Kinh	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 33"	106° 21' 49"					F-48-33-D
núi Cốc Càng	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 01"	106° 22' 13"					F-48-33-D
xóm Cốc Thuột	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 41' 59"	106° 22' 25"					F-48-33-D
xóm Dĩa Dưới	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 18"	106° 23' 39"					F-48-33-D
xóm Dĩa Trên	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 47"	106° 23' 28"					F-48-33-D
xóm Lũng Hà	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 41' 34"	106° 24' 06"					F-48-33-D
xóm Lũng Mạn	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 21"	106° 24' 38"					F-48-33-D
xóm Lũng Ó	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 23"	106° 22' 51"					F-48-33-D
Lũng Sầu	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên							
núi Ngâm Lược	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 45"	106° 21' 13"					F-48-33-D
núi Pàn Lầu	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 15"	106° 21' 48"					F-48-33-D
xóm Phía Thấp	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 02"	106° 22' 00"					F-48-33-D
xóm Phò Kheo	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 09"	106° 21' 25"					F-48-33-D
xóm Phụng Dưới	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 47"	106° 22' 45"					F-48-33-D
xóm Phụng Trên	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 54"	106° 22' 04"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
đường tỉnh 206	KX	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên			22° 41' 53"	106° 26' 28"	22° 43' 00"	106° 27' 19"	F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 14"	106° 26' 09"					F-48-33-D
xóm Đà Vĩ Dưới	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 42"	106° 26' 45"					F-48-33-D
xóm Đà Vĩ Trên	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 49"	106° 25' 58"					F-48-33-D
xóm Lũng Bắc	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
Lũng Bắc	SV	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 43' 43"	106° 26' 23"					F-48-33-D
Lũng Hà	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Luông	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 49"	106° 24' 54"					F-48-33-D
Lũng Nội	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
Lũng Pán	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
Lũng Phẫu	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Riêng	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 22"	106° 25' 48"					F-48-33-D
Lũng Tạc	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 26"	106° 26' 15"					F-48-33-D
Lũng Vải	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 43' 01"	106° 26' 29"					F-48-33-D
DTLS Nhà ông Lê Văn Ho	KX	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Pác Bó	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 04"	106° 26' 11"					F-48-33-D
xóm Pác Cam	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 01"	106° 26' 35"					F-48-33-D
xóm Phia Khao	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 17"	106° 26' 39"					F-48-33-D
Tam Quốc	DA0SV	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 05"	106° 25' 26"					F-48-33-D
xóm Tam Quốc - Bản Lũng	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 41' 55"	106° 25' 50"					F-48-33-D
bản Bách Hoắc	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 49"	106° 24' 47"					F-48-33-D
xóm Bản Mới	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 52"	106° 23' 18"					F-48-33-D
xóm Bản Phảng	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 33"	106° 23' 05"					F-48-33-D
xóm Cỏ Rào	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 05"	106° 23' 12"					F-48-33-D
xóm Cốc Cốc	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 53"	106° 22' 54"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Gia Ngừ	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 12"	106° 22' 31"					F-48-33-D
xóm Khen Chơng	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 06"	106° 22' 12"					F-48-33-D
xóm Kéo Ròn	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 36"	106° 25' 16"					F-48-33-D
núi Lăng Sườn	SV	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 39"	106° 24' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Các	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 13"	106° 25' 44"					F-48-33-D
xóm Lũng Rỳ	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 40' 12"	106° 24' 54"					F-48-33-D
xóm Lũng Úc	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 29"	106° 23' 38"					F-48-33-D
xóm Pác Khuổi	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 50"	106° 24' 03"					F-48-33-D
xóm Phú Nặm	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên							
xóm Thà Phú	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 13"	106° 23' 35"					F-48-33-D
tổ dân phố 1	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An							
tổ dân phố 2	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An							
tổ dân phố 3	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An							
tổ dân phố 4	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An							
tổ dân phố 5	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An							
suối Bò Bùn	TV	TT. Đồng Khê	H. Thạch An							
suối Bò Luống	TV	TT. Đồng Khê	H. Thạch An			22° 25' 49"	106° 25' 02"	22° 25' 40"	106° 25' 38"	F-48-45-B
xóm Chang Khuyển	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 26' 10"	106° 25' 40"					F-48-45-B
DTLS Chiến thắng Đồng Khê	KX	TT. Đồng Khê	H. Thạch An							F-48-45-A
xóm Đoòng Lặng	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 25' 39"	106° 28' 19"					F-48-45-B
xóm Khau Trường	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An							
xóm Nà Báng	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 26' 09"	106° 25' 18"					F-48-45-B
xóm Nà Cúm	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 25' 54"	106° 25' 22"					F-48-45-B
đồi Nà Cùn	SV	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 26' 21"	106° 25' 03"					F-48-45-B
xóm Nà Dề	DC	TT. Đồng Khê	H. Thạch An	22° 25' 19"	106° 26' 43"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
Nà Lũng	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 21"	106° 25' 57"					F-48-45-B
xóm Nà Luông	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 29"	106° 25' 21"					F-48-45-B
xóm Pò Diều	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 47"	106° 25' 19"					F-48-45-B
xóm Sảng Péc	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 56"	106° 26' 04"					F-48-45-B
Thôn Pò	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 45"	106° 25' 44"					F-48-45-B
Thôn Tào	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 24' 38"	106° 27' 08"					F-48-45-B
khu Trưỡng	SV	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 11"	106° 27' 12"					F-48-45-B
xóm Đông Muông	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
khu Đóc	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 42"	106° 16' 08"					F-48-33-D
xóm Kéo Ngọng-Pác Mười	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 37"	106° 13' 25"					F-48-33-C
xóm Khau Xá	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 39"	106° 14' 30"					F-48-33-C
xóm Khuổi Mả	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
núi Khuổi Hám	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 44"	106° 13' 49"					F-48-33-C
xóm Khuổi Hoàng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 29"	106° 16' 10"					F-48-33-D
xóm Khuổi Miếu (Khuổi Miếu)	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 09"	106° 15' 08"					F-48-33-D
núi Khuổi Thôn	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 31"	106° 14' 48"					F-48-33-C
Khuổi Xóm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 08"	106° 17' 04"					F-48-33-D
Miếu Xóm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 15"	106° 15' 48"					F-48-33-D
xóm Nà Ảng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 03"	106° 13' 36"					F-48-33-C
Nà Cóm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 13"	106° 13' 07"					F-48-33-C
Nà Chang	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 29"	106° 15' 07"					F-48-33-D
súi Nà Chang	TV	xã Canh Tân	H. Thạch An			22° 32' 07"	106° 14' 38"	22° 32' 23"	106° 16' 29"	F-48-33-D
xóm Nà Chang - Phai Siêng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 53"	106° 14' 44"					F-48-33-C
xóm Nà Chia	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
xóm Nà Cốc	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	
núi Nà Cốc	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 33' 43"	106° 13' 41"					F-48-33-C
Nà Mạn	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 22"	106° 17' 03"					F-48-33-D
sườn Nà Mạn	TV	xã Canh Tân	H. Thạch An			22° 32' 37"	106° 17' 49"	22° 32' 29"	106° 16' 34"	F-48-33-D
Nà Quan	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 39"	106° 13' 47"					F-48-33-C
xóm Pác Miếu (Pác Mải)	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 03"	106° 14' 32"					F-48-33-C
Pác Mười	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 33' 58"	106° 13' 02"					F-48-33-C
núi Pác Mười	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 23"	106° 12' 11"					F-48-33-C
xóm Pác Pén	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 19"	106° 13' 38"					F-48-33-C
khuai Pí	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 25"	106° 12' 42"					F-48-33-C
núi Quín	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 36' 01"	106° 13' 18"					F-48-33-C
khuai Rầu	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 59"	106° 16' 10"					F-48-33-D
xóm Tân Hoà	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
xóm Bản Bung	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 00"	106° 28' 33"					F-48-45-B
xóm Bản Nhện	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An							
xóm Bản Pằng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 02"	106° 29' 10"					F-48-45-B
xóm Bó Luồng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 49"	106° 28' 12"					F-48-45-B
sườn Bó Luồng	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 30' 24"	106° 28' 05"	22° 25' 40"	106° 30' 00"	F-48-33-D
khuai Cạ	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 38"	106° 27' 42"					F-48-45-B
xóm Chộc Chằng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 06"	106° 30' 08"					F-48-46-A
núi Lũng Vai	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 25"	106° 28' 47"					F-48-45-B
sườn Nà Hang	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 26' 38"	106° 28' 05"	22° 25' 40"	106° 30' 00"	F-48-45-B
sườn Nà Ngườm	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 31' 57"	106° 19' 33"	22° 32' 51"	106° 20' 08"	F-48-33-D
khuai Nà Pí	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 44"	106° 28' 19"					F-48-45-B
Nà Vải	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 45"	106° 29' 41"					F-48-45-B
xóm Pác Deng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 13"	106° 30' 03"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sườn Bàn Là	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 27' 33"	106° 30' 44"	22° 27' 01"	106° 31' 25"	F-48-46-A
xóm Bàn Mới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 25' 58"	106° 32' 51"					F-48-46-A
xóm Bàn Ngần	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 08"	106° 28' 49"					F-48-45-B
xóm Bàn Pò	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 12"	106° 32' 39"					F-48-46-A
xóm Bàn Vi	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 04"	106° 29' 47"					F-48-45-B
xóm Bàn Viên	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 35"	106° 29' 46"					F-48-45-B
DTLS BCH chiến dịch BG năm 1950	KX	xã Đức Long	H. Thạch An							F-48-46-A
núi Cốc Phường	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 33"	106° 28' 54"					F-48-45-B
DTLS Đồn Đà Lạn	KX	xã Đức Long	H. Thạch An							F-48-46-A
xóm Đồng Đeng	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
đồn biên phòng Đức Long	KX	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 18"	106° 31' 37"					F-48-46-A
núi Keng Phán	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 02"	106° 32' 14"					F-48-46-A
núi Khau Múc	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 09"	106° 33' 36"					F-48-46-A
Khuẩn Lường	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 16"	106° 30' 27"					F-48-46-A
xóm Là Dưới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
Là Tầu	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 07"	106° 31' 20"					F-48-46-A
xóm Là Trên	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
núi Lầm Lường	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 25' 50"	106° 31' 43"					F-48-46-A
núi Lũng Phán	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 03"	106° 32' 49"					F-48-46-A
sườn Nà Dao	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 26' 24"	106° 30' 13"	22° 26' 37"	106° 32' 08"	F-48-46-A
xóm Nà Giới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
Nà Lạn	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 01"	106° 32' 23"					F-48-46-A
xóm Nà Mẩn	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 15"	106° 31' 14"					F-48-46-A
sườn Nà Rị	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 26' 41"	106° 30' 14"	22° 26' 24"	106° 30' 13"	F-48-46-A
sườn Nà Đạo	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 27' 01"	106° 29' 01"	22° 26' 36"	106° 29' 48"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
núi Phia Tôn	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 19"	106° 29' 42"					F-48-45-B
xóm Bản Tuôm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 58"	106° 16' 20"					F-48-45-B
núi Bằng Bia	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 25' 42"	106° 18' 20"					F-48-45-B
khuổi Cà	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 09"	106° 16' 15"	22° 27' 46"	106° 16' 53"	F-48-45-B
núi Cạm Có	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 07"	106° 17' 17"					F-48-45-B
xóm Cầu Lợn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 04"	106° 18' 30"					F-48-45-B
núi Diều Phôn	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 23"	106° 18' 27"					F-48-45-B
khuổi Đình	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 26"	10° 61' 92"	22° 26' 54"	106° 17' 57"	F-48-45-B
núi Đồng Luông	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 04"	106° 17' 52"					F-48-33-D
núi Đồng Luông	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 46"	106° 17' 19"					F-48-45-B
suối Đồng Rắn	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 25' 34"	106° 18' 27"	22° 26' 14"	106° 18' 14"	F-48-45-B
xóm Đoàng Đeng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 20"	106° 16' 31"					F-48-45-B
khuổi Gìn	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 28' 10"	106° 16' 49"	22° 27' 30"	106° 18' 08"	F-48-45-B
xóm Kéo Quý	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 32"	106° 17' 10"					F-48-45-B
núi Khau Piéc	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 44"	106° 16' 02"					F-48-33-D
khau Khau Tỏ	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 50"	106° 16' 52"					F-48-45-B
xóm Khuổi Chấn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An							
Khuổi Chủ	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 34"	106° 17' 00"					F-48-45-B
núi Khuổi Chủ	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 16"	106° 17' 42"					F-48-45-B
Khuổi Gìn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 46"	106° 18' 23"					F-48-45-B
Khuổi Lạc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 39"	106° 16' 35"					F-48-45-B
Khuổi Mai	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 20"	106° 15' 34"					F-48-45-B
xóm Khuổi Phôm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 25' 25"	106° 19' 02"					F-48-45-B
xóm Khuổi Phổng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An							
Khuổi Tàng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 16"	106° 17' 24"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
Khuổi Xóm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 51"	106° 17' 55"					F-48-45-B
khuai Ma	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 44"	106° 18' 53"					F-48-45-B
khuai Mai	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 47"	106° 15' 24"					F-48-45-B
khuổi Mai	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 44"	106° 15' 33"	22° 29' 21"	106° 15' 22"	F-48-45-B
xóm Nà Cát	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 30"	106° 19' 07"					F-48-45-B
Nà Hén	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 30"	106° 15' 25"					F-48-33-D
suối Nà Hén	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 30' 09"	106° 15' 28"	22° 30' 39"	106° 15' 11"	F-48-33-D
xóm Nà Mêng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 13"	106° 16' 07"					F-48-33-D
khuổi Nà Mêng	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 21"	106° 15' 22"	22° 30' 02"	106° 15' 46"	F-48-45-B
Nà Pẩu	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 48"	106° 17' 13"					F-48-45-B
xóm Nà Pò	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 52"	106° 16' 48"					F-48-45-B
núi Phán Mẩn	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 24' 45"	106° 18' 53"					F-48-45-B
khuổi Phum	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 25' 17"	106° 19' 26"	22° 26' 14"	106° 18' 14"	F-48-45-B
núi Pò Lầu	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 30"	106° 17' 19"					F-48-33-D
khuai Pút	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 50"	106° 16' 03"					F-48-45-B
khuai Quàn	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 21"	106° 14' 28"					F-48-33-C
khuai Sam Sầu	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 14"	106° 18' 23"					F-48-45-B
xóm Sộc Cốc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 28"	106° 17' 25"					F-48-45-B
xóm Tắc Mai	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An							
khuổi Tàng	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 29"	106° 17' 31"	22° 29' 10"	106° 17' 05"	F-48-45-B
khuai Tánh	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 35"	106° 16' 01"					F-48-45-B
khuai Tềng	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 29"	106° 15' 46"					F-48-45-B
Tềnh Tát	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 34"	106° 17' 43"					F-48-45-B
suối Tềnh Tát	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 28' 37"	106° 18' 46"	22° 28' 28"	106° 17' 58"	F-48-45-B
Thín Théc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 57"	106° 14' 22"					F-48-45-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
sườn Thôn Thét	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 38"	106° 15' 03"	22° 29' 21"	106° 15' 22"	F-48-45-B
khuổi Tôm	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 15"	106° 18' 59"	22° 28' 33"	106° 17' 43"	F-48-45-B
khuổi Tuôm	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 30' 09"	106° 17' 07"	22° 29' 45"	106° 16' 23"	F-48-45-B,33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 21' 44"	106° 26' 22"	22° 25' 03"	106° 26' 02"	F-48-45-B
Búng Kiếm	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 05"	106° 26' 28"					F-48-45-B
khuổi Cay	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 24' 13"	106° 24' 22"	22° 24' 23"	106° 25' 45"	F-48-45-B
khuổi Đeng	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 24' 22"	106° 24' 29"	22° 24' 39"	106° 25' 31"	F-48-45-B
Khế Chơng	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 42"	106° 25' 54"					F-48-45-B
núi Lũng Diêu	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 13"	106° 26' 07"					F-48-45-B
núi Lũng Nhắng	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 10"	106° 25' 36"					F-48-45-B
xóm Lũng Pắc Khoang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 21"	106° 25' 39"					F-48-45-B
Nà Cay	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 20"	106° 26' 00"					F-48-45-B
Nà Chang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 53"	106° 25' 22"					F-48-45-B
Nà Khèo	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 49"	106° 25' 38"					F-48-45-B
xóm Nà Nhắng	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 38"	106° 27' 04"					F-48-45-B
xóm Nà Pá	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 53"	106° 26' 05"					F-48-45-B
xóm Nà Tục	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 53"	106° 25' 57"					F-48-45-B
sườn Nà Tục	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 23' 18"	106° 26' 21"	22° 24' 22"	106° 25' 58"	F-48-45-B
khuai Nọc Sa	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 06"	106° 28' 50"					F-48-45-B
xóm Pắc Khoang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 06"	106° 24' 05"					F-48-45-B
xóm Pắc Lũng	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 10"	106° 27' 30"					F-48-45-B
núi Phia Lương	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 55"	106° 26' 00"					F-48-45-B
khuai Siêm	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 38"	106° 24' 43"					F-48-45-B
nhà máy Than Cốc	KX	xã Đức Xuân	H. Thạch An							F-48-45-B
xóm Tục Ngà	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 29"	106° 25' 26"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
quốc lộ 4A	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 30' 12"	106° 20' 41"	22° 35' 02"	106° 18' 38"	F-48-33-D
xóm Bàn Ba	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 28"	106° 18' 12"					F-48-33-D
xóm Bàn Sộc	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 50"	106° 18' 39"					F-48-33-D
núi Cạm Ngăn	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 18"	106° 19' 34"					F-48-33-D
núi Chón Tạc	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 44"	108° 18' 15"					F-48-33-D
xóm Chu Lăng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 15"	106° 20' 12"					F-48-33-D
núi Đồng Đăm	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 57"	106° 18' 26"					F-48-33-D
núi Khuổi Ấc	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 22"	106° 17' 55"					F-48-33-D
xóm Khuổi Đăm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 27"	106° 18' 28"					F-48-33-D
xóm Khuổi Đầy	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 28"	106° 18' 40"					F-48-33-D
núi Khuổi Đeng	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 45"	106° 18' 10"					F-48-33-D
Khuổi Dụ	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 18"	106° 18' 54"					F-48-33-D
xóm Khuổi Nặng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 20"	106° 18' 15"					F-48-33-D
núi Khuổi Phung	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 36"	106° 17' 55"					F-48-33-D
núi Khuổi Xà	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 14"	106° 19' 17"					F-48-33-D
xóm Nà Châm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 16"	106° 20' 27"					F-48-33-D
xóm Nà Khao	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 31"	106° 19' 44"					F-48-33-D
suối Nà Luống	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 30' 18"	106° 19' 48"	22° 31' 14"	106° 19' 35"	F-48-33-D
xóm Nà Ngườm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 30"	106° 20' 20"					F-48-33-D
suối Nà Ngườm	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 31' 57"	106° 19' 33"	22° 32' 51"	106° 20' 08"	F-48-33-D
xóm Nà Vai	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 00"	106° 19' 09"					F-48-33-D
cầu Nà Vai	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 59"	106° 19' 30"					F-48-33-D
xóm Nặm Nàng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 21"	106° 19' 36"					F-48-33-D
cầu Nặm Nàng	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 15"	106° 19' 37"					F-48-33-D
cầu Nặm Nàng 1	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 27"	106° 19' 32"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
cầu Nậm Nàng 2	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 37"	106° 19' 34"					F-48-33-D
xóm Nậm Thầu	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 47"	106° 20' 36"					F-48-33-D
khuổi Nàng	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 30' 24"	106° 18' 50"	22° 31' 57"	106° 18' 57"	F-48-33-D
núi Pà Đầu	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 35"	106° 17' 46"					F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Lê Lai	H. Thạch An			22° 28' 39"	106° 25' 12"	22° 27' 46"	106° 22' 58"	F-48-45-B
xóm Bản Cặm	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 39"	106° 26' 51"					F-48-45-B
xóm Bản Dăm	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 00"	106° 26' 27"					F-48-45-B
Bản Và	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 11"	106° 24' 39"					F-48-45-B
xóm Bó Pha	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 26"	106° 25' 32"					F-48-45-B
dồi Càng Lò	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 38"	106° 26' 34"					F-48-45-B
Kéo Lửa	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 24' 43"	106° 23' 53"					F-48-45-B
khuổi Khuổi Vàng	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 09"	106° 23' 47"					F-48-45-B
xóm Lũng Buốt	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 58"	106° 23' 59"					F-48-45-B
núi Lũng Hòm	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 18"	106° 23' 54"					F-48-45-B
Lũng Lãng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 09"	106° 24' 16"					F-48-45-B
xóm Lũng Mòn	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 09"	106° 24' 16"					F-48-45-B
xóm Lũng Sturột	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 50"	106° 24' 46"					F-48-45-B
xóm Nà Cốc	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 55"	106° 25' 13"					F-48-45-B
xóm Nà Danh	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 27"	106° 26' 27"					F-48-45-B
xóm Nà Keng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 22"	106° 24' 21"					F-48-45-B
xóm Nà Linh	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 33"	106° 24' 03"					F-48-45-B
xóm Nà Ngải	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 27"	106° 26' 27"					F-48-45-B
xóm Nà Shông	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 44"	106° 24' 52"					F-48-45-B
xóm Nà Vàng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 05"	106° 24' 22"					F-48-45-B
cầu Nà Vàng	KX	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 43"	106° 24' 57"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
Phai Kéo	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 38"	106° 24' 56"					F-48-45-B
sườn Pò Bờu	TV	xã Lê Lai	H. Thạch An			22° 25' 57"	106° 24' 35"	22° 25' 49"	106° 25' 02"	F-48-45-B
xóm Pú Nho	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 13"	106° 27' 12"					F-48-45-B
Săng Kheo	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 41"	106° 23' 18"					F-48-45-B
Sộc Sọ	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 20"	106° 24' 48"					F-48-45-B
đồi Bà Kha Trại	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 19"	106° 27' 53"					F-48-45-B
đồi Bà Mây Lềm	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 18"	106° 28' 06"					F-48-45-B
núi Bà Mây Sàng	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 00"	106° 28' 06"					F-48-45-B
Đồng Mù	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 29"	106° 28' 34"					F-48-45-B
núi Lũng Mù	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 25' 06"	106° 28' 32"					F-48-45-B
xóm Nà Niêng	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 14"	106° 27' 25"					F-48-45-B
xóm Nà Nua	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 23' 39"	106° 28' 12"					F-48-45-B
xóm Nà Tấu 1	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 00"	106° 28' 30"					F-48-45-B
xóm Nà Tấu 2	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 09"	106° 28' 16"					F-48-45-B
xóm Siền Ngoại	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 32"	106° 28' 40"					F-48-45-B
xóm Siền Nội	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 23' 00"	106° 28' 36"					F-48-45-B
núi Tộc Xi	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 27"	106° 29' 10"					F-48-45-B
Bản Cờ	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 39"	106° 07' 37"					F-48-45-A
Bản Cộ	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 39"	106° 08' 23"					F-48-33-C
xóm Bộc Lường (Bộc Lường)	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 06"	106° 13' 47"					F-48-45-A
núi Bộc Lường (Bộc Lường)	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 06"	106° 12' 57"					F-48-33-C
núi Cạm Tém	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 28"	106° 11' 27"					F-48-33-C
xóm Chằng Cà	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 36"	106° 09' 23"					F-48-33-C
khu Dãy	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 18"	106° 07' 17"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
khuông Đông	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 13"	106° 09' 33"					F-48-33-C
xóm Khuông Siểm	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 17"	106° 07' 30"					F-48-45-A
xóm Khuông Ấng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 33"	106° 10' 17"					F-48-33-C
Khuông Bãi	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 48"	106° 09' 43"					F-48-33-C
núi Khuông Bãi	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 08"	106° 09' 44"					F-48-33-C
khuông Lũn	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 33' 03"	106° 13' 52"					F-48-33-C
núi Mây Mọc	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 17"	106° 07' 09"					F-48-45-A
sông Minh Khai	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An			22° 30' 23"	106° 10' 58"	22° 33' 49"	106° 12' 44"	F-48-33-C
khuông Mực	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 39"	106° 13' 52"					F-48-33-C
Nà Đải	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 20"	106° 10' 48"					F-48-45-A
xóm Nà Đổng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 11"	106° 11' 14"					F-48-33-C
xóm Nà Ké	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 52"	106° 10' 50"					F-48-45-A
xóm Nà Lặng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 49"	106° 11' 03"					F-48-33-C
xóm Nà Sến	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 27"	106° 11' 18"					F-48-33-C
xóm Nậm Cáp	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 53"	106° 13' 08"					F-48-33-C
nậm Nậm Cung	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An			22° 29' 41"	106° 08' 30"	22° 30' 23"	106° 10' 59"	F-48-33-C
xóm Nậm Tân	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 22"	106° 11' 50"					F-48-45-A
nậm Nậm Tân	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An			22° 29' 30"	106° 07' 38"	22° 29' 41"	106° 08' 30"	F-48-45-A
Pắc Cung	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 23"	106° 10' 58"					F-48-33-C
xóm Pắc Duộc	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 57"	106° 12' 25"					F-48-33-C
khuông Phước	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 41"	106° 10' 45"					F-48-33-C
núi Pích Ca	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 33' 09"	106° 13' 14"					F-48-33-C
khuông Tàu	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 53"	106° 07' 38"					F-48-45-A
khuông Xiểm	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 51"	106° 07' 49"					F-48-45-A
núi Bàn Pô	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 34"	106° 10' 27"					F-48-45-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bon	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 59"	106° 09' 10"					F-48-45-A
núi Cổng Trời	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 29' 56"	106° 08' 55"					F-48-45-A
Đông Xiên	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 18"	106° 06' 18"					F-48-45-A
Khuổi Âu	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 39"	106° 09' 33"					F-48-45-A
xóm Khuổi Chốt	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 05"	106° 10' 50"					F-48-45-A
Khuổi Deng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 29"	106° 06' 33"					F-48-45-A
Khuổi Khém	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 07' 44"					F-48-45-A
Khuổi Khiếp	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 23"	106° 11' 16"					F-48-45-A
xóm Khuổi Kiếng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 17"	106° 10' 18"					F-48-45-A
Khuổi Phất	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 18"	106° 08' 25"					F-48-45-A
Khuổi Thơm	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 28"	106° 08' 10"					F-48-45-A
xóm Lũng Phái	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 42"	106° 06' 40"					F-48-45-A
núi Lũng Phái	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 53"	106° 06' 46"					F-48-45-A
khu Mu	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 07"	106° 12' 35"					F-48-45-A
xóm Nà Bân	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 26"	106° 10' 27"					F-48-45-A
xóm Nà Cảnh	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 08"	106° 11' 29"					F-48-45-A
xóm Nà Con	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 51"	106° 10' 36"					F-48-45-A
xóm Nà Dân	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 17"	106° 11' 09"					F-48-45-A
sườn Nà Dân	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 27' 28"	106° 07' 45"	22° 27' 47"	106° 09' 36"	F-48-45-A
xóm Nà Mu	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 14"	106° 10' 15"					F-48-45-A
xóm Nà Phạc	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 04"	106° 08' 51"					F-48-45-A
xóm Nà Pộc	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An							
xóm Nà Púng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 19"	106° 06' 43"					F-48-45-A
xóm Nặm Dạng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 31"	106° 09' 03"					F-48-45-A
núi Nặm Dạng	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 15"	106° 08' 44"					F-48-45-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	
Nậm Dạng	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 24' 35"	106° 09' 45"	22° 25' 17"	106° 09' 42"	F-48-45-A
Pắc Cuồn	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 18"	106° 10' 08"					F-48-45-A
xóm Pò Bầu	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 39"	106° 10' 03"					F-48-45-A
xóm Pò Lũng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 23' 46"	106° 10' 30"					F-48-45-A
Pò Mìn	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 28"	106° 11' 20"					F-48-45-A
khuai Pù Si	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 20"	106° 08' 22"					F-48-45-A
núi Sam Cốc	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 29"	106° 10' 51"					F-48-45-A
Sam Lái	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 43"	106° 07' 45"					F-48-45-A
núi Sam Lái	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 39"	106° 08' 06"					F-48-45-A
suối Tà Chiếm	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 27' 44"	10° 61' 00"	22° 30' 11"	106° 10' 55"	F-48-45-A
suối Tà De	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 26' 28"	106° 11' 25"	22° 27' 44"	106° 09' 59"	F-48-45-A
khuổi Thỏm	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 25' 23"	106° 07' 07"	22° 26' 23"	106° 07' 43"	F-48-45-A
quốc lộ 4A	KX	xã Thái Cường	H. Thạch An			22° 27' 37"	106° 21' 58"	22° 30' 12"	105° 20' 41"	F-48-45-B;33-D
xóm Bản Nọc	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 02"	106° 21' 28"					F-48-45-B
Bó Hùm	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 31' 15"	106° 21' 15"					F-48-33-D
xóm Giã Mỹ	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An							
cầu Hang Kỵ	KX	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 14"	106° 21' 14"					F-48-45-B
đèo Khau Khương	SV	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 37"	106° 21' 11"					F-48-45-B
khuai Khương	SV	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 31"	106° 20' 24"					F-48-45-B
Khuổi Chú	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 30' 42"	106° 20' 52"					F-48-45-B
xóm Khuổi Kện	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 28' 31"	106° 20' 17"					F-48-45-B
xóm Lũng Bơ (Lũng Đầu)	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 28' 20"	106° 21' 50"					F-48-45-B
Lũng Mười	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 27' 42"	106° 22' 15"					F-48-45-B
xóm Nà Luông	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 06"	106° 20' 16"					F-48-45-B
xóm Pắc Han	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
xóm Phông Un	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 47"	106° 19' 05"					F-48-45-B
xóm Tắm Tắm	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An							
xóm Bàn Mưởng	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 31' 28"	106° 24' 47"					F-48-33-D
xóm Cẩn Nưa	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 20"	106° 24' 55"					F-48-33-D
xóm Cẩn Tầu	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 37"	106° 24' 03"					F-48-33-D
bản Cầu	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 31' 58"	106° 24' 10"					F-48-33-D
Khuổi Lín	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 32"	106° 25' 44"					F-48-33-D
núi Lũng Mỏ	SV	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 29' 40"	106° 25' 41"					F-48-45-B
núi Lũng Mù	SV	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 51"	106° 25' 56"					F-48-33-D
núi Lũng Sáng	SV	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 51"	106° 23' 36"					F-48-33-D
Lũng Vắn	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 31' 32"	106° 25' 40"					F-48-33-D
bản Mưởng	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 29' 41"	106° 26' 03"					F-48-45-B
xóm Nà Rả	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An							
xóm Rong Nả	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An							
xóm Tắt Sáng	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 29' 41"	106° 26' 03"					F-48-45-B
sườn Tắt Sáng	TV	xã Thị Ngân	H. Thạch An			22° 29' 12"	106° 26' 23"	22° 29' 23"	106° 26' 11"	F-48-45-B
xóm Bản Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An							
xóm Bản Năng	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 26"	106° 28' 23"					F-48-45-B
xóm Cốc Bao	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An							
núi Giã Vải	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 22"	106° 27' 41"					F-48-45-B
xóm Ka Liệt	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 30' 16"	106° 28' 36"					F-48-33-D
khuau Khau Giồng	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 30' 12"	106° 28' 04"					F-48-33-D
xóm Khưa Đì	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An							
đồi Khưa Đì	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 10"	106° 28' 57"					F-48-45-B
sườn Khuổi Cái	TV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An			22° 28' 19"	106° 27' 10"	22° 28' 52"	106° 27' 20"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Khuổi Cáp	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 40"	106° 30' 27"					F-48-45-A
suối Khuổi Khao	TV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An			22° 29' 50"	106° 26' 12"	22° 30' 24"	106° 27' 44"	F-48-45-B; F-48-33-D
núi Lũng Lại	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 49"	106° 28' 22"					F-48-45-B
núi Lũng Pèo	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 31' 25"					F-48-45-A
xóm Nà Ân	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An							
Nà Lì	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 26"	106° 28' 23"					F-48-45-B
Pắc Nám	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 00"	106° 28' 44"					F-48-45-B
núi Phia Chang	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 23"	106° 26' 53"					F-48-45-B
Phia Nhọt	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 37"	106° 30' 09"					F-48-46-A
đồi Phia Nhọt	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 33"	106° 29' 18"					F-48-45-B
Sông Nặc	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 51"	106° 28' 42"					F-48-45-B
xóm Sông Siền	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 47"	106° 27' 08"					F-48-45-B
xóm Bản Cầu	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 42"	106° 19' 56"					F-48-45-B
suối Bản Cầu	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 25' 35"	106° 20' 28"	22° 24' 53"	106° 21' 02"	F-48-45-B
xóm Bản Chang	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 26"	106° 22' 11"					F-48-45-B
khuai Bó Quặng	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 20' 41"					F-48-45-B
xóm Cạm Kháng	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 05"	106° 19' 33"					F-48-45-B
Cốc Xá	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 09"	106° 23' 38"					F-48-45-B
suối Cốc Xá	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 24' 35"	106° 23' 19"	22° 23' 11"	106° 23' 40"	F-48-45-B
khuai Hai	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 17"	106° 20' 48"					F-48-45-B
khuai Kéo	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 33"	106° 21' 57"					F-48-45-B
Khuai Phạ	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 17"	106° 20' 56"					F-48-45-B
xóm Khuổi Kện	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 28' 31"	106° 20' 17"					F-48-45-B
Khuổi Nà	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 27"	106° 20' 55"					F-48-45-B
xóm Khuổi Nghiệt	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 14"	106° 21' 05"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi Vinh	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 28' 05"	106° 21' 54"					F-48-45-B
Khuổi Vinh	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 28' 11"	106° 22' 35"	22° 25' 37"	106° 22' 49"	F-48-45-B
Mống Xá	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 24"	106° 20' 40"					F-48-45-B
xóm Nà Cà	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 36"	106° 20' 20"					F-48-45-B
Nà Chì	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 21' 08"					F-48-45-B
xóm Nà Leng	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 23"	106° 21' 49"					F-48-45-B
suối Nà Leng	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 26' 56"	106° 21' 26"	22° 26' 01"	106° 21' 55"	F-48-45-B
xóm Nà Ngải	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 16"	106° 21' 41"					F-48-45-B
Nà Nhàn	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 18"	106° 21' 28"					F-48-45-B
Nà Phai	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 42"	106° 21' 26"					F-48-45-B
xóm Nà Pi	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 20"	106° 23' 01"					F-48-45-B
suối Nà Pi	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 25' 23"	106° 22' 18"	22° 23' 17"	106° 21' 41"	F-48-45-B
xóm Nà Vải	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 05"	106° 22' 48"					F-48-45-B
xóm Pò Lài	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 27' 30"	106° 21' 19"					F-48-45-B
Khau Tào	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 29"	106° 20' 11"					F-48-45-B
Khuổi Xá	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 23' 16"	106° 22' 47"	22° 22' 27"	106° 23' 01"	F-48-45-B
núi Nà Phạc	SV	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 29' 38"	106° 23' 35"					F-48-45-B
xóm Bò Dường	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 28' 34"	106° 24' 32"					F-48-45-B
xóm Cốc Ngườm	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 29' 32"	106° 24' 59"					F-48-45-B
Khưa Pát	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 31' 15"	106° 21' 41"					F-48-33-D
xóm Lũng Chì	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 29' 51"	106° 24' 08"					F-48-45-B
xóm Lũng Dìn	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 24' 32"					F-48-45-B
xóm Lũng Hảy	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 28' 42"	106° 22' 51"					F-48-45-B
Lũng Ít	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 30' 35"	106° 21' 59"					F-48-33-D
xóm Lũng Mẩn	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 30' 57"	106° 22' 25"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
Lũng Rì	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 22' 37"					F-48-45-B
xóm Lũng Xôm	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 28' 45"	106° 24' 11"					F-48-45-B
xóm Nà Áng	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 29' 12"	106° 23' 53"					F-48-45-B
Nà Ít	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 28' 54"	106° 23' 50"					F-48-45-B
hang Nà Mọc	TV	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An							F-48-45-B
xóm Nà Ôn	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 30' 13"	106° 22' 45"					F-48-33-D
xóm Phác Siến	DC	xã Văn Trĩnh	H. Thạch An	22° 29' 40"	106° 23' 16"					F-48-45-B
đường tỉnh 204	KX	TT. Thông Nông	H. Thông Nông			22° 47' 45"	105° 59' 20"	22° 47' 15"	106° 00' 03"	F-48-32-B+20-D; F-48-33-A+21-C
xóm Bản Viêng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 19"	105° 59' 27"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Ca	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 04"	105° 59' 12"					F-48-32-B+20-D
sui Dê Rào	TV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông			22° 47' 48"	105° 59' 33"	22° 46' 29"	105° 59' 38"	F-48-32-B+20-D
xóm Đoàn Kết	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							
phố Háng Thàng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 02"	105° 58' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Liên Cơ	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Páng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 58' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quang	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 46' 43"	105° 58' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vịt	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 16"	105° 58' 49"					F-48-32-B+20-D
dồi Mạ Cải	SV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 20"	105° 59' 38"					F-48-32-B+20-D
Nà Leng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 38"	105° 59' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rằng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 59' 03"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Ca	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							
núi Ràng Mu	SV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 40"	105° 58' 45"					F-48-32-B+20-D
bản Bua	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 58"	105° 57' 19"					F-48-32-D
xóm Bua Hạ	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 21"	105° 58' 17"					F-48-32-D
xóm Bua Thượng	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
Chảo Ủn	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 44' 19"	105° 58' 50"					F-48-32-D
xóm Cốc Mỹ	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 31"	105° 59' 10"					F-48-32-D
núi Cốc Ngựa	SV	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 31"	105° 57' 13"					F-48-32-D
núi Đồng Phấn	SV	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 51"	105° 57' 35"					F-48-32-D
xóm Giã Vải	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 18"	105° 59' 17"					F-48-32-D
xóm Hoan Bua	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 36"	105° 57' 46"					F-48-32-D
xóm Kéo Nướng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 38"	105° 59' 01"					F-48-32-D
Kha Ma	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 32"	106° 00' 20"					F-48-33-C
Khình Hạ	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 11"	105° 59' 08"					F-48-32-D
xóm Khinh Thượng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 08"	105° 58' 25"					F-48-32-D
xóm Khuổi Hèo	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 33"	105° 58' 53"					F-48-32-D
sườn Khuổi Hèo	TV	xã Bình Lăng	H. Thông Nông			22° 43' 35"	105° 57' 58"	22° 43' 19"	105° 59' 12"	F-48-32-D
Ki Chảo	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 44' 18"	105° 59' 46"					F-48-32-D
xóm Lạn Hạ	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông							
Lũng Giàng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 44' 06"	105° 58' 53"					F-48-32-D
Lũng Hoan Phấn	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 02"	105° 58' 12"					F-48-32-D
Lũng Lạn	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 53"	106° 00' 27"					F-48-33-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 55"	105° 59' 05"					F-48-32-D
Lũng Tào	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 44"	105° 59' 44"					F-48-32-D
Lũng Thốc	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 44' 10"	105° 58' 18"					F-48-32-D
Pán Á	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 42"	105° 59' 53"					F-48-32-D
Phía Rải	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 52"	105° 56' 55"					F-48-32-D
xóm Thang Tả	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 42' 52"	105° 59' 10"					F-48-32-D
xóm Tổng Pàng	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 37"	105° 58' 09"					F-48-32-D
xóm Tổng Puông	DC	xã Bình Lăng	H. Thông Nông	22° 43' 21"	105° 57' 39"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
xóm Bó Thầu	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 14"	105° 53' 36"					F-48-32-B+20-D
xóm Khau Dưa	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 51' 45"					F-48-32-B+20-D
suối Khau Dưa	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 54"	105° 51' 32"	22° 53' 39"	105° 52' 48"	F-48-32-B+20-D
suối Khau Dưa	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 39"	105° 51' 32"	22° 53' 39"	105° 52' 48"	F-48-32-B+20-D
Khuổi Sỏi	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 27"	105° 52' 10"					F-48-32-B+20-D
suối Khuổi Sỏi	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 54"	105° 51' 53"	22° 54' 41"	105° 53' 06"	F-48-32-B+20-D
Lũng Giàng	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 11"	105° 51' 18"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rý	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 56' 05"	105° 53' 26"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Suối	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 14"	105° 51' 53"					F-48-32-B+20-D
Lũng Vai	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 35"	105° 54' 07"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ca	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 54"	105° 53' 52"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Cuồn	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 53' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ẽn	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 19"	105° 54' 00"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rải	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 12"	105° 53' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rào	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 59"	105° 53' 36"					F-48-32-B+20-D
núi Nà Tênh	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 11"	105° 51' 23"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Đồng	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 41"	105° 53' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Dưa	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 36"	105° 53' 56"					F-48-32-B+20-D
Nặm Hùm	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 51"	105° 51' 51"					F-48-32-B+20-D
đầy núi Nặm Hùm	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 48"	105° 50' 52"					F-48-32-B+20-D
núi Nặm Hùm	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 32"	105° 51' 30"					F-48-32-B+20-D
xóm Ngườm Quốc	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 54"	105° 52' 49"					F-48-32-B+20-D
xóm Phia Rặc	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 55"	105° 53' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiang Pán	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 22"	105° 53' 11"					F-48-32-B+20-D
thung lũng Rì	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 06"	105° 53' 22"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
lũng Suối	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 06"	105° 51' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Thua Bó	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 05"	105° 51' 53"					F-48-32-B+20-D
đường tỉnh 204	KX	xã Cần Yên	H. Thông Nông			22° 54' 32"	105° 55' 49"			F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ai	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông							
xóm Bản Gải	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 31"	105° 54' 42"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ngâm	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 56"	105° 55' 05"					F-48-32-B+20-D
sườn Bản Ngâm	TV	xã Cần Yên	H. Thông Nông							
Bó Chà	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 11"	105° 55' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Bó Ràng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 04"	105° 54' 27"					F-48-32-B+20-D
Cải Duồng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 55' 22"					F-48-32-B+20-D
Đồn biên phòng Cần Yên	KX	xã Cần Yên	H. Thông Nông			22° 54' 54"	105° 54' 27"			F-48-32-B+20-D
núi Chơ Cù	SV	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 04"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Dê Cốc	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 01"	105° 55' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Duồng Có	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông							
xóm Ka Rinh	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 47"	105° 54' 46"					F-48-32-B+20-D
Keng Lôi	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 19"	105° 55' 57"					F-48-32-B+20-D
Kì Chà	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 52' 52"	105° 54' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Búng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 52' 42"	105° 54' 13"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khoang	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 55"	105° 54' 31"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuông	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 23"	105° 54' 53"					F-48-32-B+20-D
Lũng Mưởng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 32"	105° 54' 53"					F-48-32-B+20-D
Lũng Pủ	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 37"	105° 55' 33"					F-48-32-B+20-D
Mò Lương	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 51"	105° 54' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Dống	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 52' 56"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
thung lũng Nà Khau Siem	SV	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 56' 18"	105° 54' 22"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Nà Lũng	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 55' 40"	105° 54' 55"					F-48-32-B+20-D
Nà Mù	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 54' 19"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Páng	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 53' 44"	105° 55' 15"					F-48-32-B+20-D
cầu Nà Páng	KX	xã Cầm Yên	H. Thông Nông			22° 53' 40"	105° 55' 49"			F-48-32-B+20-D
xóm Nà Phạc	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 56' 11"					F-48-32-B+20-D
Nà Rải	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 54' 11"	105° 54' 46"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Thín	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 54' 34"	105° 54' 32"					F-48-32-B+20-D
sông Nà Thín	TV	xã Cầm Yên	H. Thông Nông			22° 56' 33"	105° 53' 59"	22° 52' 43"	105° 56' 04"	F-48-32-B+20-D
thung lũng Nà Toàn	SV	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 55' 55"	105° 54' 45"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Vải	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 54' 19"					F-48-32-B+20-D
sườn Nặm Đông	TV	xã Cầm Yên	H. Thông Nông			22° 54' 30"	105° 54' 47"	22° 54' 29"	105° 54' 28"	F-48-32-B+20-D
Pà Rả	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 55' 11"	105° 55' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Phia Đén	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 53' 59"	105° 56' 29"					F-48-32-B+20-D
Sóc Sinh	DC	xã Cầm Yên	H. Thông Nông	22° 53' 06"	105° 54' 52"					F-48-32-B+20-D
cầu Tả Chia	KX	xã Cầm Yên	H. Thông Nông			22° 54' 32"	105° 54' 47"			F-48-32-B+20-D
đường tỉnh 204	KX	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 47' 45"	105° 59' 20"	22° 50' 25"	105° 57' 04"	F-48-32-B+20-D; 33-A+21-C
xóm Bắc Đại	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 27"	105° 59' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chang	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 59"	105° 58' 22"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Giảng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 44"	105° 58' 11"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ruộm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 50' 03"	105° 57' 22"					F-48-32-B+20-D
sườn Bản Ruộm	TV	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 49' 57"	105° 57' 21"	22° 49' 09"	105° 57' 51"	F-48-32-B+20-D
xóm Bó Búa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 28"	105° 57' 03"					F-48-32-B+20-D
Cầu Xum	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 25"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Cuối	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 33"	105° 59' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Khuyết	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 45"	105° 58' 54"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Đà Sa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 26"	105° 58' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Khuổi Mò	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 28"	106° 00' 53"					F-48-33-A+21-C
núi Khuổi Mò	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 58' 07"					F-48-32-B+20-D
suối Khuổi Ngựa	TV	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 49' 44"	105° 59' 08"	22° 48' 12"	105° 58' 56"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Đầy	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
núi Lũng Đầy	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 12"	105° 57' 27"					F-48-32-B+20-D
Lũng Duồm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 09"	105° 56' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Hoàng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Khinh	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 50' 14"	106° 00' 15"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lừa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 56"	106° 01' 56"					F-48-33-A+21-C
Lũng Pán	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 25"	105° 56' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rý	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 48"	105° 56' 14"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Tân	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 58"	105° 57' 21"					F-48-32-B+20-D
đèo M8 Quỳnh	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 03"	106° 02' 07"					F-48-32-B+20-D
núi Mai Chương	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 52"	105° 58' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Khau	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 42"	105° 58' 51"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ngâm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 51"	106° 00' 33"					F-48-33-A+21-C
Nà Ngàn	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 50"	106° 00' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pá	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
xóm Nà Pài	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 30"	105° 57' 46"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Thôn	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
xóm Pác Ngâm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 20"	105° 55' 11"					F-48-32-B+20-D
Phía Tộc	KK	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
xóm Phía Viêng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 00"	106° 00' 57"					F-48-33-A+21-C
núi Pù Pàng	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 05"	105° 59' 32"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
sông Rế Rào	TV	xã Ba Thông	H. Thông Nông			22° 49' 57"	105° 57' 56"	22° 47' 46"	105° 59' 33"	F-48-32-B+20-D
núi Tân Hạ	SV	xã Ba Thông	H. Thông Nông	22° 47' 55"	105° 57' 12"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Páng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
suối Dê Rào	TV	xã Lương Can	H. Thông Nông			22° 46' 29"	105° 59' 38"	22° 44' 43"	106° 02' 17"	F-48-32-B+20-D
xóm Đồng Mây	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 15"	106° 02' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Gặm Đầu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 58"	106° 01' 32"					F-48-33-C
núi Kéo Vung	SV	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 20"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Khuổi Xóm	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
xóm Láng Can	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 21"	106° 01' 22"					F-48-33-A+21-C
Lũng Đầy	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 20"	106° 00' 28"					F-48-33-C
Lũng Nhùng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 18"	106° 01' 03"					F-48-33-C
xóm Lũng Pàn	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
Lũng Riềm	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 23"	105° 59' 17"					F-48-32-B+20-D
xóm Nhà Chĩa	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 43"	106° 00' 27"					F-48-33-A+21-C
Nà Diểu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 53"	105° 59' 55"					F-48-32-B+20-D
Nà Duồng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 42"	106° 00' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhà Pịa (Nhà Pịa)	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 18"	106° 00' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhà Sai	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 46' 01"	105° 59' 48"					F-48-32-B+20-D
Nà Tấu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 50"	106° 02' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhà Tiểu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
xóm Nhà Việt	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 21"	106° 00' 46"					F-48-33-A+21-C
Pác Páo	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 10"	105° 59' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Thín - Lũng Đầy	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
núi Thín Phán	SV	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 46' 45"	106° 02' 32"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 204	KK	xã Lương Thông	H. Thông Nông			22° 50' 25"	105° 57' 04"	22° 52' 43"	105° 56' 05"	F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bán Giế	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
Bán Lịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 54"	105° 57' 04"					F-48-32-B+20-D
xóm Bán Rịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
Bó Kiến	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 23"	105° 56' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cản Thôn	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Đồng Chia	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 52"	105° 56' 19"					F-48-32-B+20-D
xóm Giế	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 02"	105° 56' 33"					F-48-32-B+20-D
núi Giế Gà	SV	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 36"	105° 57' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Lòn Phìn	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 12"	105° 53' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Cỏ	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 53' 14"	105° 57' 58"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Dầy	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Khoen	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Kiến	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 26"	105° 55' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Nấp	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Páo	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Po	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 51"	105° 55' 18"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 37"	105° 56' 18"					F-48-32-B+20-D
Lũng Súng	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 00"	105° 58' 17"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Toàn	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 00"	105° 58' 28"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Tôm	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Tỷ	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 35"	105° 52' 13"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vai	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 53' 39"	105° 58' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ke	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Nà Tôm	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 42"	105° 57' 37"					F-48-32-B+20-D
Nham Táo	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 49' 59"	105° 58' 41"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nội Phan	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 21"	105° 58' 05"					F-48-32-B+20-D
Phan Nọc	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 19"	105° 57' 58"					F-48-32-B+20-D
xóm Rộc Ray	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 49' 55"	105° 55' 22"					F-48-32-B+20-D
đống Rẻ Rào	TV	xã Lương Thông	H. Thông Nông			22° 52' 45"	105° 58' 01"	22° 49' 57"	105° 57' 58"	F-48-32-B+20-D
xóm Tả Bắc	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 48"	105° 55' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Tẻnh Khoang	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 53"	105° 57' 26"					F-48-32-B+20-D
núi Thua Bó	SV	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 52"	105° 52' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Trá Dù	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 39"	105° 53' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Bó Mọc	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 22"	105° 53' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Phát	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
Kéo Than	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 56"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
Lũng Khẩu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 25"	105° 54' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Nặm	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
xóm Lũng Nhùng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 57' 27"					F-48-32-B+20-D
Lũng Phiêng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 53"	105° 54' 31"					F-48-32-B+20-D
Lũng Phục	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 42"	105° 55' 04"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tó	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 35"	105° 56' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vắn	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 45' 47"	105° 58' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Xi Tung	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 49' 27"	105° 52' 26"					F-48-32-B+20-D
Mản Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 48"	105° 58' 56"					F-48-32-B+20-D
Mản Thượng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 51"	105° 58' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Ngựa	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 32"	105° 54' 55"					F-48-32-B+20-D
Ngưôm Nặm	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 49' 00"	105° 54' 03"					F-48-32-B+20-D
núi Ốc Phẫu	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 08"	105° 55' 48"					F-48-32-B+20-D
núi Phốt Phìn	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 15"	105° 54' 16"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Phụng Phục	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
Phụng Lũng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 50' 03"	105° 52' 58"					F-48-32-B+20-D
núi Phụng Lũng	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 50' 15"	105° 52' 35"					F-48-32-B+20-D
Rừng Khieu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 03"	105° 54' 17"					F-48-32-B+20-D
xóm Tân Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 26"	105° 57' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Tân Hầu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
Tận Thín	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 18"	105° 56' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Tân Thượng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 33"	105° 55' 59"					F-48-32-B+20-D
núi Thôn Cản	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 10"	105° 56' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Thượng Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
xóm Găng Thượng Hạ	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 43' 16"	105° 56' 25"					F-48-32-D
xóm Bản Đor (Bản Đaur)	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 40"	105° 57' 13"					F-48-32-D
xóm Bản Tơ (Bản Tầu)	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 12"	105° 56' 20"					F-48-32-D
sườn Cầu Pén	TV	xã Thanh Long	H. Thông Nông			22° 43' 22"	105° 56' 25"	22° 43' 56"	105° 56' 28"	F-48-32-D
núi Cốc Tầm	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 27"	105° 56' 02"					F-48-32-D
núi Cốc Tóng	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 56' 24"					F-48-32-B+20-D
núi Kéng Trong	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 56"	105° 57' 05"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Chùm	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 23"	105° 57' 19"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vấy	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 01"	105° 57' 22"					F-48-32-D
xóm Mường Mẩn	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 45"	105° 56' 03"					F-48-32-D
xóm Nà Hầu	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 37"	105° 57' 09"					F-48-32-B+20-D
sườn Pắc Chảo	TV	xã Thanh Long	H. Thông Nông			22° 44' 21"	105° 55' 37"	22° 43' 56"	105° 56' 28"	F-48-32-D
núi Phia Lác	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 30"	105° 57' 43"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Sắn	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 43' 40"	105° 56' 36"					F-48-32-D
xóm Sóc Lạn	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 17"	105° 56' 51"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Táp Tề	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 46"	105° 56' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Tấn Phong	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 20"	105° 57' 59"					F-48-32-D
xóm Táp Nà	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 30"	105° 56' 51"					F-48-32-D
núi Thảm Cán	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 46' 10"	105° 56' 58"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chang	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 21"	105° 56' 40"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Đơ (Bản Đầu)	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông							
Cốc Căng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 44"	105° 56' 36"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lại	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 32"	105° 57' 12"					F-48-32-B+20-D
xóm Keng Lôi	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 57' 00"					F-48-32-B+20-D
xóm Khuổi Rệp	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 55' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Chi	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 16"	105° 56' 19"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Chi	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 31"	105° 56' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Gà	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 57' 07"					F-48-32-B+20-D
Lũng Ngầm	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 16"	105° 56' 40"					F-48-32-B+20-D
đầy núi Lũng Nhảm	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 20"	105° 58' 20"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tinh	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 54"	105° 56' 02"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Vai	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 21"	105° 58' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vải	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 56"	105° 55' 40"					F-48-32-B+20-D
thung lũng Mươi	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 31"	105° 56' 56"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Lin	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 12"	105° 56' 34"					F-48-32-B+20-D
sườn Nà Ri	TV	xã Vị Quang	H. Thông Nông			22° 56' 26"	105° 56' 36"	22° 54' 55"	105° 56' 32"	F-48-32-B+20-D
xóm Nà Sơ	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 36"	105° 56' 40"					F-48-32-B+20-D
xóm Phia Búng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 57"	105° 56' 45"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Búng	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 56' 20"	105° 57' 03"					F-48-32-B+20-D
Phia Hoàng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 53"	105° 56' 20"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phía Nội	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 56' 14"	105° 56' 04"					F-48-32-B+20-D
dãy núi Pò Minh	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 33"	105° 57' 40"					F-48-32-B+20-D
xóm Sam Kha	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 22"	105° 58' 03"					F-48-32-B+20-D
núi Thằng Nura	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 15"	105° 58' 02"					F-48-32-B+20-D
A Lin	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 36"	105° 52' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Bó Rọc	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 42"	105° 54' 57"					F-48-32-B+20-D
núi Can Phô	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 30"	105° 51' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Choọc Mòn	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 55' 36"					F-48-32-B+20-D
núi Cốc Khê	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 54"	105° 55' 46"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lũng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 00"	105° 54' 15"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Trà	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 59"	105° 54' 28"					F-48-32-B+20-D
Kéo Bao	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 53' 08"					F-48-32-B+20-D
xóm Khao Hạ	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông							
xóm Khao Thượng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 44"	105° 55' 45"					F-48-32-B+20-D
Lũng Giàng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 43"	105° 52' 20"					F-48-32-B+20-D
Lũng Mùng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 02"	105° 55' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Cốp	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 43"	105° 55' 45"					F-48-32-B+20-D
xóm Ngâm Vang	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông							
núi Phạt Phìn	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 15"	105° 54' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Pù Cút	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 20"	105° 51' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Vải Thai	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 26"	105° 52' 18"					F-48-32-B+20-D
tổ dân phố 1	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh							
tổ dân phố 2	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh							
tổ dân phố 3	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh							
đường tỉnh 205	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 49' 08"	106° 19' 26"	22° 52' 38"	106° 19' 14"	F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
đường tỉnh 210	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh			22° 49' 45"	106° 18' 58"	22° 49' 45"	106° 19' 17"	F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh			22° 49' 48"	106° 19' 18"	22° 51' 02"	106° 20' 09"	F-48-33-B
xóm Bản Hĩa	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 52' 16"	106° 19' 35"					F-48-33-B
cầu Bản Hĩa	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 52' 22"	106° 19' 20"					F-48-33-B
xóm Bản Khun	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 49' 51"	106° 20' 06"					F-48-33-B
cầu Bản Lang	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 51' 25"	106° 19' 10"					F-48-33-B
xóm Bản Lang - Nà Mương	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 51' 15"	106° 19' 04"					F-48-33-B
xóm Cốc Càng	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 50' 34"	106° 19' 59"					F-48-33-B
xóm Cốc Khoác	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 50' 07"	106° 19' 36"					F-48-33-B
xóm Háng Páo	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 51' 35"	106° 19' 14"					F-48-33-B
núi Kéo Lọc	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 52' 27"	106° 17' 31"					F-48-33-B
đèo Kéo Sắn	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 51' 02"	106° 20' 09"					F-48-33-B
đồi Khau Sắng	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 49' 49"	106° 20' 31"					F-48-33-B
Khuổi Phắc (Khuổi Phắc)	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 50' 12"	106° 20' 02"					F-48-33-B
núi Lũng Cuối	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 51' 20"	106° 20' 03"					F-48-33-B
xóm Nà Đơng	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 51' 55"	106° 19' 13"					F-48-33-B
xóm Nà Khoang	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 49' 50"	106° 19' 20"					F-48-33-B
xóm Nà Quan	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh							
xóm Nà Rạo	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 50' 16"	106° 19' 39"					F-48-33-B
xóm Nà Thầu	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 49' 20"	106° 19' 20"					F-48-33-B
núi Pải Nhũng	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 51' 53"	106° 19' 51"					F-48-33-B
suối Phai Can	TV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh			22° 52' 08"	106° 18' 50"	22° 52' 26"	106° 19' 19"	F-48-33-B
xóm Pò Khao	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh							
xóm Pò Rẫy	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 51' 35"	106° 18' 56"					F-48-33-B
Tổng Lương	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Linh	22° 49' 34"	106° 20' 12"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tổng Mòng	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 58"	106° 19' 17"					F-48-33-B
sườn Trà Lĩnh	TV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 51' 27"	106° 19' 08"	22° 49' 08"	106° 19' 27"	F-48-33-B
cầu Trà Lĩnh	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 48"	106° 19' 22"					F-48-33-B
cửa khẩu Trà Lĩnh	XX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 25"	106° 19' 19"					F-48-33-B
đường tỉnh 205	KX	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 45' 57"	106° 20' 10"	22° 49' 08"	106° 19' 26"	F-48-33-B
xóm Bản Líp	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 50"	106° 20' 10"					F-48-33-B
xóm Bản Pát 1	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 46' 43"	106° 20' 17"					F-48-33-B
xóm Bản Pát 2	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 13"	106° 20' 17"					F-48-33-B
xóm Đồng Cỏ	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 30"	106° 19' 08"					F-48-33-B
xóm Đồng Giải	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 29"	106° 19' 47"					F-48-33-B
xóm Đồng Khảm	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 48"	106° 19' 45"					F-48-33-B
xóm Đồng Vực	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 24"	106° 19' 40"					F-48-33-B
Kéo Nạc	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 49' 01"	106° 19' 26"					F-48-33-B
xóm Khuổi Luông	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 48"	106° 19' 13"					F-48-33-B
sườn Khuổi Rì	TV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 47' 18"	106° 20' 53"	22° 46' 35"	106° 21' 09"	F-48-33-B
xóm Lũng Hang - Lũng Mươi	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 25"	106° 18' 40"					F-48-33-B
Lũng Ông	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 10"	106° 18' 45"					F-48-33-B
miếu Nà An	KX	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh							
Nà Ma	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 09"	106° 18' 25"					F-48-33-B
xóm Nà Rài	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 14"	106° 19' 58"					F-48-33-B
xóm Nà Rý	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 43"	106° 20' 06"					F-48-33-B
xóm Nà Ý	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 39"	106° 19' 33"					F-48-33-C
xóm Phà Đeng - Lũng Mản	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 50"	106° 18' 46"					F-48-33-B
xóm Pò Gọt	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 51"	106° 19' 47"					F-48-33-B
xóm Pò Luông	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 59"	106° 20' 15"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thâm Sa	DC	xã Cao Chương	H. Trà Linh	22° 48' 14"	106° 18' 57"					F-48-33-B
suối Thâm Tùng	TV	xã Cao Chương	H. Trà Linh			22° 46' 07"	106° 20' 42"	22° 48' 35"	10° 62' 19"	F-48-33-B
lũng Thảng Hoi	SV	xã Cao Chương	H. Trà Linh	22° 48' 41"	106° 17' 51"					F-48-33-B
xóm Thang Sập	DC	xã Cao Chương	H. Trà Linh	22° 47' 16"	106° 19' 25"					F-48-33-B
xóm Tổng Sóng	DC	xã Cao Chương	H. Trà Linh							
sông Trà Linh	TV	xã Cao Chương	H. Trà Linh			22° 49' 08"	106° 19' 27"	22° 48' 34"	106° 18' 25"	F-48-33-B
đường tỉnh 210	KX	xã Cô Mứi	H. Trà Linh			22° 53' 27"	106° 13' 51"	22° 51' 02"	106° 17' 03"	F-48-34-B; F-48-33-A+21-C
xóm Bản Tám	DC	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 51' 27"	106° 16' 21"					F-48-33-B
xóm Bó Hoạt	DC	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 52' 57"	106° 14' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Cô Mứi	DC	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 52' 13"	106° 15' 17"					F-48-33-B
xóm Cô Tô A	DC	xã Cô Mứi	H. Trà Linh							F-48-33-A+21-C
xóm Cô Tô B	DC	xã Cô Mứi	H. Trà Linh							F-48-33-A+21-C
núi Cốc Toáng	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 51' 47"	106° 15' 22"					F-48-33-B
núi Đàn Khao	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 51' 05"	106° 16' 06"					F-48-33-B
núi Dấu Nà	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 53' 33"	106° 14' 26"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Kim	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 52' 16"	106° 15' 42"					F-48-33-B
núi Lũng Nhũng	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 51' 52"	106° 16' 30"					F-48-33-B
núi Lũng Phước	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 52' 41"	106° 14' 00"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Riêm	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 52' 25"	106° 13' 39"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Sáng	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 51' 31"	106° 14' 45"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Tạc	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 52' 04"	106° 14' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Táo	DC	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 52' 07"	106° 16' 30"					F-48-33-B
đáy núi Nà Chiu	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 51' 49"	106° 16' 00"					F-48-33-B
núi Thông Lý	SV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 53' 13"	106° 14' 46"					F-48-33-A+21-C
suối Thông Lý	TV	xã Cô Mứi	H. Trà Linh			22° 53' 27"	106° 13' 56"	22° 51' 01"	106° 17' 02"	F-48-33-A+21-C; F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Vạc Khoang	DC	xã Cô Mứi	H. Trà Linh	22° 52' 24"	106° 14' 47"					F-48-33-A+21-C
Chí Tổng	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh							
xóm Đàn Khao - Pắc Tĩnh	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 56"	106° 16' 24"					F-48-33-B
núi Hải Lũng	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 46' 43"	106° 17' 19"					F-48-33-B
núi Hung Rì	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 47"	106° 14' 07"					F-48-33-A+21-C
núi Linh	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 47' 39"	106° 16' 43"					F-48-33-B
xóm Lũng Cướm	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 11"	106° 17' 14"					F-48-33-B
núi Lũng Đeng	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 25"	106° 17' 22"					F-48-33-B
núi Lũng Khuyển	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 49' 17"	106° 15' 56"					F-48-33-B
xóm Lũng Mu - Lũng Tháy	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 47' 30"	106° 17' 21"					F-48-33-B
xóm Lũng Nhùng - Đổng Đeng	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 23"	106° 15' 12"					F-48-33-B
xóm Lũng Pán	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 48"	106° 16' 42"					F-48-33-B
xóm Lũng Rươi - Lũng Vuộc	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 47' 40"	106° 15' 34"					F-48-33-B
xóm Lũng Rỳ - Khôn Rà	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 49' 02"	106° 15' 14"					F-48-33-B
núi Lũng Thá	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 47' 22"	106° 16' 11"					F-48-33-B
núi Lũng Thá	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 47' 53"	106° 16' 13"					F-48-33-B
xóm Lũng Tổ - Lũng Rặt	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 09"	106° 15' 46"					F-48-33-B
núi Lũng Ý	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 19"	106° 15' 41"					F-48-33-B
xóm Phia Đeng-Lũng Quyn	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Linh	22° 48' 36"	106° 17' 33"					F-48-33-B
đường tỉnh 210	KK	xã Quang Hán	H. Trà Linh			22° 49' 45"	106° 18' 58"	22° 41' 02"	106° 17' 03"	F-48-33-B
xóm Bản Lúa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Linh	22° 50' 26"	106° 18' 35"					F-48-33-B
xóm Bản Mực	DC	xã Quang Hán	H. Trà Linh	22° 50' 49"	106° 17' 40"					F-48-33-B
núi Đản	SV	xã Quang Hán	H. Trà Linh	22° 50' 32"	106° 17' 46"					F-48-33-B
xóm Đồng Rĩa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Linh	22° 51' 07"	106° 18' 40"					F-48-33-B
xóm Giộc Đầm	DC	xã Quang Hán	H. Trà Linh	22° 50' 02"	106° 18' 24"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
núi Khau Hân	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 41"	106° 18' 45"					F-48-33-B
xóm Khau Phái	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 51' 12"	106° 17' 51"					F-48-33-B
sườn Khuổi Luông	TV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh			22° 52' 10"	106° 17' 14"	22° 51' 19"	106° 18' 48"	F-48-33-B
núi Lũng Vường	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 33"	106° 17' 57"					F-48-33-B
xóm Lũng Dục - Lũng Quang	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh							
núi Lũng Dẻ	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 15"	106° 18' 57"					F-48-33-B
xóm Lũng Hoài	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 48' 49"	106° 18' 09"					F-48-33-B
núi Lũng Hoài	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 01"	106° 17' 51"					F-48-33-B
núi Lũng Nhùng	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 51' 25"	106° 16' 48"					F-48-33-B
Lũng Pịa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 50"	106° 17' 02"					F-48-33-B
xóm Nà Pò	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 53"	106° 17' 45"					F-48-33-B
xóm Niếng Dơ (Niếng Đâu)	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 05"	106° 18' 17"					F-48-33-B
xóm Niếng Nọc	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh							
xóm Pà Dỏ - Lũng Nặm	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh							
xóm Pò Khoang	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 52"	106° 18' 42"					F-48-33-B
xóm Pò Mán	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 43"	106° 18' 28"					F-48-33-B
xóm Rông Búa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh							
Rông Rắc	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 29"	106° 17' 28"					F-48-33-B
núi Sam Sậu	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 52' 05"	106° 17' 22"					F-48-33-B
xóm Thín Phong	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 51' 43"	106° 17' 03"					F-48-33-B
sườn Thổng Lý	TV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh			22° 51' 01"	106° 17' 02"	22° 49' 32"	106° 18' 59"	F-48-33-B
xóm Vừng Bền	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 44"	106° 18' 50"					F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh			22° 49' 36"	106° 22' 36"	22° 50' 03"	106° 26' 47"	F-48-33-B
sông Bắc Vọng	TV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh			22° 50' 53"	106° 24' 40"	22° 49' 21"	106° 26' 37"	F-48-33-B
xóm Bản Chang	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 48' 57"	106° 24' 47"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bân Ga - Ruồng Khuất	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 49' 23"	106° 24' 55"					F-48-33-B
xóm Bân Ngăn	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 49' 39"	106° 23' 49"					F-48-33-B
xóm Búng Ổ	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 50' 43"	106° 24' 43"					F-48-33-B
núi Cầm Chông	SV	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 50' 02"	106° 22' 58"					F-48-33-B
xóm Cốc Chì	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 49' 49"	106° 23' 49"					F-48-33-B
núi Cốc Phất	SV	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 50' 17"	106° 23' 41"					F-48-33-B
núi Động Mèo	SV	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 50' 30"	106° 25' 40"					F-48-33-B
xóm Lạn Trên - Lạn Dưới	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 49' 07"	106° 23' 30"					F-48-33-B
núi Lũng Bàng	SV	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 49' 38"	106° 22' 59"					F-48-33-B
xóm Lũng Ngựa	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh							
Nga Ham	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 49' 16"	106° 26' 19"					F-48-33-B
xóm Ngà Tư Mỏ - Tầng Giuởm	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 49' 26"	106° 24' 21"					F-48-33-B
xóm Pắc Rính - Kéo Hào	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 50' 46"	106° 23' 10"					F-48-33-B
núi Rừa	SV	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 50' 37"	106° 22' 46"					F-48-33-B
xóm Sác Hạ	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh							
xóm Sác Thượng - Cốc Đưa	DC	xã Quang Trung	H. Trà Linh	22° 50' 16"	106° 25' 26"					F-48-33-B
xóm Bô Khôn	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 51' 23"	106° 13' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Cầm Pảng	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 50' 47"	106° 13' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Lạc Hiện	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 49' 33"	106° 13' 56"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Bàng	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 48' 37"	106° 13' 15"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Cuối	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 50' 23"	106° 15' 44"					F-48-33-B
xóm Lũng Cuối - Rừng Hổng	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 50' 35"	106° 15' 04"					F-48-33-B
xóm Lũng Đản	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 50' 39"	106° 12' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 50' 35"	106° 16' 35"					F-48-33-B
xóm Lũng Khoen	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Linh	22° 49' 14"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Luông	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 03"	106° 15' 00"					F-48-33-B
xóm Lũng Nà	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 02"	106° 14' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Nặm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 42"	106° 14' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Pàn	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 51"	106° 15' 56"					F-48-33-B
núi Lũng Pục	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 09"	106° 14' 15"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Rọc	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 04"	106° 14' 20"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Sảng	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 07"	106° 15' 13"					F-48-33-B
xóm Lũng Xồm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 24"	106° 13' 39"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Xồm	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 00"	106° 13' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Hoắm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 24"	106° 15' 37"					F-48-33-B
núi Thảng Nà	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 48' 33"	106° 12' 52"					F-48-33-A+21-C
quốc lộ 3	KX	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh			22° 42' 58"	106° 21' 15"	22° 43' 11"	106° 19' 54"	F-48-33-D
đường tỉnh 205	KX	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh			22° 43' 51"	106° 20' 06"	22° 45' 57"	106° 20' 10"	F-48-33-B;33-D
xóm Bản Danh	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 50"	106° 19' 09"					F-48-33-B
xóm Bản Quang	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 44"	106° 19' 35"					F-48-33-B
xóm Cao Xuyên	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 44"	106° 20' 40"					F-48-33-D
xóm Cốc Phát	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 06"	106° 20' 01"					F-48-33-D
xóm Khau Rặc	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 48"	106° 20' 27"					F-48-33-D
núi Lũng Đầy	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 47"	106° 17' 27"					F-48-33-B
xóm Lũng Đầy Dưới	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 20"	106° 18' 20"					F-48-33-B
xóm Lũng Đầy Trên - Lũng Ty	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 54"	106° 18' 30"					F-48-33-D
xóm Lũng Giang	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 13"	106° 19' 22"					F-48-33-D
núi Lũng Lặng	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 03"	106° 19' 59"					F-48-33-B
xóm Lũng Riệp	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 13"	106° 19' 23"					F-48-33-B
núi Lũng Riệp	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 15"	106° 18' 51"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Sếp	DC	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 44' 19"	106° 19' 55"					F-48-33-D
xóm Lũng Táo	DC	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 45' 40"	106° 18' 35"					F-48-33-B
xóm Lũng Úc - Lũng Lặng	DC	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 45' 38"	106° 20' 23"					F-48-33-B
đèo Mả Phục	SV	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 43' 46"	106° 20' 06"					F-48-33-D
núi Man Hoàng	SV	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 45' 18"	106° 21' 11"					F-48-33-B
xóm Nhôm Nhâm	DC	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 43' 03"	106° 20' 22"					F-48-33-D
xóm Pác Vầu	DC	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 43' 17"	10° 62' 12"					F-48-33-D
hồ Thằng Hên	TV	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 45' 38"	106° 17' 29"					F-48-33-B
hồ Thằng Luông	TV	xã Quốc Toàn	H. Trà Lĩnh	22° 46' 07"	106° 17' 29"					F-48-33-B
sông Bắc Vọng	TV	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh			22° 53' 02"	106° 22' 50"	22° 50' 53"	106° 24' 40"	F-48-33-B
xóm Bần Soa	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 35"	106° 23' 45"					F-48-33-B
Bản Thín	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 09"	106° 22' 59"					F-48-33-B
xóm Bình Chính Dưới	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 18"	106° 25' 37"					F-48-33-B
xóm Bình Chính Trên	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 09"	106° 25' 21"					F-48-33-B
núi Cỏ Rì	SV	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 31"	106° 24' 35"					F-48-33-B
xóm Đồng Cầm	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh							F-48-33-B
núi Khau Lượi	SV	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 55"	106° 25' 32"					F-48-33-B
xóm Kũng Kẹo	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 40"	106° 22' 47"					F-48-33-B
núi Lũng Ai	SV	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 40"	106° 21' 35"					F-48-33-B
xóm Lũng Láo	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh							
xóm Lũng Nậm	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 18"	106° 21' 42"					F-48-33-B
Lũng Nậm Nưa	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 38"	106° 21' 51"					F-48-33-B
xóm Lũng Nạp	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 32"	106° 24' 14"					F-48-33-B
xóm Lũng Phẫu	DC	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 13"	106° 22' 24"					F-48-33-B
núi Lũng Rười	SV	xã Trĩ Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 13"	106° 24' 43"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Thiện - Lũng Pầu	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 20"	106° 21' 57"					F-48-33-B
xóm Nà Đán	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 47"	106° 23' 09"					F-48-33-B
suối Nà Đán	TV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh			22° 51' 01"	106° 22' 46"	22° 51' 31"	106° 21' 54"	F-48-33-B
xóm Nà Giốc	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 11"	106° 23' 26"					F-48-33-B
núi Nà Giốc	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 23"	106° 23' 41"					F-48-33-B
xóm Nà Hân	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 26"	106° 22' 57"					F-48-33-B
suối Nà Hân	TV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh			22° 50' 59"	106° 22' 51"	22° 51' 48"	106° 23' 29"	F-48-33-B
xóm Pác Sòa	DC	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 16"	106° 23' 48"					F-48-33-B
núi Pác Tây	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 49"	106° 22' 14"					F-48-33-B
núi Pác Nặm	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 28"	106° 24' 59"					F-48-33-B
dồi Rí Thằng	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 00"	106° 23' 38"					F-48-33-B
núi Thành Gà	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 15"	106° 22' 13"					F-48-33-B
núi Thành Gà	SV	xã Trí Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 10"	106° 21' 34"					F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh			22° 51' 02"	106° 20' 09"	22° 49' 36"	106° 22' 36"	F-48-33-B
xóm Bản Khuổi - Lũng Rả	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 27"	106° 22' 02"					F-48-33-B
Bản Mán	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 25"	106° 21' 28"					F-48-33-B
núi Chang Răng	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 00"	106° 21' 47"					F-48-33-B
xóm Đồng Luông	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 09"	106° 21' 48"					F-48-33-B
thung lũng Hoài	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 18"	106° 22' 08"					F-48-33-B
núi Keng Đuổng	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 32"	106° 23' 11"					F-48-33-B
núi Khau Săng	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 49"	106° 21' 56"					F-48-33-B
xóm Lân Hoài - Tơ Kéo (Lũng Hoài - Tầu Kéo)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 38"	106° 22' 09"					F-48-33-B
núi Lũng Giảo	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 22"	106° 21' 13"					F-48-33-B
xóm Lũng Nọc	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
núi Lũng Rí	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 08"	106° 22' 30"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
Lũng Riềm	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 36"	106° 21' 54"					F-48-33-B
xóm Lũng Tung	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 55"	106° 20' 23"					F-48-33-B
xóm Mán Đor (Mán Đầu)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 57"	106° 21' 24"					F-48-33-B
Mán Nọc	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 29"	106° 21' 10"					F-48-33-B
xóm Máng	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 54"	106° 21' 12"					F-48-33-B
thung lũng Mười	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 51' 07"	106° 20' 37"					F-48-33-B
núi Nà Giang	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 47' 47"	106° 21' 48"					F-48-33-B
núi Nà Giốc	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 18"	106° 21' 55"					F-48-33-B
núi Nà Léch	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 17"	106° 21' 27"					F-48-33-B
xóm Nà Léch - Nà Rường	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
xóm Nà Ngồn - Lũng Đor (Nà ngồn - Lũng Đầu)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
núi Pác Mác	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 47' 47"	106° 23' 47"					F-48-33-B
xóm Sùm Dưới - Lũng Cống	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							F-48-33-B
xóm Sùm Trên	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							F-48-33-B
đồi Tềnh Ỉt	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 02"	106° 21' 02"					F-48-33-B
đồi Tềnh Nà	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 25"	106° 20' 33"					F-48-33-B
tổ 1	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 2	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 3	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 4	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh	22° 50' 11"	106° 31' 41"					F-48-34-A
tổ 5	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 6	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 7	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 8	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 9	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
lô 10	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
lô 11	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
lô 12	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
lô 13	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
đường tỉnh 206	KX	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh			22° 49' 42"	106° 30' 45"	22° 50' 41"	106° 31' 45"	F-48-34-A
xóm Nặm Lìn	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
xóm Thương Lý	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh	22° 50' 17"	106° 31' 47"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh			22° 48' 49"	106° 30' 22"	22° 49' 42"	106° 30' 45"	F-48-34-A
xóm Bản Chang	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 55"	106° 29' 22"					F-48-33-B
xóm Cốc Chia	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 51"	106° 29' 08"					F-48-33-B
xóm Cốc Lại	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 16"	106° 29' 25"					F-48-33-B
đèo Keng Mạ	SV	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 45"	106° 22' 02"					F-48-33-B
xóm Pác Đồng	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Rao	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 16"	106° 30' 29"					F-48-34-A
xóm Pò Có	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 20"	106° 28' 33"					F-48-33-B
xóm Răng Đin	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh							
xóm Thặng Khê	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 39"	106° 32' 01"					F-48-34-A
xóm Thặng Quốc	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 01"	106° 31' 20"					F-48-34-A
Tỉnh Kha	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 42"	106° 32' 50"					F-48-34-A
xóm Bản Hâu	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 57"	106° 34' 00"					F-48-34-A
xóm Bản Luông	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 47' 11"	106° 34' 58"					F-48-34-A
xóm Bò Lảnh	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 01"	106° 35' 09"					F-48-34-A
xóm Bò Mạ	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 09"	106° 34' 37"					F-48-34-A
xóm Co Rưng - Bản Vạng	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 22"	106° 34' 22"					F-48-34-A
xóm Đồng Sầu - Phia Mạ	DC	xã Cao Thắng	H. Trùng Khánh	22° 48' 31"	106° 34' 37"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Đổng Rìn	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 03"	106° 33' 16"					F-48-34-A
núi Khan Pung	SV	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 48"	106° 34' 23"					F-48-34-A
xóm Lũng Gùng	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 24"	106° 32' 50"					F-48-34-A
xóm Nà Chi	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 51"	106° 34' 47"					F-48-34-A
núi Nà Gà	SV	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 43"	106° 33' 50"					F-48-34-A
xóm Pác Bò	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 47"	106° 32' 52"					F-48-34-A
xóm Pác Lung	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 07"	106° 33' 33"					F-48-34-A
xóm Pác Ra - Lũng Nọi	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 17"	106° 34' 10"					F-48-34-A
xóm Pác Thưởng	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 37"	106° 34' 37"					F-48-34-A
núi Phia Đan	SV	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 25"	106° 35' 53"					F-48-34-A
xóm Phia Lồm	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 54"	106° 34' 27"					F-48-34-A
đồi Phò Chiếu	SV	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 00"	106° 33' 42"					F-48-34-A
xóm Pò Don	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 50"	106° 33' 32"					F-48-34-A
xóm Pò Gáp	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 39"	106° 34' 15"					F-48-34-A
xóm Thang Nà	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 55"	106° 32' 51"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh			22° 49' 17"	106° 35' 44"	22° 50' 14"	106° 39' 24"	F-48-34-A
xóm Bản Hạng	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 16"	106° 38' 19"					F-48-34-A
xóm Bản Khái	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 56"	106° 38' 59"					F-48-34-A
xóm Bản Rượu	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 03"	106° 36' 26"					F-48-34-A
xóm Bản Thay	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 13"	106° 39' 58"					F-48-34-A
xóm Boong Dưới	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 47' 56"	106° 38' 09"					F-48-34-A
xóm Boong Trên	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 10"	106° 38' 46"					F-48-34-A
núi Chiêu Rắc	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 28"	106° 39' 10"					F-48-34-A
xóm Chác Bão	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 02"	106° 37' 14"					F-48-34-A
xóm Đồng Deng	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 09"	106° 38' 21"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Đồng Long	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 33"	106° 38' 24"					F-48-34-A
xóm Đồng Môn	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 50"	106° 39' 12"					F-48-34-A
xóm Đồng Tâm	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 42"	106° 37' 38"					F-48-34-A
núi Đổng Thiên	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 39' 40"					F-48-34-A
xóm Gò Ma	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 44"	106° 38' 08"					F-48-34-A
núi Huyền Chinh	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 49"	106° 36' 02"					F-48-34-A
xóm Kéo Háng	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 38' 08"					F-48-34-A
xóm Lũng Hoại	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 53"	106° 38' 29"					F-48-34-A
xóm Lũng Nội	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 45"	106° 36' 42"					F-48-34-A
xóm Nà Mù	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 11"	106° 39' 06"					F-48-34-A
xóm Nà Sơn	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 07"	106° 37' 41"					F-48-34-A
xóm Nà Tuy	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 03"	106° 38' 38"					F-48-34-A
núi Ngưỡng Páp	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 20"	106° 38' 42"					F-48-34-A
xóm Pác Mác	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 04"	106° 38' 50"					F-48-34-A
xóm Phia Đeng	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 19"	106° 37' 09"					F-48-34-A
xóm Phia Móc	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 21"	106° 37' 44"					F-48-34-A
núi Phia Quăn	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 36' 42"					F-48-34-A
núi Pò Mèo	SV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 20"	106° 38' 16"					F-48-34-A
xóm Pò Tấu	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 31"	106° 37' 44"					F-48-34-A
sông Quỳ Sơn	TV	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh			22° 51' 15"	106° 39' 45"	22° 49' 58"	106° 36' 58"	F-48-34-A
xóm Thanh Lâm	DC	xã Chi Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 38"	106° 37' 22"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 51' 02"	106° 39' 49"	22° 51' 01"	106° 43' 47"	F-48-34-A
xóm Bản Cải	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 21"	106° 40' 45"					F-48-34-A
xóm Bản Chang	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 14"	106° 41' 16"					F-48-34-A
xóm Bản Dít	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 28"	106° 41' 11"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Giốc	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 14"	106° 42' 08"					F-48-34-A
thác Bản Giốc	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 26"	106° 43' 14"					F-48-34-A
xóm Bản Gun - Khuổi Ky	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 32"	106° 42' 15"					F-48-34-A
xóm Bản Nôm	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 00"	106° 42' 05"					F-48-34-A
xóm Bản Nưa	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Phang	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Rạ	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Thuận	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Cỏ Mương	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 34"	106° 42' 38"					F-48-34-A
súi Gun	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 50' 08"	106° 41' 26"	22° 51' 46"	106° 42' 22"	F-48-34-A
xóm Háng Hao	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Kéo Nà	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Kéo Nà	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 55"	106° 40' 05"					F-48-34-A
núi Lũng Deng	SV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 35"	106° 42' 14"					F-48-34-A
xóm Lũng Niếc	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 38"	106° 43' 24"					F-48-34-A
xóm Lũng Phắc 1	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 48"	106° 41' 22"					F-48-34-A
xóm Lũng Phắc 2	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Lũng Phắc 3	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Nà Deng - Lũng Nọi	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 22"	106° 41' 49"					F-48-34-A
động Ngao	SV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	20° 50' 58"	106° 43' 08"					F-48-34-A
sông Quỳ Sơn	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 51' 15"	106° 39' 45"	22° 51' 02"	106° 43' 20"	F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh			22° 52' 31"	106° 35' 06"	22° 53' 18"	106° 35' 36"	F-48-34-A
xóm Bản Chang - Thang Nà	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 08"	106° 32' 31"					F-48-34-A
xóm Bản Đà	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 32"	106° 32' 13"					F-48-34-A
xóm Bình Lang	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 51"	106° 33' 21"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Bó Đa - Khau Gát	DC	xã Đinh Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 07"	106° 32' 56"					F-48-34-A
xóm Khưa Khảo	DC	xã Đinh Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 43"	106° 32' 38"					F-48-34-A
xóm Khưa Nâu - Phia Sạch	DC	xã Đinh Minh	H. Trùng Khánh							
hàng Ngườm Mạ	KX	xã Đinh Minh	H. Trùng Khánh							
núi Phia Luông	SV	xã Đinh Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 13"	106° 31' 59"					F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh			22° 52' 31"	106° 35' 08"	22° 53' 18"	106° 35' 36"	F-48-34-A
xóm Bân Chang - Bân Giang	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 04"	106° 36' 23"					F-48-34-A
xóm Bân Luông	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 11"	106° 36' 29"					F-48-34-A
xóm Bó Thốc	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh							
núi Chông Mu	SV	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 53' 35"	106° 37' 00"					F-48-34-A
xóm Đồng Luông - Chì Chai	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 42"	106° 36' 10"					F-48-34-A
xóm Giảng Gà	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh							
xóm Giốc Giao	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 33"	106° 36' 39"					F-48-34-A
đền Hoàng Lục	KX	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Lũng Nặm	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 25"	106° 37' 42"					F-48-34-A
xóm Nà Sa	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 45"	106° 36' 15"					F-48-34-A
xóm Nà Thoang	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 48"	106° 35' 51"					F-48-34-A
xóm Nộc Cu	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Gọn	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 19"	106° 35' 35"					F-48-34-A
núi Phia Lạng	SV	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 14"	106° 37' 24"					F-48-34-A
sông Quây Sơm	TV	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh			22° 52' 36"	106° 35' 08"	22° 49' 58"	106° 36' 58"	F-48-34-A
xóm Ta Liêng - Hát Pán	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 23"	106° 35' 49"					F-48-34-A
núi Ta Mẩn	SV	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 01"	106° 34' 53"					F-48-34-A
xóm Ta Nang	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 17"	106° 36' 10"					F-48-34-A
thủy điện Thống Cốt	KX	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 07"	106° 36' 52"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Vườn Luông - Ta Mẩn	DC	xã Đinh Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 05"	106° 35' 39"					F-48-34-A
xóm Bân Lũng - Tấp Nà	DC	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 43' 23"	106° 32' 21"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Lo	DC	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 45' 03"	106° 30' 38"					F-48-34-A
xóm Lũng Luông - Lũng Rì	DC	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh							
xóm Nà Quang	DC	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 45' 18"	106° 30' 26"					F-48-34-A
núi Pắc Mác	SV	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 43' 52"	106° 32' 20"					F-48-34-C+D
xóm Pắc Thán (Pải Nà)	DC	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 45' 01"	106° 30' 07"					F-48-34-A
xóm Pò Gài	DC	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 45' 48"	106° 29' 52"					F-48-33-B
núi Sa Yên	SV	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 42' 22"	106° 31' 55"					F-48-34-C+D
núi Săng Cao	SV	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 45' 04"	106° 30' 11"					F-48-34-A
xóm Sộc Hoắc	DC	xã Đoài Cồn	H. Trùng Khánh	22° 45' 43"	106° 30' 19"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh			22° 46' 45"	106° 30' 23"	22° 48' 49"	106° 30' 22"	F-48-33-B
xóm Cổ Phương 1	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 10"	106° 30' 17"					F-48-34-A
xóm Cổ Phương 2	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 10"	106° 30' 17"					F-48-34-A
xóm Đầu Cầu	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 07"	106° 31' 06"					F-48-34-A
núi Lũng Diên	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 18"	106° 29' 31"					F-48-33-B
núi Lũng Mỏ	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 10"	106° 30' 09"					F-48-34-A
xóm Lũng Nà	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 41"	106° 29' 31"					F-48-33-B
xóm Lũng Túng	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
xóm Nà Khiêu	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 31' 57"					F-48-33-B
xóm Nà Ngườm	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 24"	106° 32' 10"					F-48-34-A
xóm Nà Rầy 1	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 02"	106° 31' 25"					F-48-34-A
xóm Nà Rầy 2	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Nà Thía	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 30' 27"					F-48-33-B
núi Pắc Hoang	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 00"	106° 31' 21"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pác Nà	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 39"	106° 30' 46"					F-48-34-A
núi Phia Bàng	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 46' 51"	106° 30' 15"					F-48-34-A
xóm Sộc Khâm - Lũng Mỏn	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh			22° 50' 41"	106° 31' 45"	22° 51' 35"	106° 31' 01"	F-48-34-A
xóm Bản Mới	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 59"	106° 31' 45"					F-48-34-A
xóm Châm Che	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 06"	106° 33' 02"					F-48-34-A
xóm Đà Hoắc	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 36"	106° 31' 25"					F-48-34-A
núi Lũng Cao	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 31"	106° 28' 58"					F-48-33-B
núi Lũng Gân	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 52' 01"	106° 30' 30"					F-48-34-A
xóm Lũng Kít	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 50"	106° 31' 11"					F-48-34-A
núi Lũng Pô	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 52' 17"	106° 29' 34"					F-48-33-B
xóm Nà Gọn	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 59"	106° 31' 11"					F-48-34-A
xóm Nà Nôm	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 52"	106° 29' 41"					F-48-33-B
xóm Nặm Sum - Pác Thay - Tân Mậu	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 36"	106° 30' 03"					F-48-34-A
núi Ngưỡng Bàng	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 32"	106° 32' 51"					F-48-34-A
xóm Pác Chang	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 30' 14"					F-48-34-A
xóm Phia Gà	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 32' 15"					F-48-34-A
xóm Phia Hồng	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 42"	106° 30' 14"					F-48-34-A
núi Thưa Khao	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 26"	106° 31' 58"					F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh			22° 49' 59"	106° 27' 26"	22° 50' 11"	106° 30' 51"	F-48-34-A; F-48-33-B
xóm Bản Giản	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh							
xóm Đà Tiên	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 49' 59"	106° 30' 01"					F-48-33-B
xóm Đông Đò	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 08"	106° 28' 28"					F-48-33-B
xóm Hiếu Lễ	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 26"	106° 29' 41"					F-48-33-B
núi Keng Đáy	SV	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 51"	106° 28' 03"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Kéo Chường - Bản	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 31"	106° 29' 08"					F-48-33-B
xóm Lăng Môn	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh							
suối Ngườm Ngâm	TV	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Cuối	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 56"	106° 28' 59"					F-48-33-B
Pác Ra	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 28' 53"					F-48-33-B
xóm Phía Ngược	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 49"	106° 28' 00"					F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh			22° 49' 59"	106° 27' 28"	22° 50' 03"	106° 26' 47"	F-48-33-B
xóm Bản Chiên	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 16"	106° 27' 12"					F-48-33-B
xóm Đồng Niêng	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 29"	106° 27' 06"					F-48-33-B
xóm Kéo Tong	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 57"	106° 26' 27"					F-48-33-B
núi Lũng Choang	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 53' 13"	106° 25' 00"					F-48-33-B
xóm Lũng Gia	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 26' 38"					F-48-33-B
núi Lũng Kha	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 57"	106° 25' 34"					F-48-33-B
xóm Lũng Răng	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 26' 45"					F-48-33-B
núi Lũng Sung	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 53' 22"	106° 25' 17"					F-48-33-B
núi Nóc Mò	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 00"	106° 26' 37"					F-48-33-B
xóm Pác Nà	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 27' 31"					F-48-33-B
núi Pác Nặm	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 26' 13"					F-48-33-B
suối Pác Nặm	TV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh			22° 52' 25"	106° 25' 36"	22° 51' 25"	106° 27' 42"	F-48-33-B
Páo Năm	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 25' 33"					F-48-33-B
núi Phai Khoang	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 44"	106° 27' 04"					F-48-33-B
xóm Răng Rang	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 14"	106° 26' 03"					F-48-33-B
núi Thín Pâu	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 45"	106° 26' 02"					F-48-33-B
núi Cỏ Chia	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 11"	106° 28' 37"					F-48-33-B
xóm Cốc Chia	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 28' 43"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Giốc Khảm	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 04"	106° 28' 31"					F-48-33-B
xóm Giốc Vung	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 16"	106° 28' 46"					F-48-33-B
núi Khau Rung	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 07"	106° 29' 21"					F-48-33-B
núi Lũng Bàng	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 00"	106° 27' 44"					F-48-33-B
xóm Lũng Bàng	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 43"	106° 27' 10"					F-48-33-B
xóm Lũng Chát	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 40"	106° 28' 38"					F-48-33-B
núi Lũng Chi	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 02"	106° 28' 15"					F-48-33-B
núi Lũng Chốt	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 10"	106° 27' 52"					F-48-33-B
xóm Lũng Chuông	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 43"	106° 27' 41"					F-48-33-B
núi Lũng Chuông	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 33"	106° 27' 36"					F-48-33-B
núi Lũng Gà	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 24"	106° 27' 33"					F-48-33-B
núi Lũng Pô	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 49"	106° 29' 14"					F-48-33-B
núi Lũng Quang	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 37"	106° 28' 26"					F-48-33-B
Lũng Riện	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 51"	106° 28' 35"					F-48-33-B
núi Lũng Tỷ	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 50"	106° 26' 53"					F-48-33-B
núi Nậm Thóm	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 57"	106° 27' 01"					F-48-33-B
xóm Pác Pô	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 28' 33"					F-48-33-B
xóm Pác Quan	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 28' 18"					F-48-33-B
núi Pải Lán	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 08"	106° 26' 58"					F-48-33-B
đường tỉnh 213	KX	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh			22° 54' 22"	106° 34' 06"	22° 58' 34"	106° 32' 00"	F-48-34-A
xóm Bó Hay - Pác Ngà	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 55' 40"	106° 32' 00"					F-48-34-A
xóm Bản Mài (Bản Mài)	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh							
xóm Đồng Xi	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh							
xóm Kéo Giáo	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 55' 06"	106° 33' 11"					F-48-34-A
xóm Khưa Hoi	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 55' 28"	106° 32' 28"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
núi Lũng An	SV	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 55' 28"	106° 31' 51"					F-48-34-A
núi Lũng Khuốt	SV	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 55' 47"	106° 31' 04"					F-48-34-A
núi Lũng Qua	SV	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 54' 29"	106° 32' 05"					F-48-34-A
núi Lũng Thoang	SV	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 55' 15"	106° 34' 45"					F-48-34-A
xóm Nà Giáo	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 56' 13"	106° 31' 12"					F-48-34-A
xóm Phia Mạ	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 55' 36"	106° 32' 37"					F-48-34-A
xóm Phia Mường	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 56' 16"	106° 31' 51"					F-48-34-A
xóm Phia Riềm	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 54' 55"	106° 33' 01"					F-48-34-A
núi Pò Dao	SV	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 56' 28"	106° 30' 51"					F-48-34-A
xóm Pò Pao	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 56' 03"	106° 32' 10"					F-48-34-A
cửa khẩu Pò Pao	KX	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 56' 32"	106° 32' 01"					F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh			22° 54' 18"	106° 33' 48"	22° 56' 52"	106° 30' 58"	F-48-34-A
xóm Tấu Bản	DC	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh							
núi Tôm Deng	SV	xã Ngọc Cồn	H. Trùng Khánh	22° 54' 16"	106° 32' 22"					F-48-34-A
đường tỉnh 213	KX	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh			22° 53' 18"	106° 35' 36"	22° 54' 22"	106° 34' 06"	F-48-34-A
xóm Bản Nhôm	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 13"	106° 34' 04"					F-48-34-A
xóm Đồng Dọ - Pắc Thay - Pắc Piao	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 37"	106° 34' 41"					F-48-34-A
xóm Đồng Ổi	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 28"	106° 34' 49"					F-48-34-A
Gàng Nộc	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 56"	106° 34' 58"					F-48-34-A
núi Giang Mù	SV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 50"	106° 35' 24"					F-48-34-A
xóm Giộc Sầu	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 51"	106° 33' 37"					F-48-34-A
xóm Giộc Sung	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
núi Lũng Đắc	SV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 53"	106° 33' 14"					F-48-34-A
xóm Lũng Hoài	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
xóm Lũng Lầu	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 48' 57"	106° 26' 02"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Bai - Khả Mông - Làng Mỏi	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 48' 26"	106° 25' 23"					F-48-33-B
xóm Nà Gạch	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 51' 42"	106° 33' 24"					F-48-34-A
xóm Nà Lống	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 01"	106° 33' 13"					F-48-34-A
hang Ngườm Hoai	KX	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Nông Trường	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 16"	106° 35' 36"					F-48-34-A
Pác Pháo	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 22"	106° 34' 28"					F-48-34-A
xóm Pác Thay	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 44"	106° 34' 02"					F-48-34-A
Phía Thang	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh							
sông Quây Sơn	TV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh			22° 52' 36"	106° 35' 09"	22° 54' 18"	106° 33' 48"	F-48-34-A
xóm Ta Nay	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 00"	106° 34' 34"					F-48-34-A
xóm Thơm Luống	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 51' 56"	106° 33' 43"					F-48-34-A
Thóm Luống	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 24"	106° 34' 25"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh			22° 49' 25"	106° 33' 36"	22° 49' 17"	106° 35' 44"	F-48-34-A
xóm Bãi Riêng	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Piền	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Quan	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 56"	106° 35' 32"					F-48-34-A
xóm Bản Viêt	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 32"	106° 36' 06"					F-48-34-A
hồ Bản Viêt	TV	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 47' 59"	106° 36' 20"					F-48-34-A
núi Bò Ngàn	SV	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 47' 48"	106° 37' 40"					F-48-34-A
xóm Bó Thua Ma	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh							
xóm Co Bầy	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 56"	106° 34' 48"					F-48-34-A
xóm Động Quan	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 13"	106° 34' 30"					F-48-34-A
Lũng Hoai	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 35"	106° 36' 31"					F-48-34-A
Lũng Luống	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 50' 50"	106° 34' 15"					F-48-34-A
xóm Nà Giốc - Pò Gài	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 25"	106° 34' 47"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	Vĩ độ (00, phút, giây)	Kinh độ (00, phút, giây)	
xóm Nà Mẩn	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 50' 12"	106° 35' 19"					F-48-34-A
Nà Vựa	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 46"	106° 35' 24"					F-48-34-A
xóm Pắc Cống	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 22"	106° 35' 09"					F-48-34-A
Pắc Mác	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 09"	106° 35' 47"					F-48-34-A
xóm Phia Bó	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 53"	106° 33' 56"					F-48-34-A
xóm Tân Phong	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 47' 46"	106° 36' 21"					F-48-34-A
núi Bang Nặc	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 52' 33"	106° 31' 51"					F-48-34-A
xóm Canh Cáp - Bãi Ban - Kéo Viêng	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 52' 57"	106° 32' 09"					F-48-34-A
xóm Đà Bề	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 54' 02"	106° 30' 31"					F-48-34-A
núi Đa Bề	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 46"	106° 30' 25"					F-48-34-A
xóm Giốc Man	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 09"	106° 31' 37"					F-48-34-A
xóm Gộc Rừng	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh							
núi Keo Tân	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 52' 57"	106° 32' 42"					F-48-34-A
xóm Keo Viêng	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 06"					F-48-33-B
núi Khan Mìn	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 37"	106° 32' 19"					F-48-34-A
núi Lũng Biền	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 58"	106° 29' 42"					F-48-33-B
núi Lũng Cỏ	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 54' 09"	106° 30' 59"					F-48-34-A
xóm Lũng Diêng	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 24"	106° 30' 40"					F-48-34-A
núi Lũng En	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 54' 35"	106° 30' 31"					F-48-34-A
núi Lũng Lợi	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 01"	106° 30' 08"					F-48-34-A
núi Lũng Mẩn	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 52' 37"	106° 30' 37"					F-48-34-A
núi Lũng Páo	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 36"	106° 29' 49"					F-48-33-B
núi Lũng Riền	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 54' 01"	106° 29' 08"					F-48-33-B
núi Lũng Rừng	SV	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 08"	106° 32' 20"					F-48-34-A
xóm Lũng Rý	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 53' 12"	106° 29' 46"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Chang - Nà Hâu	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 49' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
xóm Nà Đoàn - Đà Bút	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 32' 19"					F-48-34-A
xóm Nà Thông	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh	22° 52' 50"	106° 31' 22"					F-48-34-A
xóm Ngườm Hoài	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Đồng	DC	xã Phong Nặm	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Cồng	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 11"	106° 32' 16"					F-48-34-A
xóm Bản Mang - Lũng Lác	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh							
Đồng Tâm	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh							
xóm Nà Ké	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh							
xóm Nà Rán	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 21"	106° 31' 59"					F-48-34-A
xóm Ngườm Giang - Nà Noa - Khảm Gát	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 30"	106° 31' 03"					F-48-34-A
núi Pài Cài	SV	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 36"	106° 34' 16"					F-48-34-A
Phò Tấu	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 06"	106° 33' 45"					F-48-34-A
xóm Pò Chang - Luộc Tấu	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh							
xóm Sộc Chàng	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 01"	106° 32' 32"					F-48-34-C+D
xóm Thông Lọc - Lũng Lếch	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 03"	106° 31' 56"					F-48-34-A
xóm Thua Khuông	DC	xã Thần Giáp	H. Trùng Khánh	22° 44' 52"	106° 32' 20"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 206	YX	xã Thông Huê	H. Trùng Khánh			22° 45' 14"	106° 27' 46"	22° 46' 45"	106° 30' 23"	F-48-33-B; F-48-34-A
xóm Bản Cườm	DC	xã Thông Huê	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
xóm Bản Khuông	DC	xã Thông Huê	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
núi Bẫy Tiên	SV	xã Thông Huê	H. Trùng Khánh	22° 46' 35"	106° 29' 38"					F-48-33-B
xóm Cốc Chia	DC	xã Thông Huê	H. Trùng Khánh	22° 45' 55"	106° 28' 14"					F-48-33-B
xóm Cốc Rầy	DC	xã Thông Huê	H. Trùng Khánh	22° 45' 33"	106° 28' 36"					F-48-33-B
xóm Góc Răng	DC	xã Thông Huê	H. Trùng Khánh	22° 48' 46"	106° 27' 16"					F-48-33-B
đảo Khau Liêu	SV	xã Thông Huê	H. Trùng Khánh	22° 45' 14"	106° 27' 46"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
núi Lũng Thân	SV	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 25"	106° 28' 40"					F-48-33-B
núi Lũng Xóm	SV	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 13"	106° 27' 46"					F-48-33-B
xóm Nà Ít	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 37"	106° 29' 26"					F-48-33-B
xóm Nà Kéo	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 26"	106° 25' 23"					F-48-33-B
xóm Nà Thằng	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh							
xóm Nặm Dọi	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 48' 57"	10° 62' 62"					F-48-33-B
xóm Nặm Thum	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 41"	106° 29' 53"					F-48-33-B
núi Thín Phán	SV	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 44' 36"	106° 28' 56"					F-48-33-D
xóm Thông Huệ 1	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 08"	106° 29' 33"					F-48-33-B
xóm Thông Huệ 2	DC	xã Thông Huệ	H. Trùng Khánh	22° 46' 12"	106° 29' 58"					F-48-34-A
sông Bắc Vọng	TV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh			22° 49' 21"	106° 26' 37"	22° 46' 49"	106° 29' 08"	F-48-33-B
xóm Bàn Gán	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 58"	106° 24' 33"					F-48-33-B
xóm Cốc Phay	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 17"	106° 28' 12"					F-48-33-B
xóm Đồng Tâm	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 45' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
núi Gốc Bưởi	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 45' 49"	106° 27' 27"					F-48-33-B
xóm Hào Phò	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 46"	106° 28' 44"					F-48-33-B
đèo Keng Mạ	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 44"	106° 28' 01"					F-48-33-B
xóm Kéo Hìn	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
núi Lũng Seo	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 59"	106° 27' 31"					F-48-33-B
Lũng Thân	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 26"	106° 25' 23"					F-48-33-B
mỏ Máng Gan	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
xóm Nà Găng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 24"	106° 27' 38"					F-48-33-B
xóm Nà Luộc	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 08"	106° 28' 48"					F-48-33-B
xóm Nà Phò	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 50"	106° 25' 29"					F-48-33-B
hàng Ngườm Hoài	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hang Ngườm Ma	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
núi Ngườm Phan	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 57"	106° 28' 32"					F-48-33-B
xóm Nưa Chang	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 09"	106° 27' 57"					F-48-33-B
xóm Pác Loan	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Riêng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 46"	106° 27' 16"					F-48-33-B
núi Phác Khẩn	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 29"	106° 26' 47"					F-48-33-B
xóm Phía Phẳng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Phò Phước	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
Roong Tháy	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 18"	106° 25' 01"					F-48-33-B
xóm Tân Chung	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Tân Lập	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 56"	106° 27' 58"					F-48-33-B
xóm Tục Lũng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 57"	106° 26' 02"					F-48-33-B

reducing

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG